

Công Ân Thiển



Nguyên tác : Gyomay M. Kubose
Dịch giả : Dương Đình Hỷ

Mục Lục

Tiểu sử Gyomay M Kubose	10
Quyển I : Sự Thăng Hoa của Nhị Nguyên	11
2- Không lạnh, không nóng.....	12
3- Cây gậy ngắn.....	12
4- Chữ Vô của Triệu Châu	12
5- Thiên Nữ có hai hồn.....	13
6- Nghe chuông, mặc áo.....	14
7- Hai bữa của Nham Đầu	15
8- Bò Đẻ Đạt Ma và Lương Vũ Đế.....	16
9- Trở lại đời thường	17
10- Không râu.....	17
11- Mọi vật đều tốt nhất	18
12- Vãn Thù vào cửa	18
13- Gặp nhau ở đâu sau khi chết.....	18
14- Một triết gia hỏi Đức Phật.....	19
15- Phật giáo của Địa Tạng	19
16- Phía Nam núi.....	20
17- Thiếu Nữ xuất định	20
18- Đại Đạo không khó	21
19- Con rùa trong vườn	22
20- Thiên viện.....	22
21- Nụ sen và lá sen.....	23
Quyển II : Sự tỉnh thức	24
22- Cửa thiên đàng	24
23- Thoại Nham gọi chủ.....	24
24- Lời khuyên của Tông Nguyên	25
25- Đạp đổ tịnh bình.....	26

26- Khuôn mặt xưa nay	26
27- Cây gậy của Vân Môn.....	27
28- Văn hoá hướng nội.....	27
29- Vô Vị chân nhân	28
30- Lỗ Tổ quay mặt vào vách.....	28
31- Hoàng Bá và những kẻ ăn hèm	29
32- Bánh xe của Hề Trọng	29
33- Ba cửa của Đâu Suất	30
34- Quy Sơn gọi hai ông tăng.....	30
35- Tượng Phật Quán Thế Âm.....	31
36- Ba gậy.....	31
37- Ba lần gọi của quốc sư Huệ Trung.....	32
38- Ngưỡng Sơn chào hỏi	33
39- Triệu Châu khám phá bà lão	33
40- Một ông tăng bị chối bỏ	34
41- Cao Đình đánh một ông tăng	34
42- Làm sao thấy Phật tánh	35
43- Giải quyết vấn đề của một ông tăng.....	35
44- Thiên bản.....	36
45- Bóp mũi.....	36
46- Ba giới không pháp.....	37
47- Hoa Dược lan	37
48- Kho Báu nhà ông.....	38
49- Tánh khí	38
50- Kiểm vị của Vũ Tạng.....	39
51- Đối nhất thuyết.....	40
52- Thân bầy gió vàng.....	40
Quyển III : Vô Cháp	41
53- Không phải gió, không phải cờ.....	41
54- Phật là gì.....	41

55- Người cho phải cảm ơn	42
56- Câu nói của Thủ Sơn.....	42
57- Không thể trộm mặt trăng	43
58- Tâm là Phật	43
59- Tâm không phải.....	44
60- Thanh thoát cô bản.....	44
61- Đạp đổ chậu nước	44
62- Que cứt khô	45
63- Một vị Phật.....	45
64- Cà sa chùm đầu	46
65- Chén trà đầy rồi.....	46
66- Bài giảng của La Sơn	46
67- Giác mộng của Tống Thái Tông	47
68- Nam Tuyên Bác bỏ tu sĩ và cư sĩ	47
69- Tên mít đặc.....	48
70- Bé gái qua suối.....	48
71- Cây gậy của Ba Tiêu.	49
72- Phật đá.....	49
73- Trước thời Đức Phật.....	50
74- Hoa mẫu đơn	50
75- Đại ý của Phật pháp	50
76- Đốn cây	51
77- Thôi tắt nến	51
78- Trời xanh cũng phải ăn gậy.....	52
79- Con chồn của Bách Trọng	53
80- Triệu Châu khám phá hai am chủ	54
81- Hai ông tặng vén rèm	54
82- Ngưỡng Sơn vẽ một vạch.....	55
83- Cử động của một ông tăng	55
84- Cây gậy lớn của Cảnh Thanh.....	56

85- Am cỏ của Nam Tuyền	56
86- Đệ tam toà nói pháp	57
87- Vô nghiệp	57
88- Thượng thư Trần Tháo	58
89- Viết chữ Tâm	59
90- Đứng giờ của Tuyết Phong	59
91- Bí truyền	60
92- Giáo lý cao hơn	60
93- Giảng pháp	61
94- Đại Điền bao nhiêu tuổi	62
95- Phật thân	63
96- Nhập thánh	64
97- Bỏ xuống đi	64
98- Bàn tay của Nhật Trí Mặc Tiên	65
99- Không nước, không trăng.	65
100- Đối nhất thuyết	66
101- Trước 33, sau 33	66
102- Con rắn mũi rùa	67
103- Tiếng mưa rơi	68
104- Trần trần tam muội	68
Quyển IV : Thiên Nhiên	70
105- Trên đường gặp người đạt đạo	70
106- Rửa Bát đi	70
107- Phật đại thông Trí Thắng	71
108- Lăn quả bóng gỗ	71
109- Một triệu vật tới	72
110- Mang túi hành trang dưới nách	72
111- Bảo Thọ xoay lưng	73
112- Đệ nhất nghĩa đế	73
113- Thấy tánh	74

114- Đức Sơn bung bát	74
115- Hạ cây phước xuống	75
116- Gõ vào thành ghé	75
117- Chư vị tiên đức.....	76
118- Tiếp kiến thiên sinh.....	77
119- Quản trị tăng.....	77
120- Cỏ thơm, hoa rụng.....	78
121- Theo nó đi	78
Quyển V : Thế nào là Thiên ?.....	80
122- Ba ngày.....	80
123- Bài giảng của thiền sư Dược Sơn.....	80
124- Bài thơ của Tử Hồ.....	81
125- Ba cân gai.....	81
126- Cây bách trước sân.....	82
127- Hấn là ai ?.....	82
128- Ông là Huệ Siêu	83
129- Bốn cửa thành của Triệu Châu.....	83
130- Cây gậy của Phần Dương.....	83
131- Thiền của Dược Sơn.....	84
132- Giấy trắng của Huyền Sa	84
133- Cái hồ của Dược Sơn	85
134- Khay vỡ	85
135- Lánh cư.....	86
136- Vân Cư gửi đồ ấm.....	86
137- Thuyền sắt	87
138- Gia phong của Vân Môn	88
139- Chỗ trú của Triệu Châu	88
140- Quả linh.....	89
141- Lông mày của Thúy Nham.....	89
142- Một đường Niết bàn	90

143- Giọt nước Tào Khê.....	90
144- Từ Minh tóm tắt	91
145- Tâm bình thường là Đạo	92
146- Mắt nào là mắt chánh	92
147- Cái rìu của Nham Đầu.....	93
148- Ba giới	93
149- Giáo lý tối thượng	94
150- Điềm sâu xa nhất.....	94
151- Ngưỡng Sơn ngòi thiền	95
152- Vân Môn trong miếu	95
153- Tam Tạng của Động Sơn	96
154- Trình độ của Bách Linh	96
155- Bốn không của Tào Sơn.....	97
156- Cây gậy cau của Liên Hoa Phong	98
157- Tôi không biết gã tổng đốc này.....	98
158- Thoát luân hồi	99
159- Diệu Phong Đỉnh.....	99
160- Lão Tẩu ngư	100
161- Đo nước	101
162- Nở đúng lúc.....	101
163- Tháp vô phùng.....	102
164- Phương trượng	103
165- Cây cỏ giác ngộ.....	103
166- Chánh đạo.....	104
167- ngòi một mình trên núi Đại Hùng.....	104
168- Một nụ cười trong đời	105
169- Vạn Tùng không dạy	105
170- Không sợ chết.....	106
171- Ngồi lâu sanh mệt	107
172- Bài kệ cuối cùng của Pháp Tiến.....	107

173- Lục bát thâu.....	108
Quyển VI : Không bắt chước.....	110
174- Một ngón tay thiên của Câu Chi	110
175- Lệch đường	110
176- Đen và trắng của Bạch Vân.....	111
177- Tên đầu rồng	111
178- Lễ Thanh Lương.....	112
179- Huệ Trung đuổi trò.....	113
180- Khảy ngón tay	113
181- Lâm Tế trồng tùng.....	114
Quyển VII : Vượt lên suy luận.....	115
182- Phật mặt trời, Phật mặt trăng	115
183- Tiếng vỗ của một bàn tay.....	115
184- Niêm hoa vi tiếu.....	116
185- Thời gian của Quy Sơn	116
186- Không phải là tâm, Phật, vật.....	117
187- Tâm này không phải là Phật.....	117
188- Hạt kê.....	118
189- Tụng kinh	118
190- Sư tử con	119
191- Sự thật ngoài lời nói.....	119
192- Trạng thái tối cao	119
193- Trấn Châu sản xuất của cải to	120
194- Bữa cơm chiều của Đăng Sử.....	120
195- Định thượng toạ đứng yên	121
196- Tuyết đầy chén bạc	121
197- Ba câu của Tùng Nguyên	122
198- Sau bức màn giấy	122
199- Áo bông.....	123
200- Đi, về.....	123

201- Con trâu qua cửa	123
202- Mang thiên trượng quanh thiên toạ.....	124
203- Giếng khô	124
204- Lời giảng của Vân Cư	125
205- Một loại đại tử.....	126
206- Sự thật không diễn tả.....	126
207- Trời, đất cùng một thể.....	127
Quyển VIII : Sống và Chết	128
208- Nam Tuyên chém mèo	128
209- Làm gì trên đầu gậy trăm thước.....	129
210- Vân Môn bị què.....	129
211- Bồ Đề Đạt Ma an tâm	130
212- Người trên cây.....	130

Tiểu sử Gyomay M Kubose

Mặc dầu sinh ở Mỹ nhưng ông trải qua thời thơ ấu ở Nhật và không nghi ngờ ông chịu ảnh hưởng sâu đậm của Phật giáo. Trở về Mỹ ông theo học ở Berkeley và đạt được văn bằng triết vào năm 1935. Rồi ông đi Nhật và học với Haya Akegarasu. Tháp tùng thầy, ông đã đi một vòng qua các nước Nhật, Đại hàn, Tàu, Mỹ. Ông trở lại Mỹ năm 1941 trước khi thế chiến II bùng nổ. Và trải 2 năm ở trại tập trung ở Wyoming. Ông tới Chicago năm 1944 và lập một thiền viện Phật giáo ở đây. Ông tháp tùng và phiên dịch cho phái đoàn Phật giáo miền Đông của Nhật quanh nước Mỹ. Trải nhiều năm ông đã giúp thành lập nhiều tổ chức Hướng Đạo như Thiếu đoàn 515, Ấu đoàn, Tráng đoàn ..., một trường dạy tiếng Nhật và năm 1955 hội Phật giáo liên kết Mỹ. Năm 1966 ông sang Nhật nghiên cứu 3 năm về Phật giáo ở Kyoto. Năm 1969 trên đường về Mỹ ông chu du thế giới, thăm những thánh tích ở Ấn Độ, thăm các nước ở vùng Đông Á và tham dự đại hội Phật giáo ở Mã Lai. Ông cũng đi thăm thánh địa ở Do Thái, thăm La Mã, Athen và các nước khác ở Âu Châu. Ông bắt đầu giảng dạy ở Chicago vào năm 1970, về Phật giáo và văn hoá Nhật. Ông cũng thành lập một nhóm tập Thiền. Ông thuyết giảng rộng rãi ở Bắc Mỹ, Perou, Ba Tây và Nhật. Cả đời ông, ông nhấn mạnh và dạy Phật giáo không giáo phái. Ông mất ngày 29 tháng 3 năm 2000 tại Chicago.

Quyển 1

Sự Thăng Hoa của Nhị Nguyên

Văn hoá Tây phương là nhị nguyên có xấu, tốt, đúng sai, bạn thù, đây đó. Nhị nguyên là chia ra và sự cạnh tranh thường tiếp theo. Cần phải có phán đoán cố định (cái này đúng, cái kia sai) luôn tạo ra những rắc rối trong xã hội cũng như trong đời sống cá nhân. Nếu ta muốn có một cuộc đời bình yên, hoà hợp thì phải thăng hoa nhị nguyên và phải đạt được nhất nguyên. Nhất nguyên không có nghĩa là giống nhau. Mỗi vật, mỗi sự đều độc nhất và tuyệt đối. Mỗi vật có cái đẹp của nó và có giá trị không thể so sánh. Hoà bình và tự do chỉ có trong thế giới nhất nguyên, thế giới của sự tuyệt đối. Thiên nhân mạnh vào sự thăng hoa nhị nguyên trong những công án sau.

1- Ngày nào cũng đẹp.

Vân Môn hỏi :

-Tôi không hỏi các ông, trước ngày 15 mà sau ngày 15 thế nào ? Trả lời đi chứ.

Đại chúng không trả lời được. Ông tự trả lời :

-Ngày nào cũng đẹp cả.

Ngày nào cũng đẹp cả là một phát biểu đơn giản, nhưng rất ít người rõ ý nghĩa thật của nó. Ngày đẹp không chỉ một ngày đẹp so sánh với một ngày xấu. Nó chỉ một ngày tuyệt đối chứ không phải là một ngày tương đối. Hôm nay là một ngày tuyệt đối, chỉ là một ngày trong thời gian vô cùng. Ngày hôm nay không bao giờ lặp lại. Mọi ngày đều mới như cuộc đời của mỗi người đều mới mỗi ngày. Mỗi ngày đều đẹp cả, nhưng cái đẹp này không phải do chúng ta tạo ra. Nó vốn đẹp từ nguyên thủy, theo ý tuyệt đối; mưa hay nắng, chiến tranh hay hoà bình, ốm đau hay mạnh khoẻ. Quá khứ chỉ để làm bằng chứng, tương lai chỉ là hy vọng. Ngày nay mới là thật.

2- Không lạnh, không nóng.

Một ông tăng hỏi Động Sơn :

-Làm sao tránh được nóng, lạnh ?

-Sao không tới nơi không nóng, không lạnh.

-Có một chỗ như vậy sao ?

-Đó là nơi khi lạnh làm ông chết cứng, khi nóng làm ông chết thiêu.

Nóng và lạnh làm ta không thoải mái. Nó tượng trưng cho những rắc rối trong đời. Khi rắc rối tới, ta phải làm sao ? Nếu ta có thể lẩn tránh thì tốt rồi. Nhưng có nhiều rắc rối không thể tránh được. Ta tới đâu không có rắc rối ? Thiên nói : Trở thành một vôi rắc rối, khi trời nóng đừng than thở : nóng quá, tôi phải làm sao ? Hãy chịu nóng và trở thành nó đừng than thở hay lẩn tránh nó. Bất cứ cái gì xảy ra nếu ta hoàn toàn trở thành một vôi nó thì chúng ta trở thành chủ nhân ông chứ không phải là nạn nhân của nó nữa.

3- Cây gậy ngấn.

Thủ Sơn giơ lên một cây gậy ngấn và nói :

-Nếu các ông gọi đây là cây gậy ngấn, các ông đã trái với thực tại, nếu các ông không gọi đây là một cây gậy ngấn, các ông đã lờ đi sự kiện. Vậy các ông gọi nó là gì ?

Nếu đồ đệ gọi là một cây gậy ngấn họ đã chấp vào danh. Nếu họ không gọi đó là một cây gậy ngấn, họ đã lờ đi thực tại. Họ không thể vừa xác định vừa phủ định. Chỉ khi họ đi đến tận cùng của vấn đề mâu thuẫn mà kêu lên đây là cái gì ? thì mới giác ngộ. Nó là vậy. Đừng nói về nó, hãy kinh nghiệm nó.

4- Chữ Vô của Triệu Châu.

Triệu Châu (778-897) là một thiền sư trứ danh Trung Quốc sống ở thành Triệu Châu, do đó lấy tên là Triệu Châu. Một ngày kia, có một ông tăng rắc rối đến gặp Triệu Châu để nhờ chỉ dẫn. Một con chó đi ngang qua.

Ông tăng hỏi Triệu Châu :

-Con chó có Phật tánh không ?

Ông tăng vừa dứt lời, Triệu Châu hét :
-Vô.

Trong các công án, công án chữ Vô của Triệu Châu là công án nổi danh nhất. Đây là công án phổ biến mà các vị thiền sư thường cho các ông tân tăng tham. Nếu các ông tăng tham đúng Vô giống như một cục sắt nung nóng tọng vào cốc hòng nuốt không vào, nhỏ không ra. Sự quan trọng của Vô là nó biểu thị Phật giáo. Vô trong tiếng Tàu nghĩa là không. Vô cũng là một khái niệm cơ bản trong Triết Đông. Có một chữ Vô tương đối và một chữ Vô tuyệt đối. Chữ Vô tương đối là chữ đối nghịch của chữ Hữu. Chữ Vô tuyệt đối trong Thiền Phật giáo vượt lên có và không. Để hiểu công án này chúng ta phải biết sự phân biệt này. Khi ông tăng hỏi con chó có Phật tánh không ? Ông không chỉ từ cái nhìn của mình, nhưng từ quan điểm cơ bản của Phật giáo là mọi chúng sinh đều có Phật tánh. Triệu Châu biết chuyện này chứ. Chữ Vô của ông là một bạt tai nhằm mục đích phá tán hay cởi mở cái chấp của ông tăng về giáo lý này. Cốt lõi của giáo lý Phật là vô chấp. Những rắc rối và đau khổ của con người không có biệt lệ, đều do sự chấp trước, ngay cả sự chấp vào sự vô chấp cũng là chấp. Triệu Châu muốn ông tăng vượt lên thế giới tương đối, vượt lên có và không, vượt lên Phật giáo, và được tự do, độc lập trong thế giới giác ngộ, là một kích thích mới trong đời. Đời người thường chấp vào sự tương đối có không, tốt xấu, đúng sai. Nhưng cuộc đời chính nó luôn thay đổi. Những điều kiện xã hội thay đổi. Đúng và sai thay đổi. Mọi việc biến đổi theo thời gian và nơi chốn. Những khái niệm tĩnh không thích hợp với cuộc đời. Do đó, Vô là căn bản, nó cung cấp một chỗ mà trí thông minh không thể bám vào. Vô phải kinh nghiệm nó.

5- Thiến Nữ có hai hồn.

Trương Giật có một đứa con gái rất đẹp tên là Thiến Nữ. Ông cũng có một đứa cháu rất đẹp trai gọi là Vương Trụ. Ông thường nói đùa đây là một cặp vợ chồng tương xứng. Nhưng trong ý ông, ông tính gả Thiến nữ cho một người khác. Nhưng Thiến Nữ và Vương Trụ lại tưởng là thật, họ yêu nhau và coi đó là sự tương hứa. Một ngày, Trương Giật tuyên bố sẽ gả Thiến Nữ cho một người khác. Tiếc nuôi và tuyệt vọng, Vương

Trụ dùng thuyền bỏ đi. Sau vài ngày di chuyển, Vương Trụ kinh ngạc thấy Thiên Nữ cũng ở trên thuyền với mình. Họ đi tới một thành gần đó sống vài năm và có hai đứa con. Nhưng Thiên Nữ nhớ bố. Do đó Vương Trụ quyết định trở về với vợ để xin lỗi và nhận sự chúc phúc. Khi tới nơi Vương Trụ để Thiên Nữ ở lại trên thuyền và một mình tới nhà bố vợ. Vương Trụ xin lỗi Trương Giật là đã mang con gái ông đi, và xin tha thứ cho họ. Trương Giật kêu lên :

-Nói chuyện điên rồ gì vậy ?

Sau đó, ông kể khi Vương Trụ bỏ đi rồi thì Thiên Nữ bị bệnh mất hết ý thức, nằm liệt giường, không dờn khỏi phòng cho tới nay. Vương Trụ đoán chắc là ông Trương đã sai lầm, và để chứng minh Vương Trụ sẽ mang Thiên Nữ về. Khi họ bước vào nhà thì Thiên Nữ ở trong buồng trở dậy ra đón, hai Thiên Nữ ôm nhau trở thành một.

Ngũ tổ Pháp Diễn nói : Thiên Nữ có hai hồn, một là Thiên Nữ bị bệnh nằm trên giường, và một là thiếu phụ có hai con ở một thành khác. Hồn nào là thật đây ?

Khi một người đã giác ngộ, người ấy vượt lên nhị nguyên đối đãi và hiểu được chân lý của mọi việc. Chân lý không thể chia chẻ ra được. Ảo tưởng và hiện thực chỉ là tương đối. Không có hiện thực không ảo tưởng. Cái mới chỉ có khi có cái cũ. Không có Đông và Tây. Có và không, không phải là một vấn đề lớn. Sinh và tử chỉ là hai giai đoạn của một việc. Hãy hưởng thụ mùa Xuân, hãy hưởng thụ mùa Hạ, cũng hưởng thụ mùa Thu và mùa Đông. Chân lý là một, chân lý cũng là nhiều.

6- Nghe chuông, mặc áo.

Thiền sư Vân Môn nói :

-Thế giới rộng lớn bao la, sao nghe tiếng chuông lại mặc áo thất điều ?

Trong một thiền viện, đời sống của các ông tăng đã được quy định. Nghe tiếng chuông reo vang thì mọi người phải mặc áo thất điều và đi đến Thiền đường. Nhưng Vân Môn hỏi tại sao ? Có một câu cổ ngữ nói : "Những gì qua cửa thì đều là vật lạ". Cửa chỉ các giác quan : nhìn, nghe, ngửi, nếm, chạm. Nếu chúng ta quyết định, hành động theo bản giác chúng ta đã tuân theo lệnh của bên ngoài. Để thích ứng với hoàn

cảnh chung quanh chúng ta sẽ cảm thấy bị áp lực và dễ bị phiền nhiễu và lo lắng. Đó là một đặc tính của đời sống mới, nhưng nếu ta cố sống vững chãi nội tâm mọi hành động, cảm giác, các chủng tử đều đến từ sâu thẳm bên trong. Người không giác ngộ làm vì phải làm. Người giác ngộ hành động vì ông ta muốn thế. Tự do nằm trong trung tâm của đời sống. Vô Môn chỉ thẳng vào trung tâm.

7- Hai bữa của Nham Đầu.

Kỳ Sơn đến thăm Nham Đầu sống ẩn dật và hỏi :

-Đạo huynh có thường có hai bữa không ?

-Lão tứ của Trương gia ủng hộ tôi. Tôi rất cảm ơn ông ta.

-Nếu ông làm tốt, kiếp sau ông sẽ làm trâu bò để trả ơn trong kiếp này.

Nham Đầu không nói chỉ để hai nắm đấm trên đầu.

-Nếu ông muốn trở sùng thì ông phải ruỗi ngón tay ra chứ.

Trước khi Kỳ Sơn dứt lời, Nham Đầu hét lớn. Kỳ Sơn không hiểu ý nghĩa đó và hỏi :

-Nếu ông hiểu sâu hơn, sao ông không giải nghĩa cho tôi ?

-Ông đã học Phật 30 năm như tôi mà ông còn đi vòng vèo. Tôi không ăn nhậu gì với ông cả. Đi ra !

Nói xong Nham Đầu đóng cửa lại.

Lão tứ của Trương gia ngẫu nhiên đi qua, thương hại dẫn Kỳ Sơn về nhà.

-30 năm trước chúng tôi là bạn thân, nhưng bây giờ ông ta đã đạt được một cái gì đó cao hơn sự hiểu biết của tôi và không chỉ cho tôi.

Đêm đó, Kỳ Sơn không ngủ được. Ông ta trở dậy và đến am của Nham Đầu.

-Đạo huynh, xin hãy từ bi và giảng pháp cho tôi.

Nham Đầu mở cửa và tiết lộ giáo pháp.

Sáng hôm sau Kỳ Sơn về nhà sung sướng với sự giác ngộ.

Khi Kỳ Sơn hỏi Nham Đầu thường có hai bữa ăn không ? Có nghĩa là ông có sống một đời sống tăng lữ bình thường không ? (2 bữa chỉ một bữa buổi sáng và một bữa buổi trưa, là một tập tục dành cho chư tăng). Nham Đầu trả lời là ông ta rất chịu ơn Trương gia. Không có cách nào khác để đền ơn lòng tốt đó bằng cách làm một ông tăng tốt. Làm một

ông tăng là trả lại ơn đó. Kỳ Sơn nhắc nhở Nham Đầu là đừng nhận nhiều đặc ơn quá, và kiếp sau sẽ tái sinh làm người hầu hay trâu bò để trả ơn cho Trương gia. Nham Đầu để 2 năm đằm trên đầu.

-Nếu ông nhìn đời 50/50, cho và nhận thì tôi nhận nhiều hơn cho. Tuy nhiên tôi đã là một con bò rồi.

Nhưng Kỳ Sơn không hiểu quan điểm đó về cuộc đời. Do đó, ông tiếp tục quan điểm nhị nguyên :

-Nếu ông chỉ sùng, thì ông phải làm thế này (ruỗi những ngón tay ra).

Lúc đó Nham Đầu rất chán ghét cái nhìn thiên cận của Kỳ Sơn.

-Ông đã học Phật 30 năm, mà vẫn chấp vào hình thức. Đi ra !

Tình bạn, chân thật là thành thật và trực tiếp, cởi mở và không thoả hiệp.

Nham Đầu rất là tốt. Phải làm trống rỗng một cái ly trước khi rót đầy cho nó. Ta phải đi đến đường cùng rồi mới tìm ra con đường khác. Ta phải chết đi để tái sinh làm một người mới. Đêm đó, Kỳ Sơn đã sẵn sàng để kinh nghiệm chân lý, mà không thể giải thích ra được.

8- Bò Đề Đạt Ma và Lương Vũ Đế.

Vua Lương của nước Tàu là một đại thí chủ của Phật giáo. Ông cho xây nhiều chùa chiền, nuôi dưỡng nhiều tăng, ni và làm nhiều Phật sự bổ ích.

Ông hỏi Bò Đề Đạt Ma :

-Trẫm làm nhiều Phật sự có công đức gì không ?

-Không.

-Thế nào là đệ nhất thánh đế ?

-Chẳng có thánh gì cả.

-Chẳng biết trước mặt trẫm là ai ?

-Không biết.

Vì Lương Vũ Đế không hiểu nên Bò Đề Đạt Ma bỏ đi. Về sau vua kể lại đối thoại này cho một vị cố vấn nghe. Chí Công than rằng Bò Đề Đạt Ma là một bậc thầy lớn đã đạt chân lý. Vua Lương Vũ Đế tiếc nuối, truyền sứ giả mời Đạt Ma trở về, nhưng Chí Công nói :

-Dù người cả nước đi mời, ông cũng không trở lại.

Khi Bò Đề Đạt Ma, một người Ấn Độ đến đất Tàu vào khoảng năm 520, thì Phật giáo đã được thành lập. Lương Vũ Đế mời Đạt Ma vào triều và

câu trả lời của ông đã là một cú sốc lớn. Nhưng câu hỏi của vua đã trập đường rầy. Thái độ của Phật tử là tìm giải thoát cho mình, là tìm một con đường. Câu hỏi của Vua : Trẫm làm nhiều Phật sự có có công đức gì không ? Thực tại là gì, ông là ai ? đều là hỏi về một cái gì đó không liên quan gì đến cái ngã. Do đó, Bồ Đề Đạt Ma lên núi Thiếu Thất bích quán 9 năm không nói gì cả. Ông thành cha đẻ của Thiên tông Trung Hoa.

9- Trở lại đời thường.

Một ông tăng hỏi Hoa Nghiêm :

-Một đấng giác ngộ trở lại đời thường thì thế nào ?

-Một gương vỡ không phản chiếu, những hoa rơi không bao giờ trở lại cành.

Trong đời sống Thiền không có nếu và nhưng. Đời sống Thiền luôn luôn ở đây và bây giờ. Nhiều người sống trong thế giới của nếu, chỉ tưởng chứ không làm. Nếu việc không thành, nếu tôi bị thương, nếu tôi chết . . . Những người sống trong thế giới nếu luôn luôn tha thứ mình trong thế giới nhưng. Tôi muốn làm việc đó nhưng. Tôi muốn gặp ông, luôn luôn có sự xin lỗi. Ông tăng trong công án này hỏi một đấng giác ngộ khi tiếp xúc với đời thường thì phải làm sao ? Do đó ông vượt lên kinh nghiệm của mình và tưởng tượng về thế giới của nếu. Thay vì ông cố gắng tu tập để tự mình giác ngộ rồi tự mình tìm ra lời giải đáp. Câu nói của Hoa Nghiêm sẽ bị hiểu lầm nếu ta không nắm được Phật tánh trong ta, cùng sống đời thường với ta. Đối với các vị Bồ Tát thì cuộc đời thường này là cuộc đời giác ngộ. Gương vỡ, hoa rụng đều có chỗ đứng của nó.

10- Không râu.

Hoặc Am phàn nàn khi thấy bức tranh vẽ Bồ Đề Đạt Ma rậm râu :

-Sao tên rợ Hồ này lại rậm râu ?

Bồ Đề Đạt Ma, một người Ấn Độ mang Thiền từ Ấn Độ sang nước Tàu vào thế kỷ thứ 6, luôn luôn là thấy rậm râu. Khi nói tới Đạt Ma lập tức chúng ta có khái niệm về ông. Khi chúng ta nói về Phật, chúng ta liền có khái niệm về Phật. Chúng ta là nạn nhân của khái niệm. Bởi sự từ chối

diện mạo của Bồ Đề Đạt Ma, Hoặc Am đã đưa chúng ta vượt qua nhị nguyên, đối đãi giữa rậm râu và không râu để thấy Bồ Đề Đạt Ma thật sự.

11- Mọi vật đều tốt nhất.

Một ngày Bàn Sơn đi ngang chợ, ông nghe một người khách nói :

-Bán cho tôi một cân thịt thượng hạng.

Người Bán thịt trả lời :

-Ở đây thịt nào cũng là thượng hạng cả.

Nghe những câu nói này, Bàn Sơn hoá nhiên giác ngộ.

Công án này diễn tả cốt tuỷ của Thiền. Thiền nói về giá trị tuyệt đối chứ không phải tương đối. Một đoá hoa hồng là đẹp nhất của hoa hồng, một đoá hoa Lily là đẹp nhất của Lily. Mỗi cái đều tốt nhất trong cả thế giới. Mỗi người phải cố gắng bày tỏ cái tốt nhất của mình trong đời.

12- Vãn Thù vào cửa.

Một ngày, Vãn Thù Sư Lợi đứng ở ngoài cửa. Đức Phật gọi ông và bảo :

-Vãn Thù sao ông không vào ?

-Con không thấy mình ở ngoài, sao phải đi vào ?

Trong công án này, câu hỏi quan trọng là cửa là gì ? Bình thường cửa là nơi vào hay ra. Nó chia ra bên trong và bên ngoài. Nhưng ở trong thế giới của Pháp thì không có trong, ngoài. Chân lý thì thường tại và phổ quát. Khi Đức Phật bảo Vãn Thù Sư Lợi (tượng trưng cho trí tuệ) vào cửa, là Phật xét xem sự hiểu biết của Vãn Thù. Nhân loại cảm thấy có một cái cửa. Nhưng đó là cửa không cửa, rất khó vào, mặc dù nó luôn mở trong mọi lúc. Cửa không cửa có nhiều, như có nhiều người, mỗi người phải đi qua cái cửa của mình.

13- Gặp nhau ở đâu sau khi chết.

Đạo Ngô đến thăm bạn đồng môn bị ốm là Vân Nham hỏi :

-Tôi sẽ gặp ông ở đâu sau khi ông chết và chỉ để lại cái xác này ?

-Tôi sẽ gặp ông ở nơi không có sống và chết.

Đạo Ngô chỉ trích câu trả lời của Vân Nham và nói :

-Ông nên nói là không có chỗ nào không sống, không chết và chúng ta cũng chẳng cần gặp nhau.

Vài người cùng ăn, cùng ngủ nhưng thực chẳng gặp nhau bao giờ. Đạo Ngô và Vân Nham có thực gặp nhau không ? Có nhiều xác sống đi chuyển đó đây. Sự gặp gỡ đích thực trong đời là sự gặp gỡ trong đời. Trừ phi ta có một sự hiểu biết nghe, không nghe, nhìn không nhìn. Nếu Đạo Ngô và Vân Nham thực sự giác ngộ thì sự đối thoại tinh tế đó không cần thiết, chỉ cần nắm tay nhau là đủ. Huyền Lộ có bài kệ về công án này như sau :

*Cây mận già nở hoa
Cành phía Nam có cả mùa Xuân
Cành phía Bắc cũng vậy mà.*

14- Một triết gia hỏi Đức Phật.

Một vị Bà La Môn hỏi Đức Phật :

-Không hỏi có lời, không hỏi không lời, Xin ông cho tôi biết chân lý.

Đức Phật ngồi yên không nói. Vị Bà la Môn vái và cảm ơn Phật :

-Cảm ơn lòng từ bi của ông đã soi sáng ảo giác của tôi và giúp tôi đạt chân lý.

Sau khi vị Bà La Môn đi rồi, Anan hỏi Phật :

-Vì Bà La Môn đạt được gì ?

-Con ngựa hay thấy bóng roi đã chạy.

Sự im lặng của Phật là động lực. Vị Bà La Môn nhanh chóng hiểu và cảm ơn Phật, nhưng Anan không hiểu. Chân lý vượt lên lời nói. Đời sống chỉ được hiểu bằng đời sống.

15- Phật giáo của Địa Tạng.

Một ngày Địa Tạng tiếp một đệ tử của Bảo Phước và hỏi :

-Thầy ông dạy ông thế nào ?

-Thầy tôi dạy tôi nhắm mắt không nhìn những chuyện xấu, bịt tai không nghe những tiếng xấu, tâm ngừng hoạt động và không tạo những ý xấu.

-Tôi không bảo ông nhắm mắt nhưng ông không nhìn thấy điều xấu. Tôi không bảo ông bịt tai nhưng ông không nghe một tiếng. Tôi không bảo tâm ông ngưng hoạt động nhưng ông không tạo một ý xấu nào.

Mục đích của sự giảng dạy trong Phật giáo là giúp cho Thiên sinh tự tìm thấy ý nghĩa thật của đời sống. Do đó, cuộc đời sẽ bình an, tinh khiết, vui vẻ và đầy sáng tạo. Một vị thầy thật là một vị thiên sư cho những bài học theo sát trò. Ông tăng trong công án là một tân tăng, ông còn chấp vào những gì ông nhìn, nghe, nghĩ. Do đó Bảo Phước cho ông bài học căn bản là tránh chấp vào nhìn, nghe, nghĩ. Lời dạy của Địa Tạng sâu hơn, chúng ta phải mở con mắt thứ ba. Thực tại không có màu, không có dạng. Nhìn vật như chúng là và chúng ta không chấp vào nó. Đời sống sinh động và luôn tiến triển.

16- Phía Nam núi.

Thạch Sưong sống và dạy ở phía Nam núi. Và Quán Khê sống và dạy ở phía Bắc ngọn núi. Một hôm, một ông tăng ở thiền viện phía Bắc đến thiền viện phía Nam, hỏi đạo Thạch Sưong. Thạch Sưong bảo ông :

-Thiền viện phía Nam cũng chẳng hơn gì thiền viện phía Bắc.

Ông tăng không biết trả lời thế nào bèn trở về thuật lại cho Quán Khê nghe. Quán Khê bảo :

-Đáng nhẽ ông phải bảo là tôi sắp nhập Niết bàn rồi.

Như câu nói : “Cỏ nhà hàng xóm thì luôn luôn xanh hơn”. Vì vậy một kẻ sống trong thế giới so sánh sẽ luôn tìm một bãi cỏ xanh hơn như ông tăng này. Thạch Sưong chỉ cho ông tăng bằng cách quả quyết rằng thiền viện mà ông vừa rời bỏ có những điều hay để học. Bối rối về thái độ không cạnh tranh này, ông tăng không biết làm sao trả lời. Nhưng Quán Khê lại phản ứng với lời khen đó : Tôi sắp nhập Niết bàn rồi.

Cả hai bậc thầy đều cố gắng trở cho ông tăng biết chân lý không ở đâu cả, nó ở bên trong.

17-Thiếu Nữ xuất định.

Một ngày kia, Bồ tát Văn Thù đến Pháp hội của chư Phật. Khi ông tới mọi người đã bỏ đi chỉ còn lại Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và một cô gái.

Cô gái ngồi ở chỗ danh dự, chìm sâu trong thiền định. Văn Thù hỏi Phật làm sao cô gái đạt được mức định sâu đó mà mình cũng không đạt được ?

-Hãy đưa cô ấy ra khỏi định mà hỏi.

Do đó, Văn Thù đi vòng quanh cô gái 3 vòng, búng ngón tay ba lần. Cô ta vẫn đắm mình trong thiền định. Ông thi thố tất cả mọi phép màu ngay cả đưa cô ta lên 9 tầng trời cô cũng không xuất định. Bỗng nhiên từ đất Võng Minh vọt lên, ông chỉ búng tay một lần cô gái liền ra khỏi định.

Nguyên tắc của công án này là biểu tượng. Văn Thù tượng trưng cho trí tuệ, Võng Minh là đối nghịch. Tại sao cô gái được định sâu mà Văn Thù không đạt được ? Tại sao Văn Thù không lay tỉnh được cô gái ? Mục đích của Thiền là vượt lên đối đãi và trở thành vô ngã. Vô ngã giống như một chai nước đổ đầy rồi thì ta đóng nút. Dù ta lắc thế nào thì cũng không có tiếng gì. Nhưng nếu ta chỉ đổ nước đầy nửa chai thì ta sẽ nghe tiếng nước. Dĩ nhiên, nếu chai không thì không có tiếng gì. Chỉ ngồi im trong thiền định cũng như cái chai không nước. Chân thiền giống như cái chai đầy nước. Cô gái trong công án là vô ngã, ngay cả Văn Thù cũng không lay chuyển được cô. Nhưng tại sao một kẻ vô tri như Võng Minh lại làm được ? Ngay cả kẻ trí khi chấp vào trí sẽ trở thành nạn nhân của cái trí. Ngay cả chúng ta chấp vào những chủng tử tốt, chúng cũng trở nên xấu. Vô chấp là con đường Đạo.

18- Đại Đạo không khó.

Triệu Châu bảo đại chúng :

-Đại Đạo không khó, nhưng nó không thích sự tương đối. Nếu có nói thì là nói về sự tương đối và tuyệt đối. Lão tăng này không ở trong tuyệt đối, có giá trị hay không ?

Một ông tăng hỏi :

-Nếu thầy không ở trong tuyệt đối làm sao thầy có thể đánh giá nó ?

-Tôi cũng chả biết,

-Nếu thầy không biết sao thầy lại nói thầy không ở trong tuyệt đối chứ ?

-Câu hỏi của ông có hiệu quả, lễ Bái rồi lui.

Mỗi người đều có Phật tánh nguyên thủy, và chân thật. Mỗi người đều hướng nội và đẹp đẽ. Hoa hồng, hoa lily, cây cối, hòn đá mỗi thứ đều như nó. Nếu bạn lùn thì lùn, nếu bạn cao thì cao. Không có gì là sai lầm cả. Đại Đạo không khó, nhưng nó không thích sự tương đối. Nếu ta so sánh tương đối thì tốt và xấu, đẹp và xấu, cao và thấp, đúng và sai nổi lên tạo ra những khó khăn. Ngay cả khi nói một chút về tương đối và tuyệt đối như ông tăng trên thì chúng ta đã không ở trong sự tuyệt đối. Giả sử rất khó vì ta phải tạo nên. Đại Đạo không khó vì nó tự là.

19- Con rùa trong vườn.

Một ông tăng trông thấy một con rùa trong vườn của tu viện Đại Tuỳ hỏi :

-Mọi súc vật đều che xương bằng thịt và da, sao con vật này lại dùng xương che thịt và da ?

Đại Tuỳ tháo dép che con rùa.

Ông tăng đã phân biệt xương, thịt, da, trong ngoài. Sự phân biệt có thể đi xa hơn như tâm trong thân hay thân trong tâm ? Nhưng thái độ này chỉ dẫn đến kết quả là tranh luận hay giải thích. Cuộc đời thì không phải vậy. Cuộc đời là hữu cơ và sinh động. Đại Tuỳ che con rùa với dép của ông để trở cho ông tăng sự hiểu biết của mình về thực tại không xa hơn thế giới hiện tượng.

20- Thiền viện.

Một ngày kia, Bảo Phước bảo đồ đệ :

-Khi đi ra sau thiền viện thì gặp ông Trương và ông Lý. Nhưng nếu đi ra trước thì không gặp ai cả. Tại sao vậy ? Đi đường nào tốt hơn ?

Một ông tăng trả lời :

-Có cái gì sai lầm với cái nhìn, nhìn mà chẳng được gì.

Thiền sư quả ông tăng :

-Đồ ngu, thiền viện luôn như vậy.

-Nếu không thấy thiền viện thì phải thấy một cái gì chứ ?

-Tôi đang nói về thiền viện chứ không nói về cái khác.

Thiền viện ở đây tượng trưng cho thực tại của thế giới này. Đằng sau thiền viện là thế giới hiện tượng và đằng trước là cốt tuỷ của Pháp. Khi đi ra đằng sau thiền viện ta gặp ông Trương, ông Lý, sông, núi. Khi ra đằng trước ta không thấy gì đặc biệt cả. Ông tặng phản đối là chẳng có lợi gì cả khi nhìn. Nhiều người ngày nay nói, tôi chỉ tin khi tôi thấy. Bảo Phước quả ông tặng chỉ nhìn bề ngoài không phải cốt tuỷ, thực tại. Thiền viện luôn luôn là thiền viện, như nó là, và không là gì khác. Phật giáo không có gì là được hay mất.

21- Nụ sen và lá sen.

Một ông tặng hỏi Trí Môn :

-Búp sen chưa ra khỏi nước thì thế nào ?

-Búp sen.

-Khi ra khỏi nước thì thế nào ?

-Lá sen.

Trí Môn thuộc dòng thiền Vân Môn, khó hiểu đối với người bình thường học thiền, so với các dòng thiền khác. Ông tặng trong công án này đã có một trình độ cao. Câu hỏi của ông là liên hệ giữa sự tuyệt đối và hiện tượng thế nào ? Công án nói cách khác sẽ là tôi là ai trước khi sinh ra? Trước khi thế giới xuất hiện thì là gì ? Trước khi vũ trụ xuất hiện thì là gì ? Câu trả lời của Trí Môn cho ta thấy những gì ta đã thấy. Nhìn từ góc độ tuyệt đối thì búp sen ở dưới nước vẫn là búp sen. Sau khi ra khỏi nước thì nó là lá sen vì nó cũng có lá. Dù là gọi là gì thì nước đá, nước, hơi nước cũng chỉ là một. Người da trắng, da nâu hay da đỏ đều là người, nếu chấp vào một hiện tượng đặc biệt thì hiện tượng phổ quát sẽ bị bỏ qua.

Quyển 11

Sự tỉnh thức

Trừ phi ta tỉnh thức, ta không sống một cách đầy đủ. Ta có tai nhưng ta không nghe. Ta có mắt nhưng ta không nhìn. Thường thì ta chỉ hiện hữu. Tỉnh thức có nghĩa rằng tỉnh thức về cuộc đời. Câu hài cú Nhật bản rất kiệm lời đã được dùng quá 300 năm rồi phát sinh từ sự tỉnh thức. Câu hài cú hiển tả cuộc đời như sau :

*Lá phong
rơi xuống
bầy mặt trước
bầy mặt sau.*

Lương Khoan.

22- Cửa thiên đàng.

Một vị tướng quân đến hỏi Bạch Ân, một vị thiền sư trú danh :

-Có thiên đàng, có địa ngục không ?

-Ông là ai ?

-Một vị kiếm khách

-Ông mà là một vị kiếm khách ư ? Phủ chủ nào mượn ông ? Trông ông như một gã ăn mày.

Vị kiếm khách nổi giận và rút kiếm ra.

-Ồ ông còn có kiếm nữa, nhưng kiếm ông quá cùn để chặt đầu tôi.

Vị kiếm khách vỗ kiếm.

-Cửa địa ngục đã mở rồi đấy.

Nhe lời này vị kiếm khách tra gươm vào vỏ và vái lạy.

-Cửa thiên đàng đã mở rồi.

Thiên đàng và địa ngục có trong đời sống thường ngày.

23-Thoại Nham gọi chủ.

Thoại Nham tự gọi mình mỗi ngày :

-Ông chủ ơi.

Và tự trả lời :

-Dạ !

-Hãy tỉnh thức.

-Vâng ạ !

Sau một lúc :

-Đừng để người khác lừa dối.

-Dạ ! Vâng.

Gọi chủ bên trong không phải ngoài mục đích nội soi mà mục đích là hiểu động cơ tâm lý hay đánh giá hành vi tốt hay xấu. Thoại Nham gọi chủ là gọi cái đại ngã chứ không phải cái ngã luân lý. Thoại Nham đã gọi cái chân ngã trước khi ông được sanh ra đời.

24-Lời khuyên của Tông Nguyên.

Đại Huệ là một vị đại thiên sư đời Tống của nước Tàu. Ông có một đệ tử tên là Đạo Khiêm, học thiền nhiều năm mà không tiến bộ. Một hôm thiên sư sai Đạo Khiêm đưa thư tới một nơi xa đi đến mất cả nửa năm trời. Đạo Khiêm thất vọng vì làm trễ nải sự nghiên cứu về thiền của mình. Tông Nguyên, một bạn đạo của Đạo Khiêm thương hại ông và nói :

-Tôi sẽ đi với ông và giúp ông làm mọi việc mà tôi có thể để ông có thể thiền trong khi di chuyển.

Do đó hai người lên đường một chiều kia Tông Nguyên buồn rầu bảo Đạo Khiêm :

-Ông biết không, tôi sẵn sàng giúp ông làm mọi việc nhưng có năm việc tôi không làm được.

-Đó là những chuyện gì ?

-Chẳng hạn khi ông đói hay khát, ông phải tự mình ăn uống. Tôi ăn hay uống không làm ông no hay hết khát. Khi đi tiêu hay tiểu ông phải tự làm, tôi không làm gì được. Khi đi đường ông cũng phải tự đi.

Với những nhận xét này, tâm hồn Đạo Khiêm đã được mở rộng. Ông không biết làm sao để diễn tả sự vui mừng. Tông Nguyên bảo ông :

-Công việc của tôi đã xong, ông không cần sự đồng hành của tôi nữa.

Nói rồi bỏ đi. Khi Đạo Khiêm hoàn tất việc đưa thư và trở về tu viện, thiền sư Đại Huệ đã thấy ngay rằng ông đã giác ngộ.

Giáo lý của thiền là nhận vật như chính nó. Đạo Khiêm đã tìm kiếm điều bí mật của thiền trong nhiều năm, nhưng khi nghe lời khuyên của Tông Nguyên ông mới hiểu được chân lý. Chân lý thiền ở khắp mọi nơi trong cuộc sống hàng ngày. Khi chúng ta kinh nghiệm nó, một thế giới mới mở ra.

25- Đạp đổ tịnh bình.

Bách Trọng muốn cử một ông tăng trụ trì cho một thiền viện mới. Ông nói với đồ đệ là bất cứ ai trả lời đúng sẽ được chỉ định. Đặt một tịnh bình trên đất ông hỏi :

-Không gọi nó là tịnh bình thì gọi nó là gì ?

Thủ tọa nói :

-Không thể gọi nó là khúc gỗ.

Quy Sơn không nói, đạp đổ tịnh bình.

Bách Trọng cười nói :

-Thủ tọa thua mất ngọn núi rồi .

Thủ tọa còn chấp vào tịnh bình và muốn nói một chút gì về nó, trong khi Quy Sơn vượt lên câu hỏi. Dùng trí huệ để trả lời là một cách tiếp cận sai lầm. Câu hỏi của cuộc đời phải trả lời bằng cả tính nết của con người, chứ không phải là sự hiểu biết của mình.

26- Khuôn mặt xưa nay.

Huệ Năng là lục tổ, được ngũ tổ truyền y Bát. Vì sợ sự ghen tỵ của các ông tăng, rời tu viện vào buổi tối mang theo y Bát. Vài ông tăng đuổi theo, mong cướp lại y Bát. Trong đó có Huệ Minh cao lớn, khoẻ mạnh. Huệ Năng biết Huệ Minh tới, do đó ông ngồi xuống một tảng đá nghỉ và để y Bát trên một tảng đá bên cạnh. Khi Huệ Minh xuất hiện, Huệ Năng nói :

-Những y Bát này tượng trưng cho chân lý. Nếu ông muốn thì cứ việc lấy mang đi.

Nhưng khi Huệ Minh nhắc lên thì chúng nặng như núi. Run rẩy, xấu hổ Huệ Minh nói :

-Tôi đến đây vì giáo pháp chứ không phải vì y Bát.

-Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, lúc đó cái gì là khuôn mặt xưa nay của Minh thượng toạ ?

Nghe lời nói này toàn thân Huệ Minh toát mồ hôi : ông đã giác ngộ. Rất biết ơn ông nói :

-Ông đã ban cho tôi bí mật và ý nghĩa của giáo pháp, còn pháp nào bí mật nào nữa không ?

-Những gì tôi nói với ông chẳng có gì là bí mật cả. Khi ông thể hiện chân ngã thì bí mật thuộc về ông.

Khuôn mặt xưa nay chỉ khuôn mặt trước khi sanh. Huệ Năng cố gắng chỉ cho Huệ Minh thế giới tuyệt đối. Trong thế giới tương đối chúng ta chấp vào mặt này, mặt kia, mặt đẹp xấu, đúng sai, yêu ghét, to nhỏ, thẳng cong. Khuôn mặt xưa nay nhìn thế giới trước khi nó chia chẻ. Chân ngã là vô ngã. Thiền sách tiến chúng ta nhìn vào trong. Cởi bỏ cái ngã bên ngoài ta sẽ tìm được cái chân ngã.

27- Cây gậy của Vân Môn.

Một hôm Vân Môn bảo đồ đệ :

-Cây gậy của tôi biến thành một con rồng nuốt cả vũ trụ, sơn, hà, đại địa ở đâu ?

Công án trở sự quan trọng của nhất tâm và sức mạnh của sự chú ý. Vân Môn giơ gậy lên cao, với sức mạnh trên mắt các đồ đệ như là nắm một con rồng sống. Cả đám chăm chú vào cây gậy. Vân Môn đã lưu ý khán giả với cây gậy và không gì khác. Nó thật đã nuốt cả vũ trụ. Khi ta làm một cái gì – bất cứ cái gì – thì phải làm hết sức mình. Ta phải sống mỗi ngày như nó là một ngày độc nhất trong vũ trụ.

28- Văn hoá hướng nội.

Đại Từ bảo đại chúng :

-Ta nên đào sâu vào trong một thước hơn là toả pháp ra ngoài 10 thước. Văn hoá hướng nội một tấc còn tốt hơn là giảng đạo 10 tấc.

Để cân bằng và làm sáng tỏ câu nói này Động Sơn nói :

-Tôi giảng dạy cái gì tôi không thực hành. Tôi thực hành cái gì tôi không giảng dạy.

Một chủng tử tốt tốt hơn 100 lời nói đẹp. Ngày xưa cũng như ngày nay lời nói nhiều hơn hành động. Đại Từ nhấn mạnh làm hơn nói. Động Sơn thấy đồng xu và xác định nói và làm đều có giá trị, chúng không thể so sánh. Nhưng cả hai vị thiền sư đều cùng một quan điểm : Phải nhìn vào trong.

29- Vô Vị chân nhân.

Lâm Tế bảo đại chúng :

-Trong máu thịt của các ông có một Vô Vị chân nhân, thường ra vào nơi cửa mặt, ai không chứng, hãy khám phá ngay giây phút này.

Có một ông tăng đứng dậy thưa :

-Ai là Vô Vị chân nhân ?

Lâm Tế bước xuống toà giảng, nắm áo ông tăng, kêu lên :

-Nói, nói !

Ông tăng im, Lâm Tế tát ông và nói :

-Vô Vị chân nhân này không tốt gì cả.

Không dạng, không màu (vô vị) chân nhân sống trên thịt và máu là đã mâu thuẫn rồi. Vì không dạng, không màu nên Vô Vị chân nhân này tới và đi nơi nào cũng được. Nhưng Lâm Tế nói Vô Vị chân nhân này ra vào qua mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của chúng ta một sự mâu thuẫn xa hơn. Khi ông tăng hỏi : Vô Vị chân nhân là ai ? Và Lâm Tế trả lời :

-Tôi tưởng đây là một Vô Vị chân nhân thật, nhưng vị này vừa chấp trước, vừa ảo tưởng.

Vì từ bi Lâm Tế đã cố gắng đánh thức các ông tăng đang mơ ngủ.

30- Lỗ Tổ quay mặt vào vách.

Khi có ông tăng hoặc cư sĩ nào đến tham học, Lỗ Tổ đều xoay mặt vào vách. Bạn đồng môn là Nam Tuyên chỉ trích phương pháp này :

-Tôi bảo chư tăng hãy đặt mình vào thời trước khi Đức Phật ra đời. Nhưng ít người thực sự hiểu thiền ý; chỉ cho họ xoay mặt vào vách như Lỗ Tổ chả mang lợi ích gì.

Xưa nay truyền thông là một vấn đề lớn của đời sống, trong thế giới thương mại cũng như trong thiền. Có hai loại truyền thông : Một là ở mức độ dữ kiện (thí dụ : Tôi sẽ đến vào 10 giờ sáng mai), hai là ở mức độ cảm giác. Nam Tuyên chỉ trích phương pháp của Lỗ Tổ, bởi vì ngay cả khi ông giảng thì chỉ có một ít đồ đệ lãnh ngộ được chân lý. Vì vậy phương pháp của Lỗ Tổ không tốt chút nào. Nhưng con người càng ngày càng trở nên lười suy nghĩ, ít sáng tạo cho nên phương pháp của Lỗ Tổ có lẽ tốt hơn. Khi một thiền sinh đến tham học, thiền sư xoay mặt vào vách. Đệ tử không cách gì khác là ngồi im. Ông có cơ hội ngồi thiền ngay đó vì thầy đang thiền. Do đó, người đệ tử có thể nội quán và tự làm sáng tâm mình thay vì nhận những lời giải thích từ bên ngoài.

31- Hoàng Bá và những kẻ ăn hèm.

Hoàng Bá bảo đại chúng :

-Hỡi những kẻ ăn hèm, nếu tôi đi tham học nhiều như các ông để tìm thiền thì tôi sẽ ra sao bây giờ ? Các ông không biết rằng đất này không có thiền sư sao ?

Một ông tăng bước ra trước và nói :

-Chắc chắn có nhiều hướng dẫn đồ chúng thì sao ?

-Tôi không nói không thiền, chỉ là không có thiền sư.

Hoàng Bá là đệ tử của Bách Trượng và là thầy của Lâm Tế, Ông quả thật là một thiền sư lớn. Những nhận xét của ông là một lời cảnh cáo cho các ông tăng. Nhiều người trong bọn họ hết đi từ tu viện này đến tu viện khác để tìm thiền. Họ không bao giờ thấy thiền trong cách này. Với người thực sự không tìm kiếm chân lý thì thầy có ở khắp nơi. Hoàng Bá nói không có thầy vì sự thực thiền không thể dạy. Ta phải nhìn vào trong, thiền ở trong đó. Khi đó ta sống thiền và có nhiều thầy.

32- Bánh xe của Hề Trọng.

Nguyệt Am bảo đại chúng :

-Hề Trọng người làm xe ở nước Tần, chế 2 Bánh xe có 50 nan. Bây giờ các ông bỏ vành đi thì Bánh xe sẽ như thế nào ? Và nếu Hề Trọng làm như thế, ông ta có còn được gọi là người tạo xe hay không ?

Bánh xe là Bánh xe như nó là, nếu ta bỏ vành và trục đi thì nó không phải là Bánh xe nữa. Một cái xe dùng để mang vật. Bỏ Bánh xe, trục, thân, càng xe thì không có xe nữa. Một cái nhà gồm có thành phần mái, tường, cửa sổ, cửa ra vào. Một phần nếu tách rời ra khỏi toàn thể thì không có giá trị gì. Do đó phân tích, phán đoán là làm mất toàn thể. Mổ sẽ là giết bỏ. Đời sống không phải là sự tập hợp các thành phần.

33- Ba cửa của Đâu Suất.

Đâu Suất Duật dựng 3 cửa để chất vấn người học :

-Vạch cỏ tham huyền chỉ mong thấy tánh. Ngay chính lúc này tánh ông ở đâu ?

Thấy được tánh thì mới thoát vòng sinh tử, khi ông nhắm mắt làm sao thoát ?

Thoát vòng sanh tử thì biết được chỗ về. Khi tứ đại phân ly ông sẽ về đâu ?

Công án này hỏi những câu hỏi căn bản của thiền : Thế nào là bản chất thật của ông ? Làm sao ông có thể được giải thoát, và ông đang ở đâu ? Những câu hỏi này cũng là những câu hỏi căn bản của đời sống. Nếu ta muốn sống một đời sống có ý nghĩa, thanh bình, và hạnh phúc thì chúng ta phải tìm giải đáp cho những câu hỏi này. Thiền không tách rời khỏi đời sống thực tiễn hàng ngày. Nó dạy chúng ta sống bằng cách tìm thấy cái chân ngã. Học thiền là học về cái ngã : Tôi là gì ?

34- Quy Sơn gọi hai ông tăng.

Quy Sơn gọi Viện chủ, khi ông tới, Quy Sơn nói :

-Tôi gọi Viện chủ, không phải ông.

Viện chủ không biết nói gì.

Quy Sơn sau đó gọi Thủ toạ, khi ông này tới, Quy Sơn nói :

-Tôi gọi Thủ toạ, không phải ông.

Thủ toạ cũng không trả lời được.

Thiền sư rất từ bi ngay cả khi đang cười cổ đồ đệ, cũng gắng sức làm cho đồ đệ tiến bộ. Nếu Viện chủ và Thủ tọa làm tốt việc mình thì khi bị hỏi đã trả lời với sự tự tin và kiêu hãnh :

-Thầy không biết tôi là Viện chủ sao ?

Rất tiếc họ không nói gì cả. Thật đáng thương , họ chỉ làm công việc.

35- Tượng Phật Quán Thế Âm.

Có một lần dân chúng Đại Hàn nhờ một nhà điêu khắc Trung Hoa tạc một pho tượng Quán Thế Âm. Bức tượng hoàn tất và được mang tới hải cảng để chở về Đại Hàn. Bỗng nhiên pho tượng trở nên nặng một cách khác thường, sức người không làm sao mà di chuyển được. Dân Đại hàn và dân Tàu họp nhau thương lượng và quyết định để pho tượng lại đất Tàu. Sau đó sức nặng pho tượng trở lại bình thường và được thờ ở một ngôi chùa ở Minh Châu. Có một người đến chiêm nghiệm bức tượng và nói :

-Trong kinh nói Bồ tát Quán Thế Âm có huyền năng có thể xuất hiện ở bất cứ nơi nào, sao pho tượng này lại không chịu đi Đại Hàn ?

Bồ tát Quán Thế Âm tượng trưng cho lòng từ bi, pho tượng này không ở Trung Hoa, Đại Hàn, Hiệp Chúng Quốc. Nếu tâm từ bi mở rộng thì nó ở bất cứ đâu. Kẻ nào đi tìm Quán Thế Âm ở Trung Hoa nhất định sẽ trở về tay không.

36- Ba gậy.

Động Sơn đến tham học, Vân Môn hỏi :

-Vừa từ đâu lại ?

-Tra Độ.

-Kiết hạ ở đâu ?

-Chùa Báo Từ ở Hồ Nam.

-Rời chỗ đó lúc nào ?

-Ngày 25, tháng 8.

-Tha cho ông 3 gậy.

Hôm sau Động Sơn thưa :

-Đội ơn hoà thượng tha 3 gậy, nhưng không biết con sai chỗ nào ?

-Đồ giá áo túi com, Giang Tây, Hồ Nam đi đâu mà chẳng được.

Động Sơn do đó mà đại ngộ.

*Vì là lần thứ nhất gặp gỡ giữa Động Sơn và thầy Vân Môn. Động Sơn trả lời các câu hỏi hết sức ngây thơ, vô tội và không hiểu mình đã sai lầm ở chỗ nào. Ngày hôm sau ông hỏi chuyện này và Vân Môn trả lời :
-Đồ ngu, đồ vô dụng, chỉ làm mất thì giờ.*

Những câu trả lời của Động Sơn chỉ là những câu trả lời máy móc, thiếu sự tỉnh thức, đáng đánh 3 gậy. Một truyền thuyết nói sư tử mẹ sau 3 ngày sinh, đẩy các con nhỏ từ một tảng đá. Nó chỉ nuôi dưỡng những con sư tử con trở lại. Những bài học của cuộc đời rất khắc nghiệt. Muốn học ta phải tỉnh thức.

37- Ba lần gọi của quốc sư Huệ Trung.

Có một ngày quốc sư Huệ Trung gọi thị giả từ sau bình phong :

-Thị giả !

Thị giả nghe thầy gọi bèn từ phòng ngủ đến phòng thầy.

-Dạ thưa thầy, có con đây !

Nhưng thầy không phản ứng, ông nài nì :

-Thầy cần gì không ?

Im lặng. Nghĩ mình đã lầm, ông trở về phòng.

Một lúc sau, Huệ Trung lại gọi :

-Thị giả !

Thị giả đứng ngoài bình phong thưa :

-Có con đây, con có thể làm gì cho thầy ?

Im lặng, nghi hoặc và bối rối ông trở về phòng. Chưa về tới nơi thiền sư lại gọi lần thứ ba, to hơn các lần trước. Thị giả thưa :

-Thầy đã gọi 3 lần rồi, con có đây.

Sau một lúc im lặng, thiền sư nói :

-Vào đi !

Thị giả bước vào.

-Ông biết không, ông tu với tôi đã lâu mà vẫn chưa ngộ. Tôi nghĩ đó là lỗi của tôi. Tôi xấu hổ đã là một ông thầy dở. Nhưng nay tôi thấy đó không phải toàn là lỗi của tôi. Thay vì phải xin lỗi ông, ông phải xin lỗi tôi.

Một vài nhà chú giải khen thị giả trả lời 3 lần không máy móc. Những người khác lại cho rằng, thiền sư quá nhiệt tâm với sự giác ngộ của đệ tử. Khi lời nói và việc làm đã xong, thiền là sự tỉnh thức. Thị giả phải tỉnh thức, thầy gọi mình 3 lần là có ý gì ? Thiền sư không gọi thị giả để sai làm một cái gì. Thiền sư có thể dạy, nhưng chỉ đồ đệ mới có thể học. Thiền sư chỉ có thể chỉ con đường tới sự tỉnh thức. Đừng im như hén.

38- Ngưỡng Sơn chào hỏi.

Cuối kỳ Hạ, Ngưỡng Sơn đến gặp thầy. Quy Sơn hỏi :

-Cả Kỳ Hạ, tôi không thấy ông, ông làm gì ?

-Con làm ruộng và gặt được một thùng kê.

-Vậy ông không uổng phí mùa Kết Hạ.

-Còn thầy thì sao ?

-Mỗi ngày tôi ăn một bữa vào chính Ngọ và ngủ vài giờ sau nửa đêm.

-Vậy thầy đã không uổng phí mùa Kết Hạ.

Ngưỡng Sơn nói rồi thè lưỡi ra. Quy Sơn nhận xét :

-Ông nên tự trọng.

Mỗi thiền viện có 3 tháng hè gọi là mùa Kết Hạ. Chư tăng toạ thiền và làm việc, đó là sống thiền. Cuối kỳ Hạ, thiền sinh sẽ đến gặp thầy. Cuộc gặp này là một trải nghiệm sự hiểu biết của thiền sinh. Khi Ngưỡng Sơn đến gặp thầy, ông rất tự hào về việc làm khó nhọc của mình. Ông cũng muốn biết thầy mình có làm việc không. Nhưng quá tự tin đến nỗi trở thành vô lễ. Ở đây ta thấy Quy Sơn là một ông thầy hiền từ, ông không những không giận mà còn khuyên Ngưỡng Sơn nên tự trọng.

39- Triệu Châu khám phá bà lão.

Một du tăng hỏi đường bà lão đường đến Thái Sơn, nơi một tự viện phổ thông truyền Bá trí huệ cho những người thờ phượng.

Bà lão nói :

-Cứ đi thẳng.

Khi ông tăng đi được vài bước lại nghe bà lão lắm bảm :

-Cũng chỉ là một ông tăng đi chùa.

Vài người kể lại chuyện này cho Triệu Châu, Triệu Châu nói :

-Chờ tôi đi khám phá bà lão.

Ngày hôm sau, ông cũng đi và hỏi cùng câu hỏi, bà lão cũng cho cùng câu trả lời. Triệu Châu đưa ra nhận xét :

-Tôi đã khám phá bà lão.

Tu viện ở núi Thái Sơn rất nổi tiếng và được nhiều khách hành hương viếng thăm. Ở dưới chân núi có một quán trà do một bà lão trông coi. Bà lão này rất thiện và quan sát các ông tăng đi qua. Khi thiền sư Triệu Châu tới quán trà của bà, ông mặc như một ông tăng thường và hỏi đường tới Thái Sơn. Bà lão cho ông một câu trả lời giống như các ông tăng khác. Và sau khi ông đi vài bước bà lại kết luận ông cũng là một ông tăng đi chùa. Câu đối thoại vẫn vậy, chỉ là các lần trước thì là bà lão khám phá các ông tăng, lần này thì Triệu Châu khám phá bà lão. Mục đích của công án này là bạn ở đâu ? Triệu Châu nhắc lại hành động của các ông tăng khác nhưng ông tự theo đường của mình.

40- Một ông tăng bị chổi bỏ.

Một ông tăng lại gần Tuyết Phong và lạy. Tuyết Phong đánh ông 5 gậy.

Ông tăng hỏi :

-Con lồi ở đâu ?

Tuyết Phong đánh thêm 5 gậy nữa và hét đuổi đi.

Giáo huấn của thiền không dùng sách vở, vượt lên lời nói, lấy tâm truyền tâm. Thiền cũng dùng gậy và hét như công án và vấn đáp. Lâm Tế nổi tiếng về tiếng hét; Đức Sơn nổi tiếng về đánh bằng gậy. Ông tăng lạy Tuyết Phong để chào và tỏ ý kính trọng. Nhưng Tuyết Phong đánh ông 5 gậy. Dĩ nhiên là ông tăng ngạc nhiên và hỏi tại sao ? Kết quả là ông nhận thêm 5 gậy và một tiếng hét. Nếu chào hỏi đến từ một người giác ngộ thì nó có một ý nghĩa sâu xa. Nhưng ông tăng này cũng như đa số chúng ta chỉ thực hành nghi thức một cách vô nghĩa. Con số lần bị đánh không có ý nghĩa gì. 5 lần đầu còn nhẹ, 5 gậy sau đã sâu hơn, tiếng hét có ý hầy thức tỉnh mau !

41- Cao Đình đánh một ông tăng.

Một học đồ của Giáp Sơn đến tham Cao Đình, vái lạy. Cao Đình đánh ông. Ông tăng hỏi :

- Con đến tham học và kính thầy một vái, sao thầy lại đánh con ?
Cao Đình lại đánh ông và đuổi ông ra khỏi thiền viện. Ông tăng trở về thiền viện và thuật lại cho Giáp sơn nghe.
- Ông có hiểu không ?
-Không, con không hiểu.
-May là ông không hiểu, nếu không tôi đã cầm miệng hên.

Trong nước tàu cổ, phong tục là ta phải vái lạy một người nổi tiếng khi tới thăm. Do đó ông tăng vái lạy Cao Đình khi tới tham học. Thiền sư có một pháp trăn. Đó là một cây gậy nhỏ làm bằng tre hay gỗ, và đôi khi dùng để gõ lưng hay thức tỉnh các ông tăng. Cao Đình dùng pháp trăn để đánh ông tăng. Và khi ông tăng hỏi tại sao, ông đã bị đuổi ra khỏi thiền viện. Cao Đình đánh ông tăng là cố gắng đánh thức ông tỉnh thức về thực tại trong ông. Thiền sinh để mắt thì giờ để vái lạy kẻ khác. Giáp Sơn cố kết luận bài học mà Cao Đình đã bắt đầu nhưng ông tăng đã không giác tỉnh.

42- Làm sao thấy Phật tánh.

Một ông tăng hỏi Tuyết Phong :

- Một vị La Hán thấy Phật tánh như nhìn trăng ban đêm, một vị Bồ tát thấy Phật tánh như nhìn mặt trời lúc ban ngày, còn thiền sư thì sao ?
Để trả lời, Tuyết Phong đánh ông 3 gậy. Ông tăng đến hỏi Nham Đầu cùng câu hỏi. Nham Đầu tát ông 3 cái.

La Hán chỉ tự độ, Bồ tát chỉ tự độ rồi độ tha. Ông tăng trong công án này chỉ hỏi người khác thay vì tu tập để tự thấy Phật tánh. Đương nhiên là phải đánh cho ông thức tỉnh.

43- Giải quyết vấn đề của một ông tăng.

Sau buổi thượng đường, một ông tăng gặp Dược Sơn và thưa :

- Con có một vấn đề, xin thầy giải giùm.
-Được rồi tôi sẽ giải quyết cho ông vào buổi giảng chiều.
Khi mọi người tụ tập ở giảng đường chiều hôm đó, Dược Sơn nói :
-Sáng nay ông tăng bảo tôi có vấn đề hãy bước ra trước, ngay bây giờ.
Khi ông tăng bước ra, Thiền sư nắm chặt lấy ông và nói :

-Chư tăng nhìn đây ! Ông tăng này có vấn đề !
Nói rồi đây ông tăng sang một bên và đi về phòng.

Cuộc đời để sống, chân lý thì cụ thể. Thiền phải tức khắc và trực tiếp vì thiền là đời sống. Một vấn đề mà có thể chờ cả một ngày để giải quyết thì khó có thể gọi là vấn đề. Bạn có thể chờ một ngày khi đầu bạn bị chìm dưới nước không ? Buổi giảng chiều của Dược Sơn quả là một màn kịch.

44- Thiền bản.

Long Nha hỏi Thiền sư Thuý Vi :

-Tại sao Bồ Đề Đạt Ma tới Trung Hoa ?

Thuý Vi bảo :

-Đưa thiền bản cho tôi.

Không bao lâu Long Nha đưa thiền bản cho Thuý Vi. Thuý Vi đánh vào đầu ông.

-Đánh thì cứ đánh, nhưng thầy chưa trả lời câu hỏi của con.

Sau đó Long Nha đi tới Lâm Tế và đặt cùng câu hỏi .

-Đưa bồ đoàn cho tôi.

Long Nha đưa bồ đoàn cho Lâm Tế, và Lâm Tế đánh ông với bồ đoàn.

Long Nha là một ông tăng trẻ nồng nhiệt muốn giác ngộ. Vì không nhận được lời đáp của Thuý Vi, ông đến Lâm Tế và đặt cùng câu hỏi. Không có vị thiền sư nào, Thuý Vi hay Lâm Tế đề cập đến vấn đề này với nhau, nhưng cách trả lời Long Nha thì y hệt. Rất thích thú thấy hai vị giác ngộ tác động cùng một cách. Có vẻ hai vị thiền sư gợi ý phải thiền định khi đánh Long Nha với những dụng cụ của thiền. Nhưng Long Nha đã có định kiến. Ông mong mỗi một câu trả lời. Không có câu trả lời làm sẵn nào có thể trả lời những vấn nạn của cuộc đời, Mỗi người phải tự tìm lấy câu trả lời.

45- Bóp mũi.

Một ngày kia, Bách Trượng đến thăm Mã Tổ, có một đám vịt trời bay qua. Mã Tổ hỏi :

-Con gì vậy ?

-Con vẹt trời.

-Bay đi đâu ?

-Bay đi rồi !

Mã Tô bỗng bóp mũi Bách Trọng, ông đau quá kêu lên. Mã Tô nói :

-Ông nói chúng bay đi rồi, nhưng tôi thấy chúng vẫn ở đây.

Bách Trọng ngay đó giác ngộ.

Hàng ngày chúng ta chỉ nhìn thấy những sự giả tạo chứ không phải là nhìn những sự thực của cuộc đời. Bách Trọng chỉ nhìn thấy vẹt trời bay đi. Có lẽ chúng đang đói và bay đi tìm kiếm thực phẩm. Có lẽ chúng bay về Nam để tránh cơn lạnh. Bách Trọng không bày tỏ cảm giác, không truyền thông, không hiểu đời. Mã Tô kinh khủng quan sát sự nông cạn của đồ đệ mình. Do đó thay vì nói “Hãy tỉnh thức”, ông bóp mũi Bách Trọng. Giác ngộ là sự khám phá cuộc đời đích thực, và sự liên hệ nội tại của cuộc đời này với mọi vật.

46- Ba giới không pháp.

Bàn Sơn bảo đồ đệ :

-Ba giới không pháp, cầu tâm ở đâu ?

Ba giới chỉ cả thế giới, hay vũ trụ (trong Phật giáo: 3 giới chỉ dục giới, sắc giới và vô sắc giới). Không pháp có ý là pháp ở mọi nơi. Mọi vật, mọi sự đều là pháp. Không pháp cũng chỉ không có pháp như thế. Nếu ta thành thực và có kỷ luật tìm chân lý thì một pháp vỡ vẫn cũng có thể mở rộng tâm ta tới giác ngộ, thí dụ tiếng đé kêu hay tiếng suối reo.

47- Hoa Dược lan.

Một ông tăng hỏi Vân Môn :

-Thế nào là pháp thân ? (không dạng, không thời, không không)

-Đó là những gì con cần biết sao ?

-Nếu thế còn chưa đủ thì con phải thấy sư tử lông vàng.

Những công án của Vân Môn thì đẹp và khó hiểu. Khi ông tăng hỏi về thực tại tuyệt đối Vân Môn chỉ hoa Dược lan có lẽ mọc gần đây. Những

lời nói không ăn nhập gì đến câu trả lời thực sự. Đó chỉ là lời nói. Khi Huyền Sa được hỏi cùng câu hỏi, ông trả lời :

-Mủ mọt.

Viên ngộ nói :

-Tôi như thấy tượng Phật vàng trong đồng rác.

Pháp thân là mọi vật, là bất cứ vật gì nếu ta nhìn với con mắt của sự thật. Tuy nhiên, nếu ông tăng không có con mắt nhìn sự thật đơn giản, thì tốt nhất là ông phải nhìn sư tử lông vàng trong truyền thuyết Trung Hoa.

48- Kho Báu nhà ông.

Đại Chân Huệ Hải đến tham Mã Tổ.

Mã Tổ hỏi :

-Ông tìm gì ?

-Giác ngộ.

-Trong nhà ông có kho Báu, sao tìm kiếm bên ngoài ?

-Kho Báu của con ở đâu ?

-Cái mà ông hỏi, chính là kho Báu nhà ông.

Đại Chân nghe rồi đại ngộ.

Trong thế giới vật chất tìm kiếm hạnh phúc và tự do là thường tình, cũng như tìm kiếm tiền tài, danh vọng : đều là những thứ ở bên ngoài. Thiên dạy trái lại : phải tìm vào trong : Phật tánh luôn luôn mới mẻ, sống động và vô giới hạn.

49- Tánh khí.

Một thiền sinh phàn nàn với Bàn Khê :

-Bạch thầy, tánh khí của con thật bất trị, làm sao chữa được ?

-Thế thì lạ thật, hãy đưa ta coi !

-Bây giờ con không trình ra được.

-Vậy khi nào ?

-Nó đến đi bất chợt.

-Vậy thì nó không phải là bản chất của ông, nếu phải thì ông có thể đưa ra cho tôi coi bất cứ lúc nào. Khi ông sanh ra không có nó, nó không phải là ông.

Trong thiên thường nói : Cái gì ở ngoài tới không phải là cái ta thật. Nếu ta có thể bỏ qua những gì ở bên ngoài thì ta có thể tự thanh tịnh.

50- Kiểm vị của Vũ Tạng.

Liễu sinh Hựu Thụ Lang là con của một kiếm khách trứ danh. Cha ông từ ông vì ông không học được kiếm thuật. Ông tìm vào Nhị Hoang Sơn để Bái kiến kiếm khách Võ Tạng. Võ Tạng cũng đồng ý với nhận xét của cha ông.

-Ông muốn học kiếm thuật với tôi sao ? Nhưng ông không thoả mãn được những yêu cầu của tôi.

-Nếu con cố gắng học tập, phải bao lâu mới trở thành một kiếm khách ?

-Cả đời còn lại của ông.

-Con không thể chờ lâu như vậy. Chỉ cần thầy chịu dạy con, con nguyện đạt tới mục đích. Nếu con làm một tên nô bộc trung thành với thầy thì tốn bao lâu ?

-10 năm.

-Cha con tuổi đã cao, không bao lâu con phải trông nom người, nếu con càng cố gắng hơn nữa thì phải bao lâu ?

-30 năm.

-Sao vậy ? Mới đầu thầy nói 10 năm, bây giờ lại nói 30 năm. Con không ngại cực khổ, chỉ muốn nhanh chóng học kiếm nghệ.

-Nếu vậy thì phải 70 năm, dục tốc bất đạt.

-Được, con chịu.

Liễu sinh Hựu Thọ cuối cùng đã hiểu rằng mình thiếu kiên nhẫn. Ông được dạy rằng không được nói đến kiếm thuật, càng không được sờ đến cây kiếm. Thầy ông chỉ sai ông thổi cơm, rửa Bát, làm giường, quét sân, coi sóc vườn hoa, không đề cập đến kiếm thuật. 3 năm trôi qua ông vẫn tiếp tục công việc khổ nhọc, mỗi khi nghĩ đến tương lai ông không khỏi buồn bã, việc học kiếm vẫn chưa bắt đầu. Nhưng một hôm Võ Tạng bước tới rất nhẹ từ sau lưng ông và dùng kiếm gõ đâm ông một kiếm. Hôm sau lúc ông đang thổi cơm, Võ Tạng lại nhân lúc ông bất ngờ đâm một kiếm. Từ đó về sau, bất kể ngày đêm ông đều phải phòng bị bị kiếm đâm. Một ngày 24 giờ không thời khắc nào ông không thương thức phẩm vị lưỡi kiếm của Võ Tạng. Cuối cùng ông trở thành một kiếm khách lừng danh nhất nước.

Công án này chứng minh rằng con đường thiền học phải gồm quyết tâm, kỷ luật, tỉnh thức, tự tín, trung thành và kính trọng thầy. Liễu sinh Hựu Thọ Lang tiêu biểu cho tánh khí người ngày nay là muốn đạt được kết quả mau chóng. Trong thiền học phương tiện chính là cứu cánh.

51- Đối nhất thuyết.

Một ông du tăng hỏi Vân Môn :

-Thích Ca Mâu Ni dạy gì trong đời Ngài ?

-Đối nhất thuyết.

Câu hỏi có nghĩa là Thích Ca Mâu Ni đã dạy gì trong suốt quãng đời Ngài ? Chúng ta biết Đức Phật đã dạy 45 năm và những giáo lý của Ngài đã được ghi chép trong các bộ Kinh gồm 5040 bộ sách. Nhưng Ngài giảng dạy cho mỗi người, mỗi lúc, Nó riêng biệt không tổng quát. Nếu ta hiểu biết một giáo lý thì sẽ hiểu các giáo lý khác. Để minh họa, có một vị tướng trên đường ra trận, ông ghé thăm Phật và nói :

-Con đang trên đường ra trận và không có thời giờ để ở lại và học hỏi, xin Đức thế Tôn tóm tắt giáo lý cả đời của Ngài, con sẽ giữ và sống với nó.

Đức Phật trả lời :

-Tỉnh thức.

52- Thân bầy gió vàng.

Một ông tăng hỏi Vân Môn :

-Khi cây héo, lá rụng thì sao ?

-Thân bầy gió vàng.

Dòng thiền Vân Môn sâu xa và khó hiểu vì cách biểu lộ gián tiếp. Khi nói về miền Nam thì nhìn về miền Bắc. Công án này nói về chân lý của cuộc đời. Khi ta già, sắc đẹp và sức trẻ đều mất. Mặc dầu ta có dấu tuổi, nhưng không được. Gió thu đang thổi. Cô độc ở đây và cuối đời đã gần kề, mọi người đều biết vậy. Đừng có giả sử. Hãy tỉnh thức khi lá rơi và thân bầy gió vàng (gió mùa Thu).

Quyển III

Vô Chấp

Nếu phải diễn tả Phật giáo bằng một chữ thì đó là Vô Chấp. 84 ngàn pháp môn của Phật có thể rút gọn vào Vô Chấp. Vô Chấp và Từ Bỏ khác nhau. Từ Bỏ là cắt đứt cái ngã khỏi vấn đề, tránh xa nó, để chạy trốn. Nhưng cuộc đời không thể trốn. Vô Chấp là một với vấn đề. Đời sống như nước chảy, nhưng vì để cho dòng đời trôi chảy, chúng ta chấp vào những điều kiện thuận lợi và trở nên tham lam, hoặc chấp vào những trường hợp trái ngược và trở nên giận dữ. Chúng ta chấp vào lời nói, hành động, trường hợp, đồ vật, con người. Cái chấp lớn nhất là cái chấp vào cái ngã.

53- Không phải gió, không phải cờ.

Hai ông tăng đang bàn cãi về lá cờ. Một ông nói :

-Cờ động.

Ông kia nói :

-Gió động.

Lục tổ nhân đi qua đó nói :

-Không phải cờ động, gió động mà tâm động.

Hai ông tăng đều chấp vào ngoại vật : cờ và gió. Lục tổ phủ nhận ngoại vật và nói là tâm động. Nói thế Lục tổ đã chấp vào tâm. Nhưng Lục tổ biết nhiều hơn thế. Ông chỉ đơn giản chỉ ra sự sai lầm chấp vào ngoại vật. (Có một ni cô đã bảo các ông tăng bàn cãi công án này : Không phải cờ động, gió động, tâm động). Chân lý thì hoàn toàn, vô chấp. Bất cứ một cái gì khái niệm được thì không phải là thực tại. Thiền sư dạy chúng ta nhìn sự vật như chính nó và hiểu nó không qua sự phân tích hay khái niệm hoá.

54- Phật là gì ?

Lục Hằng hỏi Đạo Thông :

- Phật là gì ?
- Lục Hằng.
- Dạ !
- Ông còn tìm gì ?

Mọi người đều muốn biết Phật là gì. Thật rất tự nhiên để hỏi một câu hỏi như thế. Nhưng Phật giải thích thì không phải Phật thật. Lục Hằng đã hỏi cùng một câu này với các vị thiền sư khác. Ông đã tìm cá trên ngọn cây. Nhưng khi thiền sư Đạo Thông gọi tên và ông dạ. Đó là câu trả lời tự nhiên, tức khắc và ngay thơ. Không có khái niệm hoá hay nhân tạo. Phật là một người đã sống. Chấp vào lời hay khái niệm cũng giống như cầm một chuỗi hạt mà những hạt này lặn đi.

55- Người cho phải cảm ơn.

Thành Chuyết khi trụ trì ở chùa Viên Giác, có một vị phú thương quyên 500 lạng vàng để xây một khu tự viện. Vị phú thương này mang vàng trao tận tay cho thiền sư. Thành Chuyết nói :

- Được rồi ! tôi nhận.
- Vị phú thương bất mãn, ông ám thị :
- Trong túi này là 500 lạng vàng.
- Thì chủ đã nói tôi biết rồi !
- Mặc dù con giàu có, nhưng 500 lạng vàng cũng là một số tiền lớn !
- Thí chủ muốn tôi cảm ơn sao ?
- Thầy nghĩ không đáng sao ?
- Tại sao tôi phải cảm ơn chứ ? Thí chủ mới chính là người phải cảm ơn.

Bồ thí là hạnh đầu tiên trong Lục độ. Bồ thí không mong chờ Báo đáp hay cảm ơn. Ngày nay sự tặng cúng thường là sự bắt buộc hay vì tình cảm thương hại, ít khi vì sự hoan hỷ. Sự tặng cúng ấy mong chờ sự cảm ơn. Thực ra sự cảm ơn của người cho cao quý hơn sự cảm ơn của người nhận. Thương và có thể thương thì giàu có hơn là được thương. Đức Phật bảo chư tăng khát thực hàng ngày là dạy chư tăng sự khiêm tốn và dạy mọi người hạnh bồ thí.

56- Câu nói của Thủ Sơn.

Một lần, một ông tăng hỏi Thủ Sơn :

-Có câu nào không đúng không sai không ?

-Một đám mây trắng.

Ông tăng muốn Thủ Sơn diễn tả cốt tuỷ của Phật giáo : Cái thế giới vô chấp vượt lên đúng, sai. Một đám mây trắng bay từ chỗ này đến chỗ kia, dọc theo một ngọn núi vừa tự nhiên, thanh khiết vô tội, vượt lên đúng, sai. Nó đến và đi tự như.

57- Không thể trộm mặt trăng.

Một buổi chiều, một tên trộm bò vào lều trên núi của Lương Khoan, nhưng chẳng có gì để trộm. Lương Khoan trở về và bắt gặp.

-Ông từ xa đến, không thể vè tay không. Hãy lấy quần áo của tôi, coi như đồ tặng.

Tên trộm ngơ ngác mang quần áo đi. Lương Khoan mình trần ngồi ngắm trăng và nói :

-Thật là một gã đáng thương, ước gì tôi có thể cho gã mặt trăng đẹp này.

Lương Khoan rất nổi tiếng ở Nhật Bản. Ông là một thiền sư thi sĩ, sống đơn giản, tốt bụng, không màng đến của cải vật chất và thế sự. Ông cũng rất thích trẻ con. Đối với Lương Khoan không có trộm, không có xấu xa, giận dữ. Theo truyền tụng, một mụn măng mọc dưới sàn lều của ông, ông đục một lỗ hồng để cây có thể mọc lên. Và khi cây tre chạm đến nóc lều ông lại đục một lỗ nữa.

58- Tâm là Phật.

Đại Mai hỏi Mã Tổ :

-Phật là gì ?

-Chính tâm này là Phật.

Câu trả lời cho câu hỏi đơn giản này có thể là bất cứ cái gì. Quan trọng là không chấp vào lời, nhưng hiểu rõ lời chỉ vào đâu. Mọi người đều có tiên kiến rằng Phật hoàn toàn, cao quý, thánh thiện, giác ngộ. Nhưng Phật không phải là một đấng Thượng đế, tách rời khỏi đời thường. Phật

tánh thì thanh tịnh nhưng đồng thời hiển hiện ở mọi vật kể cả những vật ô uế, tầm thường.

59- Tâm không phải là Phật.

Nam Tuyền nói :

-Tâm không phải là Phật, trí không phải là Đạo.

Nam Tuyền là đệ tử của Mã Tổ. Mã Tổ dạy : Tức tâm tức Phật. Câu trả lời nổi tiếng phổ biến cho câu hỏi : Phật là gì ? Khái niệm hoá Phật mà không có kinh nghiệm sống là điều tệ hại nhất trong Thiền học. Để phá cái chấp này Nam Tuyền nói : Tâm không phải là Phật, trí không phải là Đạo.

60- Thanh thoát cô bản.

Một ông tăng tên là Thanh Thoát hỏi Tào Sơn :

-Thanh Thoát lẻ loi, và nghèo khó xin thầy cứu giúp.

-Thoát sà lê !

-Dạ !

-Ông đã uống 3 chén rượu Thanh Nguyên rồi, còn nói chưa ướt môi.

Nghèo khó là lý tưởng của thiên sinh : không sở hữu một cái gì cả, không nương cậy ai, không chỗ ở. Ông ta hoàn toàn tự do. Cả thế giới thuộc về ông. Khi Thanh Thoát nói mình cô độc và nghèo khó, ông có ý rằng mình đang sống thiền. Tào Sơn là một vị thiền sư, ông biết Thanh Thoát cả trong lẫn ngoài. Ông biết Thanh Thoát đã giác ngộ, nhưng còn chấp vào cái bóng của sự giác ngộ ấy. Do đó, ông giải thoát Thanh Thoát bằng cách tháo mặt nạ giả vờ của Thanh Thoát đồng thời phá chấp cho ông.

61- Đạp đổ chậu nước.

Có một lần ba ông tăng Tuyết Phong, Khâm Sơn và Nham Đầu đang ở trong vườn thiền viện, Tuyết Phong trông thấy một chậu nước và chỉ vào đó. Khâm Sơn nói :

-Nước trong, trăng hiện.

Tuyết Phong kêu :

-Nước chẳng trong, trăng chẳng hiện.
Nham Đầu không nói, đập đổ chậu nước đi.

Đôi thoại này đã tạo nên một công án. Khâm Sơn bày tỏ một sự kiện đơn giản : Nước trong phản chiếu ánh trăng. Tuyết Phong chối bỏ điều này. Không đúng để diễn tả thực tại. Mỗi người đều đúng theo ý kiến mình nhưng chấp vào ý đó thì rắc rối sẽ nảy sinh. Do đó Nham Đầu đập đổ chậu nước, c đề tài của sự bàn cãi và chấp trước.

62- Que cứt khô.

Một ông tăng hỏi Vân Môn :

-Phật là gì ?
-Que cứt khô !

Mọi thiên sinh đều gắng sức ngộ và trở thành Phật. Mọi người coi Phật như một lý tưởng trong sạch, hoàn toàn, đáng khen ngợi, bậc nhất. Họ cố gắng vượt khỏi sự xấu, cái chết, nhân loại, đời thường để trở nên một vị Phật như thế. Do đó Vân Môn với một cái tát tai, cố gắng phá huỷ khái niệm Phật ấy bằng cách so sánh với que cứt khô, tương đương với lõi bấp trong những vùng quê ở Mỹ trong thời kỳ đầu (dùng như giấy vệ sinh bây giờ). Phật không phải là Thượng đế. Phật là người giác ngộ về cái ngã và sống với cái ngã đó như chính nó.

63- Một vị Phật.

Vân Thăng và Thản Sơn là hai vị thiền sư nổi tiếng ở Đông kinh trong thời đại Minh Trị. Vân Thăng một hôm đến thăm Thản Sơn. Thản Sơn bảo :

-Chào đạo huynh. Ông làm một chén không ?
-Tôi không bao giờ uống rượu.
-Người không biết uống rượu thì không phải là người.
-Nếu tôi không phải là người thì tôi là ai ?
-Một vị Phật.

Vân Thăng rất nghiêm trang. Một ông tăng kiêu mẫu tuân thủ các giới cấm chặt chẽ. Thản Sơn là một vị thiền sư vô chấp. Ông giảng dạy môn

triết ở đại học Đông Kinh. Vân Thăng tin rằng mọi ông tăng phải giữ giới (trong đó có giới tửu) để trở thành một ông tăng thực sự. Thản Sơn thì linh động hơn, và ông giúp khi nào cần và giải quyết những vấn đề thế tục khi chúng nổi lên.

64- Cà sa trùm đầu.

Một ông tăng vào phòng Triệu Châu để tham vấn và thấy Triệu Châu lấy cà sa trùm đầu. Ông tăng vội lui ra. Triệu Châu gọi lại :

-Đừng nói tôi không tiếp ông.

Khi thiền sinh vào phòng thầy để nhận sự tiếp dẫn, gọi là độc tham. Đối với thiền sinh đây quả là một sự đùng độ gây cản và thường được đón chờ với hy vọng, sợ hãi hay tuyệt vọng. Trong công án này ông tăng ngạc nhiên thấy thầy mình trùm đầu. Thầy bị lạnh hay đang ngủ ? Cháp vào sự mong chờ của mình, ông tăng thối lui. Nhưng Triệu Châu không ngủ. Mặc dầu một ngọn núi bị che bởi mây nhưng ngọn núi vẫn ở đó dù bị che hay không.

65- Chén trà đầy rồi.

Một vị giáo sư đại học Đông Kinh đến học thiền với thiền sư Nam Ấn nhiều chủ nhật rồi. Một sáng thiền sư rót trà cho ông. Ông đổ đầy chén trà của giáo sư mà vẫn cứ đổ tiếp. Vị giáo sư nhìn đến không nhịn được nữa kêu lên.

-Thưa thầy, chén đã đầy rồi !

-Cũng như chén trà này, tâm ông đầy những ý kiến và giả thử thì làm sao còn chỗ cho cái khác chứ ?

Đôi khi trí huệ làm ngăn trở sự giác ngộ. Ta phải tự làm trống rỗng trước khi học thiền.

66- Bài giảng của La Sơn.

Mân Vương xây một tự viện cho thiền sư La Sơn và mời ông ban cho một thời pháp vào ngày khánh thành. Thiền sư lên giảng đàn, khoác áo cà sa vào rồi cởi ra và nói :

-Xin chào !

Nói rồi xuống toà giảng. Mân Vương lại gần ông và nói :

-Bài giảng bữa nay của thầy cũng giống bài giảng của Đức Thế Tôn ở núi Linh Thứu.

-Tôi tưởng ngài không biết gì về giáo lý, không ngờ ngài cũng biết chút ít về thiền.

Bài giảng được coi là hay nhất của Phật là bài giảng ở núi Linh Thứu (sự tích niêm hoa vi tiếu). Bài giảng yên lặng và sự truyền tâm ấn là sự khởi đầu của Thiền. Mân Vương so sánh bài giảng của La Sơn và Đức Phật. Nhưng thiền sư biết rằng người đi tìm chân lý sốt sắng nhất luôn luôn đến với tâm không. Biết chút ít về thiền còn tệ hơn là không biết gì cả.

67- Giác mộng của Tống Thái Tông.

Tống Thái Tông một đêm nằm mộng thấy một vị thần khuyên ông phải cố mà giác ngộ. Sáng hôm sau, vua triệu tập các vị tể tướng lại hỏi :

-Trẫm phải làm sao để được giác ngộ ?

Các vị tể tướng không trả lời.

Tống Thái Tông muốn giác ngộ. Giác mộng của ông chứng cho điều này. Giác ngộ không ở đó để tìm. Và câu hỏi của vua tỏ rằng ông còn có suy nghĩ đối đãi. Các ông tể tướng thấy rằng câu hỏi này phải Bác bỏ.

68- Nam Tuyên Bác bỏ tu sĩ và cư sĩ.

Một ông tể tướng trẻ đến gặp Nam Tuyên nhưng không vái chào như thường lệ. Nam Tuyên phê bình :

-Ông quá cư sĩ.

Ông tể tướng bèn chấp 2 tay lại vái chào, Nam Tuyên bảo :

-Ông quá tu sĩ !

Ông tể tướng không biết sau đó phải làm sao. Một vị thiền sư khác nghe được chuyện này bảo :

-Nếu tôi là ông tể tướng đó, tôi sẽ buông thõng hai tay và lui ra.

Những người trẻ thường hay phá phách, những thiền sinh trẻ ngày xưa cũng không ngoại lệ. Ông tể tướng trẻ thử thách thầy bằng cách chào hỏi

khác thường lệ. Ông ta nghĩ rằng ông ta có thể tự do làm bất cứ việc gì, không bị trói buộc bởi luật lệ. Nhưng sự tự do khác với tự do đối với một sự việc gì. Con người từ khởi thủy đã tự do, chỉ vì chấp nên bị trói buộc. Nếu một người không chấp vào một cái gì cả thì không bị trói buộc. Lúc đó luật tắc không bao giờ làm phiền ông. Đến và đi, vái chào và thối lui không có gì khác biệt đối với người tự do.

69- Tên mít đặc.

Một lần, khi gặp một ông tăng lạ đi trên đường Mục Châu gọi :

-Thượng toạ !

Ông tăng ngoảnh đầu lại. Mục Châu bảo :

-Đồ mít đặc.

Rồi bước đi. Sự kiện này được vài ông tăng ghi lại. Về sau một ông tăng nói :

-Mục Châu sai, ông tăng chẳng ngoảnh đầu lại là gì ? Sao gọi ông là mít đặc ?

Về sau nữa một ông tăng khác nói về lời phê bình này :

-Ông tăng điên đó đã sai. Ông tăng trong chuyện đã chẳng ngoảnh đầu lại là gì ? Sao không gọi ông là mít đặc chứ ?

Mít đặc là trung tâm của câu chuyện. Trong tiếng Tàu chỉ người chỉ nhìn một mặt của sự vật. Thí dụ một người vác một tấm bảng trên vai trái chỉ nhìn được phía phải của con đường. Mục Châu bảo một người tự động cảm ứng với một tiếng lạ là mít đặc. Nhưng ông tăng I bảo một người không tự động phản ứng ngay là một mít đặc. Do đó Mục Châu là một mít đặc. Ông tăng II phê bình ông tăng I. Tốt xấu, đúng sai, trẻ già, sống chết, Đông Tây. Chúng ta không thực sự đối nghịch nhau mà bổ túc cho nhau. Chấp vào một bên mà lơ bên kia là đồ mít đặc.

70- Bé gái qua suối.

Thản Sơn cùng đồ đệ đi qua một làng bên. Họ tới cái suối nước lớn vì trận mưa vừa qua. Đứng bên bờ suối là một thiếu nữ trẻ đẹp quần áo lịch sự, không biết làm sao qua suối vì cây cầu nhỏ đã bị nước cuốn trôi. Nhận thấy vấn đề của cô gái, Thản Sơn giúp đỡ cô bằng cách bế qua suối. Sau đó ông và đồ đệ tiếp tục cuộc hành trình. Cả buổi trưa, đồ đệ

ông suy nghĩ về hành động của thầy mình. Vì ngũ giới cấm gần nữ sắc. Buổi chiều không giữ mãi được nữa ông hỏi :

-Sao thầy lại bế cô gái vậy ?

-Tôi đã đặt cô gái xuống bờ bên kia suối, sao ông còn bế cô ấy theo vậy ?

Chấp trước là dính vào một đồ vật hay sự vật, hay một ý tưởng và làm mọi cho nó. Thiền dạy vô chấp. Thản Sơn bế cô gái chỉ là giúp cô qua suối, chứ vô chấp. Nhưng đồ đệ ông thì chấp vào cô gái, dù ông không chạm vào cô.

71- Cây gậy của Ba Tiêu.

Ba Tiêu bảo đại chúng :

-Nếu các ông có một cây gậy, tôi sẽ cho ông gậy; nếu các ông không có gậy, tôi sẽ lấy gậy đi.

Dùng gậy là bắt nguồn từ Ấn Độ. Khi một ông tăng ra ngoài, ông dùng gậy để đuổi rắn hay các thú dữ, hoặc để dò xem mực nước nông sâu khi qua suối. Gậy để hướng dẫn và che trở các ông tăng. Do đó người văn minh cần có một cây gậy. Đừng bị bối rối bởi lời nói. Vượt lên có và không. Công án tự nó hướng dẫn thiền sinh tới chỗ mà họ có thể nắm lấy cây gậy thật.

72- Phật đá.

Lục Hằng bạch với Nam Tuyên :

-Trong nhà con có một tảng đá để đứng hoặc nằm, con định tạc tượng Phật có được không ?

-Được !

Lục Hằng hỏi gạn :

-Con làm được thật sao ?

-Không ! Ông không làm được.

Tảng đá chính là Lục hằng. Ông hỏi Nam Tuyên mình có thể thành Phật không ? Nam Tuyên lập tức trả lời được. Nhưng Lục hằng còn nghi ngờ.

Vì vậy Nam Tuyền trả lời là không được. Thiền không suy luận mà hành động.

73- Trước thời Đức Phật.

Một hôm Nam Tuyền chầm vào phòng ăn. Hoàng Bá đệ tử của ông bèn ngồi vào chỗ của thầy. Nam Tuyền nói :

-Chỗ này dành cho người lớn tuổi nhất thiền viện, còn ông bao nhiêu tuổi ?

-Tuổi con đi ngược lại thời trước Đức Phật.

-Vậy ông là cháu tôi, mau lui xuống !

Hoàng Bá trả chỗ, nhưng vẫn ngồi bên cạnh thầy.

Công án này cho thấy trong thiền viện, chư tăng luôn thử thách nhau. Luôn luôn tỉnh thức, họ mài dũa trí huệ cho hoàn mỹ. Nam Tuyền hỏi tuổi Hoàng Bá không phải là hỏi tuổi thật, nhưng là hỏi trình độ đến đâu, Hoàng Bá trả lời chỉ thời không. Thời không là tuyệt đối. Thiền là phải vượt lên mọi đối đãi, độc lập, tự do.

74- Hoa mẫu đơn.

La Hán cùng hai sư huynh là Trường Khánh và Bảo Phước đi xem hoa mẫu đơn được vẽ trên một tấm bình phong. Bảo Phước phê bình :

-Thật là đẹp !

Trường Khánh bảo :

-Đừng quá tin vào thị giác của ông.

La Hán than :

-Bậy quá ! Làm hỏng cả bức họa !

Bảo Phước chấp vào bức họa. Để cảnh Báo ông, Trường Khánh lại chấp vào sự không chấp. La Hán chỉ trích cả hai người. Ba vị thiền sư này bàn cãi về hoa mẫu đơn thật hay hoa vẽ. Nếu Bảo Phước chấp vào thị giác, Trường Khánh chấp vào thính giác và La Hán chấp vào cuộc biện luận trên, chúng ta nên nở rộ và im lặng.

75- Đại ý của Phật pháp.

Một ông tăng hỏi Huyền Sa :

-Khi các vị cô đức dạy pháp không lời bằng cách giờ thiền trượng lên có phải là họ diễn tả đại ý của Phật pháp ?

-Không.

-Vậy họ diễn tả cái gì ?

Huyền Sa giờ cây thiền trượng lên. Ông tăng hỏi :

-Đại ý của Phật pháp là gì ?

-Đợi tới khi ông giác ngộ !

Mặc dầu chúng ta luôn giải bày đại ý của Phật pháp , nhưng rất khó mà diễn tả nó. Giảng dạy chỉ là chỉ về chân lý, mỗi người phải tự mình thấy. Tuy nhiên, đa số chúng ta chấp vào khái niệm và tiên kiến thay vì nhìn sự vật như chính bản thân chúng. Ông tăng trong công án này chấp rằng giờ thiền trượng lên có thể diễn tả đại ý của Phật pháp. Huyền Sa muốn phá chấp này cho ông nên nói không.

76- Đón cây.

Tuyết Phong vào rừng đón củi với đồ đệ Trường Sinh.

-Đừng ngừng cho tới khi rìu của ông chặt tới lõi.

-Con đã chặt.

-Cỗ đức truyền tới tâm, còn ông thì sao ?

Trường Sinh ném rìu xuống đất :

-Đã truyền.

Tuyết Phong giờ gậy lên và đánh gã đồ đệ.

Thiền sinh không chỉ học thiền khi thiền định, hay nghe giảng nhưng ngay cả khi làm công việc hàng ngày. “Tới lõi” là Tuyết Phong chỉ tâm điểm của người là tâm. Trước khi thầy dứt lời Trường Sinh nói : “Con đã chặt”. Tuyết Phong đổi đề tài và hỏi đồ đệ có nhận được tâm ấn hay không ? Trường Sinh vẫn cần lời cảnh Báo của Tuyết Phong, vì ông vẫn chấp vào sự truyền tâm ấn. Nếu ông có thể vứt bỏ sự truyền tâm như ông đã vứt cái rìu, tâm phải chặt bằng tâm. Do đó Tuyết Phong đánh đồ đệ.

77- Thổi tắt nến.

Đức Sơn là một học giả về kinh Kim Cương. Ông nghe nói về thiền và suối Nam để thách đố, ông có mang theo mình Kim Cương số sao. Tới một quán, ông gọi trà và Bánh, bà già chủ quán hỏi :

-Ông mang gì trên lưng thê ?

-Kinh Kim Cương số sao do tôi sáng tác.

-Kinh Kim Cương nói : “Tâm quá khứ đã qua rồi, tâm hiện tại không thể nắm và tâm tương lai thì không thể được”, thầy muốn điểm tâm là điểm tâm nào ?

Đức Sơn không trả lời được câu hỏi của bà. Ông hỏi gần đó có vị thiền sư nào không ? Và bà chỉ cho ông tới Long Đàm. Tới đó Đức Sơn tham Long Đàm và hỏi nhiều câu cho tới khuya. Sau cùng Long Đàm bảo :

-Trời đã khuya rồi sao ông không lui ?

Nghe thê Đức Sơn vái lạy và mở cửa đi ra. Bên ngoài trời tối đen như mực. Do vậy Long Đàm đốt cho Đức Sơn một cây nến để soi đường. Khi Đức Sơn nhận cây nến, Long Đàm liền thổi tắt. Ngay lúc đó tâm Đức Sơn rộng mở.

-Ông đạt được gì ?

-Từ nay con sẽ không còn nghi ngờ lời nói của các vị thiền sư nữa.

Và hôm sau ông đốt số sao kinh Kim Cương.

Công án này so sánh trí huệ học vấn với trí huệ giác ngộ bên trong. Cái trí là sự hiểu biết bên ngoài, công cộng và góp nhặt. Nó là về một cái gì. Trí huệ là cá nhân, độc nhất, sáng tạo. Không ai có thể cho nó, không ai có thể lấy đi. Đức Sơn là một học giả của kinh Kim Cương. Ông chấp nặng vào nó. Khi ông nhận ngọn nến từ Long Đàm, ông hy vọng dựa vào đó để soi đường. Nhưng Long Đàm thổi tắt nó. Ông không có gì để nương tựa vào. Ta phải có ánh sáng bên trong để soi đường và không bao giờ bị thổi tắt cả.

78- Trời xanh cũng phải ăn gậy.

Một ông tăng hỏi Thọ Chiêu :

-Khi vạn dặm không mây thì sao ?

-Trời xanh cũng phải ăn gậy.

-Sao lại trách trời ?

-Vì khi ta cần trời mưa thì trời lại không mưa, và khi chúng ta cần trời đẹp thì trời lại xấu.

Ông tăng chấp vào trạng thái tâm mà ông đạt được, có lẽ trong sáng như bầu trời không mây. Nhưng thiền sư đánh vào bất cứ cái gì cần phải đánh để thức tỉnh chân lý : tăng, sư, Phật, vũ trụ, nếu chấp vào trời đẹp, xấu liền tạo ra vấn đề.

79- Con chồn của Bách Trượng.

Mỗi lần Bách Trượng thượng đường thuyết pháp đều có một cụ già theo các sư vào pháp đường nghe giảng. Một hôm đại chúng đã đi hết, chỉ còn lại cụ già. Bách Trượng bèn hỏi cụ là ai, cụ già nói :

-Lão không phải là người ta, lúc tôn giả Ca Diếp còn tại thế lão là phương trượng ở chính núi này. Có một đồ đệ hỏi lão :

-Người giác ngộ có chịu luật nhân quả không ?

Lão trả lời không, vì câu trả lời đó lão bị biến thành chồn, luân hồi đã 500 kiếp rồi, bây giờ xin thầy chỉ điểm, để lão thoát thân chồn này.

-Ông lão muốn hỏi gì ?

Ông cụ lập lại câu hỏi của đồ đệ.

-Chẳng làm nhân quả.

Ông cụ liền giác ngộ, vái lạy Bách Trượng và nói :

-Tôi đã không phải là chồn nữa rồi, nhưng tôi bỏ xác sau núi, làm ơn làm đám táng cho tôi như một ông tăng.

Nói rồi biến mất.

Ngày hôm sau Bách Trượng sửa soạn làm đám táng cho một ông tăng.

-Thầy định làm gì ? Không có ông tăng nào trong bệnh xá cả.

Sau bữa cơm chiều Bách Trượng dẫn chư tăng ra sau núi. Ông lấy gậy khều một xác chồn trong một hang núi ra. Ông làm lễ hoá táng và kể chuyện cụ già cho mọi người nghe.

Một đồ đệ của ông là Hoàng Bá hỏi :

-Nếu một thiền sư trả lời sai, ông bị 500 kiếp làm chồn, bây giờ nếu câu hỏi nào ông cũng trả lời đúng thì sao ?

-Ông lại gán đây tôi bảo cho.

Hoàng Bá lại gán Bách Trượng và cho thầy một bạt tai. Bách Trượng vỗ tay cười chấp nhận.

Công án này chỉ lỗi hỏng sai lầm của sự chấp trước bằng đối thoại dựa trên nghiệp. Một vị thiền sư đã bị hỏi liệu người giác ngộ có chịu luân hồi không ? Ông đã trả lời không ? Ông chấp vào sự tự do tuyệt đối, và bị làm chôn 500 kiếp, khi ông hỏi Bách Trượng và Bách Trượng trả lời người giác ngộ và nghiệp là một. Với lời này cụ già được giải thoát. Nếu chấp vào sự tuyệt đối nó sẽ trở thành xiềng xích. Phải mà chấp sẽ thành sai.

80- Triệu Châu khám phá hai am chủ.

Triệu Châu đến thăm một am chủ hỏi :

-Có chăng, có chăng ?

Am chủ giờ nắm đấm lên. Triệu Châu nói :

-Nước cạn chăng phải chõ neo thuyền.

Bèn đi.

Lại đến một am chủ khác hỏi :

-Có chăng ! Có chăng !

Am chủ cũng giờ nắm đấm lên. Triệu Châu nói :

-Có thể nắm có thể buông, có thể giết, có thể cứu.

Rồi vái mà lui.

Hai ông tăng làm một cử động. Nhưng Triệu Châu thấy ông này ngộ, ông kia không. Công án này giống công án cây gậy của Ba Tiêu. Chỉ khi nào ta vượt được hình dạng và cử chỉ thì ta mới hiểu được cái một. Có và không, đây và đó, yêu mà không chiếm hữu, đói thì ăn, mệt thì nghỉ.

81- Hai ông tăng vén rèm.

Pháp Nhãn trước khi giảng pháp nhận thấy bức rèm tre đã bị hạn xuống để thiền đã không được cuốn lên. Ông chỉ nó, hai ông tăng không nói một lời cùng cuốn rèm lên. Quan sát họ, Pháp Nhãn bảo đại chúng :

-Một được , một mất !

Pháp Nhãn nói một ông tăng giác ngộ, một ông không. Một ông đúng, một ông sai; mặc dù cả 2 cùng làm một việc. Công án này diễn tả tuyệt đối và sự tương tự. Cũng như nước trong một cốc thủy tinh : cả hai nhìn như nhau, cùng trong suốt. Nhưng nước là nước, thủy tinh là thủy tinh.

Mặt khác có lẽ Pháp Nhãn muốn thử sự hiểu biết của đồ đệ. Đừng tin vào cái gì mà thầy nói thế. Có thể thầy cũng lầm.

82- Ngưỡng Sơn vẽ một vạch.

Quy Sơn bảo Ngưỡng Sơn :

-Tôi và ông cả ngày nói chuyện thiền mà có được gì ?

Ngưỡng Sơn dùng ngón tay vẽ một vạch trong không. Quy Sơn nói :

-Rất may là ông thương lượng với tôi, kẻ khác đã bị ông lừa dối rồi.

Đây là Quy Sơn khảo nghiệm Ngưỡng Sơn. Nếu Ngưỡng Sơn đáp không được gì thì cả 2 thầy trò đã phí thì giờ. Nếu đáp có được gì thì lại rơi vào sự chấp trước. Ngưỡng Sơn đã tránh được cái bẫy đó, bằng cách vẽ một vạch trong không. Đó là thực tại nhưng không có dấu vết gì. Mọi sự việc trong thế giới này đến rồi đi, xuất hiện và biến mất. Nhưng đối với những thiền sinh không có kinh nghiệm thì có thể lầm ngón tay là mặt trăng.

83- Cử động của một ông tăng.

Một nhân viên thư viện thấy một ông tăng ngồi thiền trong thư viện rất lâu. Cuối cùng người ấy hỏi ông tăng :

-Sao thầy không đọc kinh ?

-Tôi không biết đọc.

-Sao thầy không hỏi người nào biết ?

Ông tăng đứng dậy, chắp hai tay vào ngực theo tư thế thiền, cúi thấp người xuống và lễ phép hỏi :

-Thế này là gì ?

Nhân viên thư viện không trả lời được.

Nhân viên thư viện chấp vào ý tưởng và thường lệ : kinh là để đọc, và thư viện là nơi để đọc, không phải để thiền. Nhưng đời sống không đơn giản như thế. Đức Phật để 6 năm để tìm giác ngộ. Triệu Châu để 6 năm để tìm ý nghĩa của chữ Vô. Lời thật không thể hỏi. Ông tăng làm một cử động thiền và hỏi :

-Thế này là gì ?

Nhân viên thư viện không trả lời được vì ông ta không hiểu, Phật giáo không nhất thiết ở trong kinh điển.

84- Cây gậy lớn của Cảnh Thanh.

Cảnh Thanh hỏi một ông tăng mới đến từ đâu. Ông tăng trả lời :

- Từ ba núi.
- Ông kết hạ ở đâu ?
- Ở thiền viện năm non.
- Tôi sẽ đánh ông 30 gậy lớn.
- Con sai ở đâu ?
- Vì ông hết đi từ thiền viện này tới thiền viện khác.

Có lẽ ông tăng này chỉ đi quanh để ngắm cảnh. Mặt khác có thể ông cố tìm một vị thầy tốt. Một vị thầy tốt sẽ tìm ra tính chất của thiền sinh. Kỷ luật thiền rất nghiêm khắc. Không có ngã tự do, không có tưởng tượng ngã tự do, mọi chấp trước phải bị vất bỏ.

85- Am cỏ của Nam Tuyên.

Một hôm, khi Nam Tuyên đang sống trong một am cỏ trên núi, một ông tăng lạ đến thăm, gặp lúc Nam Tuyên phải ra làm việc ngoài đồng. Nam Tuyên chào hỏi ông tăng và nói :

-Xin cứ tự nhiên như ở nhà. Nấu nướng tùy thích, đồ ăn dư xin đem đến chỗ tôi làm việc.

Nam Tuyên làm việc chăm chỉ đến chiều, trở về am, trong bụng đói meo. Ông tăng đã nấu cơm, ăn xong, vứt mọi thực phẩm dự trữ, đập vỡ nồi niêu ! Nam Tuyên thấy ông bình thản nằm ngủ trong am trống. Khi Nam Tuyên ngả thân thể mệt nhọc xuống cạnh ông. Ông chỗi dậy và đi mất. Sau nhiều năm, Nam Tuyên kể lại chuyện này cho đại chúng nghe và nói :

-Thật là một ông tăng tốt, đến nay tôi vẫn còn nhớ.

Thiền sư sống một cuộc đời giản dị, yên tĩnh và tự do. Khi Nam Tuyên sống trong một am cỏ trên núi, một ông tăng đến thử thách ông. Ngay cả đến tự do cũng không còn là tự do, nếu ta ràng buộc vào nó. Thật là dễ dàng thoát khỏi những vụn vặt của đời sống con người. Nhưng nếu

không biết nó, chúng ta có thể chấp vào pháp, niết bàn, nghèo và các dạng thức khác của những cái thiện. Ông tặng lạ nấu ăn, ngủ như là am của mình, không kiêu cách, không giả đò. Cả thế giới thuộc về ông. Ông đập vỡ mọi nôi niêu – những dụng cụ của thiên, niết bàn, nghèo khổ. Nam Tuyền thực sự hiểu cái thế giới vô chấp nên không bao giờ quên ông tặng lạ đó.

86- Đệ tam toà nói pháp.

Ngưỡng Sơn nằm mộng đến cung trời Đâu Suất của Phật Di Lặc. Ông tới chậm, chỉ còn hàng thứ ba (chỗ ngồi danh dự cao nhất gần Đức Phật tương lai) còn trống. Do vậy ông ngồi xuống đó. Ông nghe một vị tôn túc nói :

-Hôm nay, người ngồi ở hàng thứ 3 nói pháp. Ngưỡng Sơn đứng dậy, động gậy xuống mà rằng :

-Nghe cho kỹ ! Nghe cho kỹ ! Giáo pháp của Đại thừa là Ly tứ cú, tuyệt Bách phi.

Các triết gia và các nhà thần học luôn luôn phân tích và bàn cãi về chân lý. Đó chỉ là giải thích và khái niệm hoá. Giáo pháp chân thật của Đại thừa là Vô chấp vượt lên lời nói và suy nghĩ. Đời sống không là một khái niệm mà là một thực thể ở đây và bây giờ. Giáo lý Đại thừa mà Ngưỡng Sơn giảng chỉ về thực tại này. Chúng ta phải kinh nghiệm nó cả đời.

87- Vô nghiệp.

Quốc sư Vô Nghiệp nói :

-Nếu một người còn thích thánh, ghét phàm, thì dù sự chấp này nhỏ như một sợi chỉ nó cũng đủ mạnh để kéo hẳn vào nẻo súc sanh.

Quốc sư là thầy của vua. Vô Nghiệp là tên vua ban tặng ông. Vô Nghiệp là không còn nghiệp nữa. Ông phải là một người thật sự tự do, vì nghiệp là cái trói buộc chúng ta. Chỉ có một cách thoát nghiệp là trở thành một với nó. Lời cảnh cáo của Vô Nghiệp là : nếu chúng ta có một niệm dù nhỏ về chấp trước, khôn ngoan, tốt xấu, đúng sai, sanh tử, vô minh giác ngộ, chúng ta sẽ bị kéo xuống nẻo súc sanh. Thế giới súc sanh do tham sân si ngự trị trái với Phật giới. Nếu chúng ta hoan hỷ ý tưởng đó chúng

ta đã đi lệch ra khỏi Phật đạo. Dù chấp vào thiên cũng đưa ta vào nẻo súc sanh. Phải phá chấp bằng cách đi tới tận gốc rễ của nó.

88-Thượng thư Trần Tháo.

Có một lần thượng thư Trần Tháo cùng thuộc hạ lên lầu nhìn thấy một đám tăng đi dưới đường, một người trong bọn nói :

-Chắc họ là thiên tăng.

Trần Tháo đáp :

-Không phải.

Người kia hỏi :

-Sao biết là không phải ?

-Đợi họ đi qua sẽ biết ! Khi chur tăng tới trước lầu, Trần Tháo gọi lớn :

-Thượng toạ !

Chur tăng ngừng đầu lên. Trần Tháo nói :

-Tôi nói có sai đâu !

Câu chuyện này chứng tỏ phần lớn chúng ta, phân biệt và phán đoán do bề ngoài. Ở đây câu chuyện xảy ra trong một tự viện, không phải ở một công thự. Do đó, đối thoại đều thuận tuý thiên. Trần Tháo không những là một quan to mà còn là một cư sĩ nổi tiếng. Bọn người tùy tùng đều là những viên chức thuộc cấp và cũng mới học thiên. Trần Tháo thường giảng thiên cho họ. Khi một người trong bọn trông thấy mấy người ngoài tự viện liền tự hỏi không biết họ có phải là thiên tăng không. Trần Tháo nói không phải. Đây là một dịp tốt để chỉ cho đám thuộc hạ cái tâm phân biệt của họ. Khi chur tăng đến gần Trần Tháo gọi và dĩ nhiên là họ ngừng đầu lên. Trước khi người thuộc hạ có thể nói :

-Tôi đã chẳng nói thế sao ?

Thì Trần Tháo đã nói trước. Ông nhấn mạnh.

-Không phải.

Cái không phải không chỉ các ông tăng mà thôi, mà chỉ tất cả mọi sự vật. Chân lý của sự vật, cốt tuỷ của con người không thể phán đoán bằng bề ngoài. Một chiếc áo không làm nên một vị thầy tu. Ta không thể nói con người tốt hơn là con ngựa vì con người có thể nói. Cũng không thể nói con ngựa tốt hơn một con chó. Mỗi con có một cuộc sống quý báu riêng. Màu đỏ không tốt hơn màu xanh, mỗi màu có giá trị riêng

của nó. Câu nói không phải của Trần Tháo áp dụng cho mọi so sánh, phân biệt.

89- Viết chữ Tâm.

Một vị sư già viết chữ tâm lên cửa và vách của căn lều mà ông cư trú.
Pháp Nhân sửa ông :

-Cửa phải viết chữ môn, vách phải viết chữ bích.

Nhưng Huyền Giác lại bàn rằng :

-Cửa là cửa, vách là vách, không cần phải viết chữ gì cả.

Trong Phật giáo, Tâm Tông chủ trương vạn pháp đều do tâm tạo. Mọi sự việc chúng ta thấy chỉ là hình bóng của chính tâm ta. Vị sư già viết chữ tâm, gián khắp nơi là để tự nhắc nhở. Nhưng nếu ta chấp vào một cái gì, dù là chân lý đi nữa thì nó sẽ trở thành một khái niệm, một gánh nặng. Huyền giác đã chỉ cho thấy cửa là cửa, vách là vách : nhìn, hiểu, xử dụng chúng như chính tự thân chúng vậy.

90- Đứng giờ của Tuyết Phong.

Tuyết Phong là đầu bếp trong thiền viện. Đức Sơn luôn luôn đứng hẹn khi dọn bữa sáng. Một ngày kia Đức Sơn hỏi :

-Làm sao mà ông giữ đứng giờ thế ?

-Con xem trăng, sao.

-Nếu trời mưa hoặc sương mù thì sao ?

Tuyết Phong giữ im lặng.

Công án này liên quan đến Tuyết Phong, một vị thiền sư lớn trong khi ông còn là một thiền sinh học với Đức Sơn. Ở một thiền viện mọi người chia sẻ công việc. Ở đây Tuyết Phong là đầu bếp. Tuy ông không phải là một ông tăng tập sự. Câu hỏi thứ nhất của thiền sư Đức Sơn như một nhát kiếm đâm ra trước của một vị thầy kiếm khách. Nó vừa thử, vừa dạy.

-Làm sao ông đứng giờ thế ?

-Con ngắm trăng, sao !

-Nếu trời mưa ! Chạm rồi !

Tuyết Phong thua cuộc đấu kiếm, nhưng chiến thắng của thầy đã giúp tạo thành một vị thiền sư tương lai.

91- Bí truyền.

Một ông tăng hỏi Ba Lãng :

-Thế nào là sự bí truyền ở Đông Độ và Tây Thổ ?

-Có phải ông dẫn lời của Tam tổ không ?

-Không, đó là lời của Tín Tâm Minh.

-Là lỗi của tôi, tôi thật lắm cảm.

Từ khi Đức Thế Tôn nhập Niết bàn, sự giác ngộ đã được truyền bằng cách ẩn tâm từ thế hệ này qua thế hệ tiếp ở Tây Thổ (Ấn Độ) và ở Trung Hoa, Nhật Bản (Đông Độ). Thật ra sự bí truyền này là gì ? Xuân tới hoa nở. Thu tới lá vàng. Mặt trời mọc ở phương Đông và lặn về phương Tây mỗi chiều. Nước tự chảy từ chỗ cao đến chỗ thấp. Đây là sự bí truyền ở Đông Độ và Tây Thổ. Nó không có gì là bí mật cả. Nó là sự hiểu biết về chân lý. Nhiều học giả, nhà thần học, những tăng sĩ quá chú trọng về những lời nói, những lý thuyết, họ không nhìn thực tại. Ba Lãng không đãng trí hay quên, ông cố chỉ cho ông tăng thấy sự quan trọng của cái nhìn trực tiếp về cuộc đời.

92- Giáo lý cao hơn.

Động Sơn bảo đại chúng :

-Các ông nên biết còn có giáo lý cao hơn Phật giáo.

Một ông tăng bước ra hỏi :

-Giáo lý cao hơn Phật giáo là gì ?

-Không phải là Phật !

Động Sơn sống dưới đời nhà Đường, thời hoàng kim của Phật giáo và học hỏi với nhiều vị thiền sư như Quy Sơn, Nam Tuyền, Vân Nham. Về sau ông thiết lập dòng thiền Tào Động. Vài vị thiền sư rất thô bạo đánh hoặc đuổi thiền sinh ra ngoài thiền viện, còn Động Sơn thì hiền từ và hiểu biết. Câu nói của ông là chống lại sự ngưng trệ. Nhiều người nghe những câu như Thiền là cách sống, nhìn sự vật như chính nó, ta bà là Niết bàn nghĩ rằng mình đã hiểu thiền và không học hay tìm kiếm gì

nữa. Câu không phải là Phật, là động Sơn chỉ cho những thiên sinh tìm kiếm giác ngộ. Nhưng với những người mới nhập môn, Động Sơn sẽ nói là Phật luôn luôn có hai cách học hỏi : một là tiến về trước, hai là quay trở lại. Chúng ta tìm giác ngộ, Phật giới bình đẳng, cái Một, nhưng chúng ta cũng luôn quay lại thế giới nhân loại cụ thể này. Chúng ta thấy Phật trong con người, phổ quát trong riêng biệt, bình đẳng trong bất bình đẳng, hoà hợp trong bất hoà hợp, Một trong tất cả. Chúng ta là 2 nhưng cũng là 1. Đừng chỉ chấp vào vào Phật hay người, đó là lời dạy của Động Sơn.

93- Giảng pháp.

Thiền sư Nghĩa Trung lên giảng đàn. Một cư sĩ bước ra rồi đi từ Đông sang Tây. Một ông tăng cũng bước ra và đi từ Tây sang Đông.

Nghĩa Trung bảo :

-Cư sĩ hiểu Thiền còn ông tăng thì không.

Cư sĩ lại gần thiền sư và nói :

-Con cảm ơn thầy đã chấp nhận.

Trước khi ông dứt lời, ông đã bị thiền sư đánh một gậy.

Ông tăng lại gần thưa :

-Xin thầy chỉ dạy.

Ông cũng bị thiền sư đánh một gậy.

Nghĩa Trung hỏi :

-Ai kết luận công án này ?

Đại chúng không ai trả lời được. Thiền sư hỏi thêm hai lần nữa, nhưng vẫn không một lời đáp.

-Vậy, để tôi.

Thiền sư ném thiền trượng xuống đất và trở về phòng.

Phương pháp truyền pháp của Thiền tông là lấy tâm ấn tâm. Luôn luôn giản dị và trực tiếp, mặc dầu nó có vẻ kỳ lạ và phi lý. Cư sĩ và ông tăng đều diễn tả sự hiểu biết của mình. Thiền sư bảo cư sĩ hiểu còn ông tăng thì không. Nhưng khi cư sĩ cảm ơn, ông bị đánh vì chấp vào sự chấp nhận. Ông tăng lo sự tìm giác ngộ cũng bị đánh. Thiền sư không bao giờ ngần ngại nghiền nát sự chấp trước của thiên sinh vì phần lớn những rắc rối và đau khổ của cuộc đời đều do chấp trước. Chấp vào sự thuận

lợi là tham, chấp vào điều nghịch là sân và nguyên nhân của chấp là si. Tham, sân, si là 3 chất độc của cuộc đời.

94- Đại Diện bao nhiêu tuổi.

Hàn Dũ một danh sĩ bị đày đến thăm Đại Diện, trụ trì một thiền viện ở gần đó. Ông hỏi :

-Thầy bao nhiêu tuổi ?

Đại Diện đưa chuổi tràng lên hỏi :

-Ông hiểu không ?

-Không.

-Ngày đêm 108.

Hàn Dũ điên đầu vì ông không hiểu vị sư già nói gì. Khi ông về nhà, vợ ông nhận thấy tình trạng này của ông và gạn hỏi. Danh sĩ kể lại cho vợ nghe.

-Sao ông không quay lại và hỏi vị sư đó có ý gì ?

Sáng sớm hôm sau, danh sĩ trở lại thiền viện và gặp thủ toạ ở cửa.

-Sao ông đến đây sớm thế ?

-Tôi muốn gặp thiền sư.

-Để làm gì ?

Hàn Dũ kể lại câu chuyện.

-Sao không hỏi tôi ?

Và Hàn Dũ hỏi :

-Ngày đêm 108 là có ý gì ?

Để trả lời thủ toạ nghiêng răng 3 lần.

Sau đó, Hàn Dũ được gặp Đại Diện và đặt cùng câu hỏi. Đại Diện cũng nghiêng răng 3 lần.

-Tôi hiểu rồi, Phật giáo là vậy.

-Ông không nói thế được !

-Có chứ, lúc trước tôi gặp thủ toạ và cũng nhận được cùng câu trả lời.

Đại Diện gọi thủ toạ bảo:

-Tôi biết ông một lúc trước có chỉ cho vị danh sĩ này Phật giáo là gì có phải không ?

-Dạ đúng.

Đại Diện đánh thủ toạ và đuổi ông ra khỏi thiền viện.

Hàn Dũ là một nho sĩ nổi tiếng bị đày vì liên quan tới cái chết của vua. Hàn Dũ tới tham Đại Điền để tìm hiểu về Phật giáo. Tuổi ở đây chỉ là một cái có. Câu trả lời thứ nhất của Đại Điền là giờ chuỗi tràng lên (Chuỗi tràng trong Phật giáo chỉ cái Một, cả chuỗi gồm 108 hạt). Để trả lời ông nói tuổi của tôi vượt lên con số và sự ám chỉ. Tuổi của tôi vượt lên con số và không có tuổi. Nhưng Hàn Dũ không hiểu và bực bội. Sáng hôm sau khi ông gặp thủ toạ ở cửa và thủ toạ nghiêng răng 3 lần. Hàn Dũ càng bối rối hơn. Nhưng khi Đại Điền trả lời cùng một cách là nghiêng răng 3 lần, Hàn Dũ nghĩ mình đã hiểu : Phật giáo là đều vậy. Cũng như Hàn Dũ, chúng ta thường chấp vào lời và hành động và thất bại khi nhìn xa hơn. Nếu hành động là cùng, chúng ta cũng kết luận ý nghĩa là cùng. Cái nghiêng răng của thủ toạ và Đại Điền hoàn toàn khác nhau. Khi thủ toạ bị đánh và đuổi ra khỏi thiền viện, ông mới thực sự hiểu đời. Hàn Dũ đã chống lại Phật giáo và bị đày. Vì sự đi đày này ông mới có cơ hội để gặp Phật giáo đích thực. Chân lý vẫn vậy dù là ngày hay đêm, như 108 hạt tràng. Cốt tuỷ của chân lý không đổi, chỉ hình dáng là thay đổi thôi.

95- Phật thân.

Khi Đức Phật giảng kinh Niết Bàn, Ngài để tay lên ngực và nói :

-Các ông hãy quan sát thân ta cẩn thận, nếu không sau này sẽ hối tiếc. Nếu các ông nói Phật nhập vô dư niết bàn, các ông không phải là đệ tử của tôi, nếu các ông nói Phật không nhập vô dư niết bàn, các ông không phải là đệ tử của tôi.

Công án này cắt đứt sự chấp vào lời nói, một nguyên nhân lớn gây ra rắc rối cho cuộc đời. Nếu nói có ta chấp vào có, nếu nói không ta chấp vào không. Nếu có người nói ông ấy là người xấu, chúng ta luôn coi ông ta là người xấu. Cô ấy hiền, điều này không có nghĩa là cô ấy luôn luôn hiền. Thời gian và hoàn cảnh thay đổi. Những lời nói lúc trước không áp dụng cho các trường hợp sau. Đức Phật có vào vô dư niết bàn hay không chỉ đơn giản là lời nói, là một sự bàn luận vô ích. Vô dư niết bàn là một niết bàn đầy đủ. Theo triết lý nhà Phật, bất cứ người nào cũng có thể đạt được niết bàn, nhưng vì còn xác thân nên còn vài yếu tố chưa trọn vẹn. Vô dư niết bàn chỉ đạt được khi chết. Vì vậy khi Đức Phật chết

Ngài đã vào vô dư niết bàn. Vào khoảng thế kỷ thứ 9, Đại thừa Phật giáo đã khai triển giáo lý 3 thân để giải thích sự liên hệ giữa Đức Phật và con người. Phật là tuyệt đối, là lý tưởng. Nhưng Phật cũng là con người có hơi thở; không chỉ Thích Ca Mâu Ni là Phật mà tất cả các bậc giác ngộ (kể cả những người chưa giác) nữa.

Ba thân Phật là :

-Pháp thân : không hình dạng, màu sắc, là thực tại tuyệt đối.

-Báo thân : là lý tưởng, như Phật A Di Đà.

-Hoá thân : là xác thân Phật, như Đức Phật lịch sử Thích Ca Mâu Ni.

Pháp thân Phật không bao giờ vào vô dư niết bàn, hoá thân Phật có vào vô dư niết bàn.

Trong công án này Phật có nhiều nghĩa khác nhau, nếu ai chấp vào một trong các ý nghĩa này thì là thiếu hiểu biết vậy.

96- Nhập thánh.

Một ông tăng hỏi Tuyết Phong :

-Một người làm sao để vào thánh đạo ?

-Một kẻ ngây thơ không làm được.

-Nếu ông ta quên mình, thì có được không ?

-Ông ta chỉ làm được khi ông ta ý thức.

-Vậy cái gì sẽ xảy ra với ông ta ?

-Một con ong không trở lại tổ đã bỏ.

Một đứa trẻ, một người đơn giản hay một người không nghĩ có phải là một người giác ngộ hay không ? Tuyết Phong trả lời không. Nhưng ông tăng vẫn van nài, nếu một người quên mình, chìm đắm lúc đó (như một đứa trẻ mãi chơi) có phải là một với vũ trụ không ?

Phải, Tuyết Phong trả lời, nhưng trong một giới hạn nào đó. Người đó đã thiếu sự tỉnh thức.

Nhìn kìa, đẹp biết bao

Những đoá hoa nhỏ, hoang dại

Nở dọc hàng rào.

Ba Tiêu.

97- Bỏ xuống đi.

Một thiên sinh hỏi Triệu Châu :

-Con không mang gì đến, phải làm sao ?

-Bỏ xuống đi !

-Nhưng con không mang gì cả thì bỏ xuống cái gì ?

-Vậy thì mang nó đi.

Ông tăng hỏi không có gì trong tâm thì làm sao mà bỏ xuống ? Ông đã quên rằng tự mình suy nghĩ như thế. Cái ngã phải bỏ xuống, cái ngã này nghĩ rằng không có gì để bỏ xuống cả, và chính cái ngã này đã tạo nên rắc rối cho người hỏi. Cái chấp lớn nhất là cái chấp về ngã. Khi một người biết rằng mình đang chấp thì người đó thấy mình được thăng hoa.

98- Bàn tay của Nhật Trí Mặc Tiên.

Nhật Trí Mặc Tiên sống trong một ngôi chùa ở Đơn Ba. Một đệ tử phàn nàn về tính keo kiệt của vợ anh ta. Nhật Trí Mặc Tiên đến viếng vợ anh và giờ nắm đấm trước mặt bà. Người đàn bà ngạc nhiên hỏi :

-Ý thầy là gì ?

-Nếu tôi luôn luôn như thế này, bà gọi là gì ?

-Tàn tật.

Thiền sư lại mở bàn tay ra :

-Giả sử nó luôn luôn như thế này thì sao ?

-Cũng là tàn tật.

-Nếu bà hiểu nhiều như thế, bà là một người vợ tốt.

Nhật Trí Mặc Tiên nói rồi, bỏ đi. Sau cuộc viếng thăm đó, bà vợ giúp chồng trong việc chi tiêu và dành dụm.

Người đàn bà đã nhận được gì trong cuộc viếng thăm này ? Bà ta đã thấy được sự tàn tật của bà ta. Chúng ta nhanh chóng thấy được sự tàn tật của kẻ khác mà thường quên đi sự tàn tật của chính mình.

99- Không nước, không trăng.

Ni cô Như Đại đã theo học nhiều năm với thiền sư Tổ Nguyên. Sau lại theo học với quốc sư Thánh Nhất nhưng vẫn chưa giác ngộ. Một đêm

trắng đi gánh nước với một thùng gỗ cũ. Thùng gỗ vỡ, đáy thùng rơi ra. Lúc đó cô được tự do. Cô nói :

-Không nước trong thùng, không trắng trong nước.

Thùng gỗ cũ là Như Đại, cũng là ông và tôi. Cái chấp lớn nhất là chấp ngã. Càng cố gắng giác ngộ Như Đại càng ý thức về ngã. Cô cố tránh để thùng khỏi vỡ. Trong đời chúng ta chịu nhiều đau khổ để bảo vệ cái chấp ngã. Chúng ta ít khi bỏ cả đời vào một việc gì. Sợ sự thất bại và ngại ngần chúng ta chỉ đi nửa đường. Ít khi đặt hết tâm trí. Không gì được hoàn thành nếu ta không để hết tâm trí 100% vào đó, cho đến khi kiệt sức. Cái ngã vỡ vụn, khi chân ngã bắt đầu. Đó là lý do tại sao thiền nói chết đi sống lại.

100- Đối nhất thuyết.

Một ông tăng hỏi Vân Môn :

-Phật Thích Ca Mâu Ni nói gì khi có người nghe và cơ hội để dạy ?

-Đối nhất thuyết.

Khi ông tăng hỏi Phật sẽ làm gì khi không ai nghe và không có cơ hội để dạy. Vân Môn chỉ đơn giản trả lời : Không cần phải dạy và Thích Ca sẽ không nói một lời. Cũng như là đảo lộn lại tất cả giáo lý. Chân lý tổng quát không phải là chân lý sống. Chân lý luôn luôn cụ thể và độc nhất.

101- Trước 33, sau 33.

Vào lúc pháp nạn Phật giáo đã giảm bớt, Vô Trước đến Ngũ Đài Sơn thăm Văn Thù mà thiền viện ở miền Bắc Trung Hoa. Văn Thù hỏi :

-Ông từ đâu tới ?

-Từ phương Nam.

-Phật giáo ở phương Nam thế nào ?

-Chư tăng chỉ giữ giới luật.

-Còn ở đây thế nào ?

-Phàm thánh cùng sống, rồng rắn hỗn hợp.

-Đại chúng nhiều, ít ?

-Trước 33, sau 33.

Công án này là một giấc mộng cấu tạo nên bởi Vô Trước. Vô Trước có lẽ đã đến thăm Ngũ Đài Sơn ở phía bắc Trung hoa, có lẽ việc viếng thăm là thật. Nhưng đối thoại giữa Vô Trước và Văn Thù (tượng trưng chi trí huệ) Văn Thù hỏi Vô Trước từ đâu tới, câu hỏi thường gặp khi một ông tăng đến một thiền viện. Vô Trước đến từ phương Nam. Nhưng miền nam này không nhất thiết chỉ địa lý, nhưng thật sự chỉ Phật giáo đã thực hành như thế nào trong thời Hạ nguyên. Trong thời kỳ này các ông tăng giới luật chứ không đạt được chân thiền (trong thời thượng nguyên của Phật giáo, giáo lý vừa đứng, vừa thực tế và sống động. Thời trung nguyên chỉ hình thức và thời kỳ hạ nguyên hình thức cũng bị bỏ).

Rồi Vô Trước hỏi Văn Thù cùng câu hỏi. Sự thật có Phật giáo giới giang và Phật giáo ngu ngốc. Ta phải nhìn cho rõ. Vô Trước hỏi đại chúng có bao nhiêu người? Đây là một câu hỏi rất ngu ngốc. Vì chân lý không kể đến số lượng. Có bao nhiêu giáo đồ Thiên Chúa giáo và Phật giáo trong nước Mỹ. Một Thiên Chúa giáo đồ tốt và một Phật tử thật có một ý nghĩa nào đó. Một ngàn Thiên Chúa giáo đồ hay một ngàn Phật tử thì vô nghĩa. Văn Thù trả lời :

-Trước 33, sau 33.

Có nghĩa là con số không quan trọng và không có ý nghĩa.

102- Con rắn mũi rùa.

Một hôm Tuyết Phong bảo đại chúng :

-Nam Sơn gần thiền viện này có một con rắn mũi rùa, các ông phải nhìn cho kỹ.

Trường Khánh nói :

-Hôm nay trong nhà có người chôn thân mất mạng.

Có ông tăng nghe rồi chỉ Huyền Sa tỏ rằng ông này phải đi. Huyền Sa từ chối :

-Để sư huynh Trường Khánh đi trước, dù ông ấy có đi chẳng nữa thì tôi cũng không đi.

-Vì sao ?

-Vì người ta có thể chết mà không phải lên Nam Sơn.

Bỗng nhiên Vân Môn ném mạnh gậy xuống đất trước mặt Tuyết Phong.

Thiền viện thường ở trên núi và chung quanh thường là đất núi. Để tới được thiền viện ta phải trèo lên núi trước. Tuyết Phong bảo đồ đệ là gần thiền viện có một con rắn mũi rùa và ông dạy họ thử đi xem coi sao. Người ta có thể bị con rắn cắn và toi đời, hoặc có trí huệ, và giác ngộ, nhìn con rắn và không sao cả. Để lên được thiền đình, thiền sinh không những chỉ gặp một con rắn mũi rùa, mà còn nhiều con khác trên đường. Để ngộ, ông phải trải qua nhiều kỹ thuật và nhiều thử thách. Khi một người tìm chân lý, người ấy phải tìm nó với cả đời mình. Giác ngộ không thể đạt được bằng cái trí. Cái trí sẽ bị con rắn mũi rùa cắn trước khi sinh ra. Vân Môn vượt lên tất cả.

103- Tiếng mưa rơi.

Một ngày, Cảnh Thanh hỏi một ông tăng :

-Tiếng gì ở bên ngoài vậy ?

-Tiếng mưa rơi.

-Mọi sự đều đảo ngược và giả dối, người đời chỉ chạy theo vật.

-Còn thầy thì sao ?

-Tôi suýt bị làm về tôi.

-Suýt bị làm là có ý gì ?

-Nói về trừu tượng thì rất dễ, nhưng giải thích thực tại bằng lời thì rất khó.

Lộn tùng phèo và giả dối, chỉ chạy theo vật thì không giác ngộ, ông tăng hỏi Cảnh Thanh :

-Còn thầy thì sao ?

Cảnh Thanh trả lời vượt qua trở ngại và giác ngộ không khó nhưng vượt lên thì khó. Chân lý và chân giác ngộ thì vô chấp.

104- Trần trần tam muội.

Một ông tăng hỏi Vân Môn :

-Thế nào là trần trần tam muội ?

-Com trong bình bát, nước trong thùng.

Trần trần tam muội được diễn tả trong kinh Hoa nghiêm. Tam muội là định. Trong cơn đại định nhiều thế giới được bọc lộ trong một hạt bụi.

Một hạt bụi chứa cả vũ trụ. Cũng như thế giới cực tiểu trong lý thuyết của Leibnitz. Vân Môn chỉ đơn giản trả lời :

-Cơm trong bình bát, nước trong thùng.

Sự thực, một hạt bụi chứa cả vũ trụ nếu chúng ta có đại định để nhìn nó. Nếu nhìn vào bên trong ta thấy cả vũ trụ. Một hạt bụi, một người hay một bông hồng có khác gì chứ ? Hiện tại chỉ là Một.

Quyển IV

Thiên Nhiên

Thiên nhiên là trung tâm của đời sống trong sáng. Thiên nhiên hoà hợp với tự nhiên. Người là một phần của tự nhiên. Nhưng khoa học mới, kỹ thuật, cơ khí hoá đã chế ngự khiến đời sống chúng ta càng xa đời đời sống thiên nhiên. Những nhà khoa học thực nghiệm còn bàn tới sự chinh phục thiên nhiên. Thiên nhiên là thoải mái. Những lo lắng phiền muộn, áp lực của người ngày nay đều bắt rễ từ sự giả tạo. Đàn ông và đàn bà lo lắng về dáng vẻ của họ. Họ thường trang điểm. Vẻ đẹp thật là sự tự nhiên, cái chân ngã là tự nhiên.

105- Trên đường gặp người đạt đạo.

Ngũ tổ Diên nói :

-Khi trên đường gặp người đạt đạo làm sao nói ?

Thiền sư là một người giác ngộ. Dù ông cất tiếng chào hay im lặng thì ông ta cũng biết rõ trong, ngoài của ông. Giả đò chẳng ích lợi gì. Khi chúng ta gặp một người chúng ta tạo nên hai cái ngã : một trước một sau, một trong một ngoài, nhưng khi không có trước sau, trong ngoài, tâm trong sáng và tự nhiên. Trong thế giới tự nhiên có hoà bình, đẹp đẽ và trong sáng. Thế giới là phản ảnh của tâm. Thế giới giác ngộ vượt lên lời nói và sự im lặng.

106- Rửa Bát đi.

Một ông tăng hỏi Triệu Châu :

-Con vừa vào thiền viện, xin thầy hãy chỉ thị.

-Ông đã ăn chưa ?

-Dạ, đã.

-Vậy, đi rửa Bát đi!

Ngay lúc đó ông tăng giác ngộ.

Thiền là đời sống hàng ngày, tự nhiên, thứ tự. Mỗi việc làm một lúc. Chân lý đơn giản và trực tiếp. Rắc rối đến từ sự khái niệm hoá và giả sử.

107- Phật đại thông Trí Thắng.

Có một ông tăng hỏi Hưng đương Nhượng :

-Con được biết có một Đức Phật trước khi có lịch sử ghi chép, mười kiếp toạ đạo tràng, Phật pháp chẳng hiển hiện, cũng chẳng hoàn thành Phật đạo là sao ?

-Câu hỏi của ông đã tự trả lời.

-Sao ngồi lâu vậy mà không thành Phật ?

-Vì ông ta không phải là Phật.

Bằng thiền định, ta không thành Phật cũng không giải thoát. Ta đã giải thoát ngay từ đầu. Trong thiền định, thiền sinh thấy mình luôn là Phật, một vị Phật không trở thành một vị Phật, ông đã là Phật rồi. Cây cối, đá, hoa, mặt trời, mặt trăng tất cả đều là Phật. Tại sao chúng sanh lại không ?

108- Lăn quả bóng gỗ.

Một hôm Tuyết Phong bắt đầu bài giảng cho đại chúng bằng cách lăn một quả bóng gỗ trên bục.

Huyền Sa nhặt quả bóng để lại vị trí cũ.

Thường thường một hành động giản dị nhất, dễ dàng nhất lại có vẻ phức tạp nhất. Tuyết Phong lăn quả bóng gỗ trên bục, chư tăng nghĩ rằng hành động này phải có một ý nghĩa thâm sâu nào đó. Huyền Sa nhặt lên và để vào chỗ cũ, ý nghĩa là gì ? Nếu một người đánh rơi một vật gì đó, nhặt lên và để về chỗ cũ. Nếu trời mưa, đi vào trong nhà. Sự việc tự nhiên như thế. Khi có vấn đề, đừng chấp vào nó hãy quan sát và giải quyết trọn vẹn. Dưa hấu thì tròn, dưa gang thì dài, đó là bản chất của chúng. Ta không thể nói vòng tròn thì tốt hơn hình vuông. Tuyết Phong lăn bóng, Huyền Sa nhặt lên. Hành động đầu không có cuối. Hành động sau có cuối không có đầu. Không có hành động nào có ý nghĩa hơn hành động nào.

109- Một triệu vật tới.

Ngưỡng Sơn hỏi Quy Sơn :

-Nếu một triệu vật tới thì phải làm sao ?

-Một vật xanh thì không vàng, một vật dài thì không ngắn. Mỗi vật có định mệnh của nó. Tôi việc gì phải xía vào ?

Ngưỡng Sơn vái lạy.

Ngưỡng Sơn hỏi một câu rất thực tế và thích hợp. Chúng ta sống trong một xã hội phức tạp có cả triệu thứ khiến cho ta chú ý. Làm sao chúng ta có thể trong sáng trong một môi trường như thế ? Quy Sơn cho một câu trả lời thực tế thật và hay : Hãy gặp vật từng thứ một khi nó đến. Con người thường lo lắng nhiều vật, nhưng Quy Sơn chỉ coi mỗi vật một lúc, ông nhìn rõ như chúng là.

110- Mang túi hành trang dưới nách.

Đức Sơn tới thiền viện của Quy Sơn, mang túi hành trang dưới nách. Trong thiền viện ông đi tới đi lui, từ Đông sang Tây, rồi lại từ Tây sang Đông. Nhìn cẩn thận chung quanh và lẩm bẫm : Không, không. Rồi bỏ đi. Khi ra khỏi cửa, ông nghĩ lại và nói :

-Câu thả không thấy được sự thật.

Do đó ông vào thiền viện lần thứ nhì để xem xét. Lần này ông thấy Quy Sơn ngồi trên pháp toà. Thấy ông, Đức Sơn chào ông như các ông tăng đến tham học. Quy Sơn đưa phát tử lên, nhưng Đức Sơn hét lên, gạt phát tử sang một bên, và ra ngoài. Chiều tới, Quy Sơn hỏi :

-Ông tăng vừa tới ở đâu ?

Viện chủ nói :

-Ông ta xoay lưng lại thiền viện và đã bỏ đi rồi.

-Gã tuổi trẻ này về sau sẽ lên đỉnh núi dựng am cỏ, cười Phật, mắng tổ.

Công án này kể lúc Đức Sơn còn trẻ rất tự mãn (về sau ông trở thành một vị đại thiền sư). Ở đây thiền sư Quy Sơn mắng mỏ sự ích kỷ của ông tăng trẻ. Đức Sơn nghĩ rằng ông đã ngộ, và biết hết mọi chuyện. Ông viếng thăm tu viện của Quy Sơn như ông là một vị thiền sư. Không có gì qua mắt ông. Thiền sư Quy Sơn công nhận sự giác ngộ trống rỗng của

Đức Sơn và sự huyền hoang của ông. Trong thiền học có nói rằng : trước khi học thiền thì thấy núi là núi, sông là sông, khi học thiền một thời gian thì thấy núi không là núi, sông không là sông, nhưng sau khi đã đạt được thiền rồi thì núi lại là núi, sông lại là sông. Chân lý tự nhiên không cần kịch hoá.

111- Bảo Thọ xoay lưng.

Một hôm Triệu Châu đến thăm Bảo Thọ. Bảo Thọ thấy Triệu Châu đến bèn xoay lưng lại. Triệu Châu trải toạ cụ và sửa soạn lạy Bảo Thọ. Bảo Thọ đứng dậy về phòng. Triệu Châu nhặt toạ cụ bỏ đi.

Đây là một công án không lời rất thử thách. Thấy Triệu Châu đến, Bảo Thọ xoay mặt không một lời giải thích. Triệu Châu rất tự nhiên trải toạ cụ mà các ông tăng thường mang theo mình, sửa soạn lễ như thông lệ. Nhưng Bảo Thọ nhòem dậy và bỏ về phòng. Triệu Châu đáng nhẽ phải thắc mắc “Phải có một ý nghĩa sâu xa nào đó cho việc này”, lại chỉ thu dọn toạ cụ và bỏ đi. Triệu Châu tự nhiên như một ngọn gió thổi qua cành thông, hay như bóng theo vật, vang theo tiếng. Đến và đi, là một tác động bình yên. Triệu Châu giống như một người câu cá, gặp mưa, khoác áo toi trở về nhà, không buông cần câu nữa. Một ngày như thế đó.

112- Đệ nhất nghĩa đế.

Người ta nhờ Hồng Châu đại sư viết bốn chữ Đệ nhất nghĩa đế để khắc vào tấm bảng treo trên cổng chùa Hoàng Bá. Đệ tử của Hồng Châu sửa soạn một số giấy mực. Hồng Châu viết rất cẩn thận. Người đệ tử ít khi phê bình nói :

-Không đẹp !

Hồng Châu viết lại :

-Cái này thì sao ?

-Dở.

Hồng Châu lại viết lại nữa.

-Lại còn tệ hơn trước.

Hồng Châu viết viết lại tới 84 lần mà không lần nào được đệ tử chấp nhận. Sau đó, người đệ tử có việc phải ra ngoài một lát. Hồng Châu nghĩ

đây là cơ hội thoát được đôi mắt sắc bén của đệ tử, bèn nhanh tay viết lên 4 chữ Đệ nhất nghĩa đế. Khi người đệ tử trở lại, trông thấy bèn kêu lên :
-A ! Thật là tuyệt bút.

Cái đẹp phải tự nhiên, vô ngã là tinh túy của tự nhiên. Khi ta bay trên nước Tàu, ta có thể nhìn xuống thấy bề rộng của sông Dương Tử. Hai bên bờ xanh thẳm, xa xa xanh lơ, rồi xanh vàng, rồi vàng. Đây thật là một bức họa với nét bút thiên nhiên.

113-Thấy tánh.

Trần Tháo, một vị thượng thư đến thăm Trí Viễn. Trí Viễn thấy Trần Tháo tới bèn vẽ một vòng tròn trên không trung. Trần Tháo kháng cự nói :

-Con vừa tới, chưa kịp ngồi, sao thầy vẽ vòng làm gì ?
Thiền sư nghe rồi, bèn bỏ về phòng và đóng cửa lại.

Khi Trí Viễn vẽ vòng trong không ông đang thử vị khách có nhiều cách để phản ứng, hiểu và trả lời thầy bằng sự hiểu biết của mình, không hiểu tí nào mà ra vẻ mình hiểu. Trần Tháo phản ứng tự nhiên và thành thật. Trí Viễn coi ông như có khả năng như một thiền sinh. Khi Trí Viễn đóng chặt cửa có nghĩa là ông đã coi Trần Tháo là đồ đệ của mình.

114- Đức Sơn bung bát.

Một hôm Đức Sơn bung bát xuống trai đường. Tuyết Phong trông thấy hỏi :

-Ông già ! Chuông chưa tỉnh, trống chưa báo, bung bát đi đâu ?

Đức Sơn bèn trở về phòng phương trượng. Tuyết Phong kể với Nham Đầu. Nham Đầu nói :

-Đức Sơn chưa hiểu câu nói sau cùng.

Đức Sơn nghe được sai thị giả gọi Nham Đầu lại hỏi :

-Ông không đồng ý với lão tăng hả ?

Nham Đầu bèn trình mật ý, Đức Sơn bèn thôi.

Hôm sau có buổi giảng khác thường. Nham Đầu đến trước tăng đường vỗ tay cười nói :

-Vui thay ! Ông già hiểu được câu nói sau cùng, về sau thiên hạ không ai làm phiền ông nữa !

Cả hai Tuyết Phong và Nham Đầu đều là đệ tử của Đức Sơn. Đức Sơn vào khoảng 80 tuổi khi bị Tuyết Phong đuổi về phòng phương trượng và bị Nham Đầu chỉ trích. Đức Sơn, không giải thích cũng không xin lỗi. Ông hiểu hai trò và chính ông. Ông đã chín mùi tự nhiên. Đời sống thực sự không cần giảng giải và xin lỗi. Buổi giảng ngày hôm sau khác hẳn, có lẽ Đức Sơn chỉ hiện diện là chính ông chứ không phải là một thiền sư giảng dạy cho học trò. Không có sự thật nào hơn thế. Phong cách của một người như thế nào thì đó là sự thật tối thượng. Đức Sơn quả là một vị thiền sư vĩ đại.

115- Hạ cây phướn xuống.

Anan hỏi Ca Diếp :

-Phật cho sư huynh y bát, còn cho sư huynh gì nữa không ?

Anan !

-Dạ !

-Hạ cây phướn của tôi xuống và đề cây phướn của ông lên.

Ca Diếp và Anan là hai vị đệ tử xuất sắc của Đức Phật. Ca Diếp là người nói pháp kế tiếp (tượng trưng bằng sự truyền y bát) khi Đức Phật mất. Do đó khi Anan hỏi Ca Diếp ngoài y bát ra Phật còn truyền gì cho ông không? Ca Diếp gọi và Anan trả lời. Ngay lúc đó họ đã truyền thông. Ca Diếp nhận thức sự kiện này bằng cách bảo Anan thay phướn. Chân lý được trao truyền không lời cũng như tình yêu vậy. Khi hai người yêu nhau họ không cần nói anh yêu em. Chỉ cần gọi tên nhau là đủ, thật nhẹ nhàng và đẹp biết bao.

116- Gõ vào thành ghế.

Một hôm, trong thiền viện Nam Tuyền, Viên Đầu và Phạm Đầu đang ăn cơm, bỗng nghe tiếng chim hót. Viên Đầu lấy tay gõ vào thành ghế, con chim lại hót nữa. Viên Đầu lại gõ lần thứ hai, nhưng chim không hót nữa. Viên Đầu quay qua Phạm Đầu và hỏi :

-Ông hiểu không ?

-Không, tôi không hiểu.

Viên Đầu lại lấy tay gõ vào thành ghế lần thứ ba.

Con chim hót. Viên Đầu gõ vào thành ghế như hưởng ứng. Con chim lại hót, Viên Đầu lại gõ nhưng chim đã bay đi. Chim hót tự nhiên và không ở lâu một chỗ. Viên Đầu biết điều này và hỏi Phan Đầu “Ông hiểu không?” Phan Đầu không hiểu, do đó Viên Đầu lại gõ lần thứ ba. Viên Đầu nghe thấy pháp ở khắp nơi : ở tiếng chim hót, tiếng gió, tiếng côn trùng trong nắng, trong hoa ngay cả trong câu trả lời mộc mạc “Không, tôi không hiểu” của Phan Đầu. Lần gõ thứ ba trong sáng, tự nhiên như hoa huệ trong buổi sáng, dưới ánh nắng mặt trời.

117- Chư vị tiên đức.

Một hôm thị giả của Đức Sơn hỏi thầy :

-Chư tổ và chư tôn đức đã mất, họ đi đâu ?

-Tôi không biết họ ở đâu.

-Con tưởng nhận được câu trả lời như ngựa phi, ngựa trâu chỉ như rùa bò!

Đức Sơn im lặng như chịu thua. Hôm sau, lúc tắm xong Đức Sơn vào phòng ngồi, thị giả dâng trà. Đức Sơn vỗ vai thị giả và hỏi :

-Công án ông hỏi hôm qua sao rồi ?

-Hôm nay thiên phong của thầy đã khá hơn.

Đức Sơn vẫn giữ im lặng như chịu thua.

Thái độ của Đức Sơn tự nhiên giống như bức màn lay động trước gió. Thị giả là một ông tăng thông minh nhưng thử thách của ông đã không gặp sự chống đối.

-Tôi không biết họ ở đâu ?

Thị giả bất mãn và thốt ra lời oán trách thầy. Nhưng Đức Sơn không làm một cố gắng nào để chống trả. Hôm sau thái độ của Đức Sơn mới mẻ hơn, tuy nhiên tâm thị giả vẫn vậy. Vì vậy Đức Sơn thân thiện hỏi ông :

-Công án ông hỏi hôm qua thế nào rồi ?

Lần này thị giả khen ngợi thầy, nhưng Đức Sơn vẫn giữ thái độ im lặng đối với lời khen cũng như sự chỉ trích. Một bức rèm đong đưa về phía

trước rồi về phía sau trong gió. Tự nhiên là phong cách của người đạt đạo.

118- Tiếp kiến thiên sinh.

Một hôm nói chuyện với chư tăng, Tam Thánh đưa ra nhận xét :

-Khi một thiên sinh tới, tôi ra tiếp kiến không vì giúp hấn.

Khi Hưng Hoá nghe được lời này bèn phê bình :

-Khi một thiên sinh tới, tôi thường không ra tiếp kiến, nhưng nếu đã ra, tôi nhất định sẽ giúp hấn.

Tam Thánh và Hưng Hoá đều là đệ tử của Lâm Tế. Trong công án này, họ ở hai vị trí đối lập nhưng cùng một ý nghĩa. Tam Thánh nhận mình tiếp kiến thiên sinh không có tiên kiến là sẽ dạy, còn Hưng Hoá thì nói để thiên sinh đến ông và ông sẽ dạy. Mỗi người đều có cách dạy độc đáo.

119- Quản trị tăng.

Hữu Tĩnh, một quản trị tăng ở thiền viện Lạc Phố. Một ngày ông ra lệnh :

-Chư tăng từ hàng nhất đến hàng giữa làm việc ngoài đồng; những ông tăng còn lại thì lên núi kiếm củi.

Thủ toạ hỏi :

-Còn Văn Thù thì sao ?

-Sự sắp đặt của con chỉ dành cho chư tăng, Văn Thù chẳng ăn nhậu gì với chuyện này cả.

Về sau, Viên Thông nghe đối thoại này phê bình :

-Nếu thủ toạ hỏi tôi, tôi sẽ nói :

-Con đường giống như một cái gương không động, nhưng phản chiếu tất cả.

Mỗi thiền đường đều treo tranh Văn Thù hay Bồ Đề Đạt Ma. Khi Hữu Tĩnh phân chư tăng làm 2 nhóm để làm việc có hiệu quả hơn. Thủ toạ hỏi : Còn Văn Thù thì sao ? Hữu Tĩnh trả lời là Văn Thù làm việc độc lập, như mặt trời soi rọi là một ông tăng tự trị; ông chỉ phân phối các ông tăng thôi; không liên quan gì đến Văn Thù cả. Mỗi người phải tự

làm việc không nghĩ tới bốn phận của mình hay kêu ngạo. Một cây thông trên vách đá trong trời tuyết, phô những lá xanh, là điển tả đời sống. Ở Nhật Bản cây mận nở hoa vào tháng hai mặc dù trời tuyết. Nó nở dưới trời tuyết vì đó là bản chất của nó, không phải là bày tỏ sự can đảm, như Viên Ngộ phê bình. Như gương phản chiếu nếu A tới thì phản chiếu A, B tới thì phản chiếu B. Nó hoạt động khi nguyên nhân và điều kiện hiện hữu. Không có sự nhân tạo hay cái ngã trong sự phản chiếu. Thật là tốt khi phản chiếu vật như nó là. Tấm gương của con người trở thành ích kỷ và phản chiếu nguyện vọng và chấp trước. Do đó ngay cả tấm gương cũng nên phá huỷ. Rồi thì chúng ta sẽ được tự do.

120- Cỏ thơm, hoa rụng.

Một ngày kia Trường Sa đi dạo, khi trở về ông tăng giữ cửa hỏi :

-Hoà thượng đi đâu ?

-Lên đồi.

-Đồi ở đâu ?

-Trước theo lối cỏ thơm mà đi, sau theo lối hoa rụng mà về.

-A ! Giống như mùa Xuân.

-Còn hơn sương Thu trên lá sen.

Đời sống thiên không vị kỷ, đi lên đồi ngậy thơ hưởng mùi thơm của cỏ, hoa. Người giác ngộ thưởng thức thế giới toàn diện như trẻ thơ tươi mát. “Còn hơn sương Thu rơi trên lá sen” có nghĩa là còn hơn một ông tăng già, tụng kinh, tham thiền giữ giới ở trong thiền viện. Dĩ nhiên những chuyện này là tốt. Đời sống thiên thưởng thức cả dạo chơi trên đồi và sương Thu.

121- Theo nó đi.

Một ông tăng hỏi Đại Tuỳ :

-Khi vũ trụ bị huỷ hoại thì cái ngã có bị huỷ không ?

-Bị huỷ.

-Vậy là vũ trụ bị huỷ , cái ngã cũng bị huỷ theo nó.

-Đúng vậy, mọi thứ khác cũng theo nó mà đi.

Rõ ràng là ông tăng này đã học về đời sống vĩnh cửu và tin tưởng như thế. Nhưng khi ông đọc kinh Agama Sutra mô tả sự huỷ diệt của thế giới. Câu hỏi của ông với Đại Tuỳ chứng tỏ sự sợ chết của ông. Câu trả lời của Đại Tuỳ :

-Khi vũ trụ sụp đổ, chúng ta cũng sụp đổ, ông cũng sẽ chết.

Thiên không dạy sự kỳ diệu, chỉ dạy vật như chúng là. Có nhiều người sợ chết. Chết không xấu, không tốt. Nó rất tự nhiên và không cần phải sợ. Đã sinh ra thì sẽ chết. Chúng ta không nên quan tâm về cái chết hơn là cái sống. Khi vũ trụ sụp đổ, chúng ta sụp đổ theo. Có gì phải lo lắng.

Quyển V

Thế nào là Thiên ?

Nhiều công án hỏi Thiên là gì ? Phật giáo là gì ? Thiên có phải là một tôn giáo không ? Phải, vì nó đối phó với sống và chết. Nhưng nó làm người ta không tin vào một đấng thiêng liêng (Thượng đế) hay cảnh giới (trời, địa ngục). Phần lớn các tôn giáo đều đặt trên đức tin, sự cứu rỗi và cầu nguyện. Thiên căn cứ trên những sự kiện thật của đời, sự giác ngộ, thiên định.. Nó chỉ vào cốt tuỷ của đời ta. Trí không đủ để đạ được cốt tuỷ cuộc đời, do đó Thiên không thể dạy, nó chỉ có thể hiểu bởi kinh nghiệm.

122- Ba ngày.

Một hôm Vân Môn dạy đại chúng :

-Nếu các ông không gặp một người ba ngày thì đừng nghĩ hẳn vẫn là người đó, còn các ông thì sao ?

Không ai trả lời, do đó thiên sư tự đáp : Một ngàn.

Ở đây, Vân Môn đề cập đến vấn đề căn bản của Phật giáo. Mọi sự vật luôn thay đổi, không có gì là vĩnh viễn. Đời sống là một tiến trình trở thành. Mọi người đều luôn thay đổi, dù họ nghĩ thế hay không. Mỗi ngày là một ngày mới. Ngay cả cá cũng không bơi trong một dòng nước mỗi ngày. Dĩ nhiên đây không chỉ con số 1 ngàn. Nó chỉ sự thay đổi nhiều lần, liên tục không đếm được. Có nghĩa là chúng ta chào đón một ngày mới với thái độ mới. Đừng chấp vào ngày hôm qua. Sống mỗi ngày một đời sống mới trọn vẹn.

123- Bài giảng của thiên sư Dược Sơn.

Dược Sơn không lên toà giảng đã lâu. Thủ tọa tới tìm ông và nói :

-Chư tăng nhớ bài giảng của thầy.

-Vậy hãy kéo chuông.

Khi chư tăng tập hợp lại ở pháp đường, Dược Sơn trở về phòng phương trượng không nói một lời. Thủ tọa đi theo phản đối.

-Thầy nói thầy sẽ giảng pháp.

-Pháp có pháp sư, luật có luật sư, thiên có thiên sư, tại sao ông làm phiền lão tăng ?

Thiên là đời sống. Do đó mỗi ngày, mỗi giờ trong đời một thiên sư là một bài giảng sống. Trong thiên viện Dược Sơn, chư tăng nhớ các bài giảng của ông. Đây là một sự ngạc nhiên đối với Dược Sơn, vì ông mỗi ngày, mỗi phút đều giảng thiên. Nhưng chư tăng không nghe chúng. Nếu ông muốn nghe những lời giải thích về kinh điển thì ông hỏi pháp sư, Một thiên sinh không nghe bài giảng không lời thì không đáng được gọi là thiên sinh. Người ngày nay thế nào ? Trong kinh A Di Đà có nói núi, sông, cây, hoa, gió đang giảng pháp.

124- Bài thơ của Tử Hồ.

*Ba mươi năm qua bên hồ núi
 Một mình và tự do
 Ngày hai bữa duy trì sự sống
 Chẳng cần lo
 Lên, xuống núi
 Mỗi ngày tập thể thao
 Dù người không hiểu
 Cũng chẳng sao !*

Một cánh chim bay tự do trên bầu trời và không để lại dấu vết. Nước chảy tự do trong sông nếu nó ngừng thì đó là ao tù. Một đám mây trắng phủ đỉnh núi và thay đổi hình dạng. Một ông tăng thật sống một cách đơn giản, đầy đủ không chờ mong được khen ngợi. Sự trong sáng của ông không bao giờ bị thay đổi bởi quyền lộc, khen ngợi hay phỉ báng. Tử Hồ sống một cuộc đời như thế trong 30 năm, bên hồ núi, mỗi ngày là một bài giảng không lời.

125- Ba cân gai.

Một ông tăng hỏi Động Sơn :

-Phật là gì ?

-Ba cân gai.

Động Sơn bị hỏi :

-Phật là gì ?

Trong khi ông đang làm việc. Ngay lập tức ông giơ một nắm gai lên (nặng 3 cân) mà ông có trong tay, lúc đó. Nhiều người nghĩ Phật là một đấng siêu nhiên, khác người. Động Sơn phá huỷ hình tượng này bằng cách chứng tỏ vật như chúng là. Phật là Như Lai, nghĩa là đến như thế. Phật là gì ? Ba cân gai. Câu trả lời tức khắc không nhân tạo, không nhân loại. Mọi vật, mọi chúng sinh đều là Phật chân thật, độc lập, tự do.

126- Cây bách trước sân.

Một ông tăng hỏi Triệu Châu :

-Ý tổ sư từ Tây qua là gì ?

-Cây bách trước sân.

Bồ Đề Đạt Ma mang Thiên tới Trung Hoa từ thế kỷ thứ 6. Do đó câu hỏi có nghĩa là Thiên là gì ? Triệu Châu cho một câu trả lời hay : Cây bách trước sân.

127- Hấn là ai ?

Đông Sơn Diễn nói :

-Phật quá khứ và tương lai đều là thị giả của ông, ông ấy là ai ?

Trong công án này ông ấy không hiểu theo nghĩa tương đối như ông ấy và tôi, mà hiểu theo nghĩa tuyệt đối. Ông ấy là thầy của vị Phật lịch sử Thích Ca Mâu Ni Phật và Đức Phật tương lai Di Lặc. Ông ấy là thầy của các vị Phật. Ông ấy là cốt tuỷ của mọi cuộc sống. Ông ấy là lý tưởng A Di Đà, tìm ông ấy là tìm nguồn gốc của cái ngã. Giác ngộ là sự khám phá ra ông ấy. Khi đã khám phá ra được ông ấy trong mình, ta có thể thấy ông ấy trong mọi vật.

128- Ông là Huệ Siêu.

Một hôm, ông tăng mới là Huệ Siêu hỏi Pháp Nhãn :

-Con là Huệ Siêu, xin hỏi thầy Phật là gì ?

-Ông là Huệ Siêu.

Huệ Siêu không phải là ông tăng thường và câu hỏi của ông cũng không phải là một câu hỏi thường. Đó là một sự thách đố sâu xa. Huệ Siêu là Huệ Siêu, Phật thì sao ? Huệ Siêu chân thật là Phật, cái hiện thực thật không có ngã.

129- Bốn cửa thành của Triệu Châu.

Một ông tăng hỏi Triệu Châu :

-Triệu Châu là gì ?

-Cửa Đông, cửa Tây, cửa Nam, cửa Bắc.

Triệu Châu tên thật là Toàn Thâm, nhưng theo tục lệ Tàu ông được gọi tên nơi mình sinh sống : Triệu Châu. Nhiều thiền sư có tên nơi mình sống. Khi ông tăng hỏi :

-Triệu Châu là gì ?

Ông đã có kế hoạch trong đầu. Nếu chẳng hạn Triệu Châu nói :-Đó là tôi.

Thì ông tăng sẽ nói :

-Vậy, thành này tên là gì ?

Một mặt khác, nếu Triệu Châu nói :

-Triệu Châu là tên thành này !

Thì ông tăng có thể hỏi :

-Vậy người trước mặt tôi là ai ?

Nhưng Triệu Châu không bị lừa bởi cái bẫy này. Ông trả lời :

-Nếu có người nào muốn gặp tôi, vào đi cửa luôn rộng mở, không có gì dấu diếm, 4 cửa hãy còn mở.

130- Cây gậy của Phần Dương.

Phần Dương chỉ cây gậy chống bảo đại chúng :

-Ai hiểu cây gậy này thì sẽ hiểu mục đích của Thiền.

Là một phong tục khi ông tăng đi tham nhiều thiền sư, một là để học hỏi, hai là để thử mức độ thâm sâu của mình. Với những ông tăng đi bộ này thì gậy là một dụng cụ cần thiết, một biểu tượng cho sự tìm kiếm chân lý. Phần Dương là một người hăng hái tìm chân lý ông đã đi tham hơn 70 vị thầy. Tham một vị thầy không phải thuần tuý là viếng thăm mà là một cơ hội đào sâu vào chính mình. Thiền sư Đạo Nguyên có nói :

-Học Thiền là học chính mình.

Hiếu đợc gậy chống của Phần Dương là hiếu.

131- Thiền của Dục Sơn.

Thái thú hỏi Dục Sơn :

-Con hiểu rằng Phật tử phải có giới định, tuệ. Thầy có giữ giới, tu định và phát huệ không ?

-Ở đây tôi không có những chuyện bá láp này.

-Chắc thầy phải có một giáo lý sâu xa lắm, con muốn học giáo lý này.

-Ông phải chèo lên đỉnh núi cao, đi dưới đáy biển sâu, nhưng khi lên giường mà vẫn bận tâm suy nghĩ thì sao có thể nắm đợc thiền của tôi ?

Nhiều người chỉ tò mò về Thiền, Thiên Chúa giáo, Du già. Họ muốn biết người khác tu tập và đạt đợc kết quả gì ? Những người đó chỉ là khách bàng quan. Họ không phải là những người đi tìm chân lý. Dục Sơn có lẽ bị phiền lòng với câu hỏi của Thái thú. Cả đời ông là một sự thực hành và thực hiện giới, định, tuệ. Nhưng Dục Sơn trả lời theo phương cách Thiền tiêu biểu :

-Ở đây, tôi không có những chuyện bá láp này,

Trong thế giới ngày nay có nhiều người bối rối, lo lắng mất ngủ như viên Thái thú vì gánh nặng của tâm. Thiền không phải là một sự lười biếng, Thiền là cách sống hoà bình và hoà hợp. Nhưng một người muốn hiểu Thiền thì phải trèo lên đỉnh núi cao và đi dưới đáy vực sâu.

132- Giấy trắng của Huyền Sa.

Huyền Sa sai một ông tăng đưa một bức thư tới vị thầy già Tuyết Phong. Tuyết Phong tập hợp đại chúng lại và mở lá thư ra. Trong thư chỉ có 3 tờ giấy trắng. Tuyết Phong chìa ra cho chư tăng coi và hỏi :

-Các ông có hiểu không ?

Vì không ai trả lời, thiền sư nói tiếp như đang đọc :

-Khi Xuân tới hoa nở, Khi Hạ tới quả chín.

Khi ông tăng trở về và kể lại cho Huyền Sa nghe, Huyền Sa nói :

-Ông già đã lẫn rồi !

Huyền Sa là đệ tử nổi pháp của Tuyết Phong, là một người đánh cá mù chữ khi thế phát. Về sau, ông trở thành một vị thiền sư lớn, đủ lớn để phê bình Thiền của thầy mình. Khi Huyền Sa nghe thuật lại lời nói của Tuyết Phong, ông nói :

-Thư của tôi tối giản tới chân tuỷ của Thiền. Ông thầy già của tôi đã bắt đầu lẫn rồi.

133- Cái hồ của Dược Sơn.

Dược Sơn hỏi một ông tăng mới đến :

-Ông từ đâu lại ?

-Từ Nam Hồ lại.

-Hồ có đầy không ?

-Chưa.

-Sao mưa nhiều thế mà vẫn chưa đầy ?

Khi một ông tăng tới một thiền viện, câu đầu tiên ông bị hỏi thường là từ đâu tới, có nghĩa là ông học thiền với ai ?

Ở đây cái hồ không chỉ cái hồ địa lý mà chỉ tâm ông tăng. Câu trả lời của ông tăng cho thấy ông quá đơn giản (ít hiểu Thiền). Dược Sơn dồn ông :

-Sao mưa nhiều thế mà vẫn chưa đầy ?

Hàng ngày chúng ta được thấm nhuần mưa pháp, sao hồ vẫn chưa đầy ?

134- Khay vỡ.

Một vị thiền sư sống 30 năm trong một am nhỏ. Ông dùng một khay làm bằng đất nung. Một hôm, một đệ tử vô ý làm bể. Sau đó mỗi ngày thiền sư đều đòi khay, nhưng mỗi khi đồ đệ đưa một cái khay mới ra ông đều ném đi và bảo :

-Không phải ! Hãy trả lại cái cũ cho tôi.

Cái khay tượng trưng cho cái gì ? Có lẽ là cái tâm thanh tịnh của thiền sư. Người đệ tử nhiều lần mang cái khay mới ra, nhưng sư phụ đều ném đi. Ông không muốn cái khay. Ông muốn đệ tử mang trả ông cái tâm thanh tịnh. Người đệ tử chấp vào cái khay nhưng ông thầy già thì không.

135- Lánh cư.

Một ông tăng hỏi Vân Cư :

-Con làm sao để sống một mình trên đỉnh núi ?

-Sao ông bỏ thiền viện ở thung lũng mà trèo lên núi vậy ?

Công án này thích hợp cho các ông tăng và những người ngày nay. Sẽ xảy ra chuyện gì nếu tôi sống cô độc ? Không ai làm phiền tôi, mọi vật sẽ im lặng và trong sáng. Nhiều người muốn chạy trốn. Vân Môn trả lời rằng vấn đề này do tâm bứt rứt và suy nghĩ. Thiền viện dưới thung lũng là đỉnh núi. Nhiều người nghĩ thiền đàn và hạnh phúc ở một nơi nào đó. Nhiều người nghĩ học thiền hay tự kỷ luật, là một cách để dẫn tới một đời sống khác. Nhưng trở thành tốt mà không lấy đi cái xấu. Sự thật thì cái xấu đã trở thành cái tốt. Khó khăn và nhọc nhằn là nguồn gốc của sự thưởng thức cuộc đời. Càng có nhiều nước đá thì càng có nhiều nước. Càng nhiều rắc rối thì càng nhiều biết ơn cuộc đời. Nhưng nhiều người vẫn nghĩ là chỗ này hay hoàn cảnh này là nguyên nhân của sự rắc rối. Nếu ta có tâm trạng và thái độ ấy thì bất cứ đi đâu ta cũng gặp rắc rối.

136- Vân Cư gửi đồ ấm.

Vân Cư, trụ trì của thiền viện lớn gửi vài đồ ấm tới một đạo sĩ sống một mình trong một cái lều nhỏ gần thiền viện. Ông nghe được vị đạo sĩ này ngồi nhiều giờ mà không có gì để che thân. Đạo sĩ từ chối :

-Tôi đã sinh ra như thế này !

Vân Cư cho người hỏi :

-Thế ông mặc gì trước khi sinh ?

Đạo sĩ không trả lời được. Sau đó đạo sĩ chết đi và được hoá táng. Sau hoá táng người ta tìm thấy xá lợi trong tro và người ta chỉ cho Vân Cư xem.

-Dù tro của ông ta có 84 thùng xá lợi thì cũng không bằng câu trả lời mà ông ta không trả lời được.

Đáng thương cho đạo sĩ đã không có quần dài để che thân. Nhưng ông vẫn không nhận quà tặng của Vân Cư. Ông ta hoàn toàn tự do và có lẽ đã ngộ. Dĩ nhiên chúng ta được sinh với quần áo mình. Đó là Phật tánh và không cần sự giúp đỡ bên ngoài. Nhưng Vân Cư gửi thông điệp để thách nghiệm sự hiểu biết của ông.

-Trước khi ông sinh ra thế nào ?

Ông không trả lời được. Thật là dễ dàng khi nói về Phật tánh, giác ngộ, thiền sau khi đọc các sách hay nghe những bài giảng. Đã có nhiều sự bắt chước nhiều tín đồ, nhiều bịp bợm mà nhiều người không biết là mình không biết. Trong câu chuyện, đạo sĩ sau khi thiêu trong tro tìm thấy nhiều xá lợi và theo truyền thuyết cổ Trung Hoa thì những người đó có Phật tánh. Nhưng Vân Cư không bị ấn tượng. Với ông thì 84 thùng xá lợi không thể so sánh với chân giác ngộ. Chỉ có sự thực hiện chân lý mới mang lại sự trong sáng, hạnh phúc, và tự do trong đời.

137- Thuyền sắt.

Khi Huyền Sa học với Tuyết Phong, một bạn đồng học tên Quang nói :

-Nếu ông đạt được một cái gì đó, tôi sẽ đóng một cái thuyền sắt và dong ra biển lớn.

Nhiều năm sau, Huyền Sa trở thành một thiền sư và ông tăng trở thành thị giả.

Một hôm Huyền Sa hỏi ông :

-Ông đã đóng cái thuyền sắt chưa ?

Ông Quang im lặng.

Huyền Sa học thiền năm 30 tuổi với Tuyết Phong, bạn đồng học nhỏ tuổi hơn tên Quang đưa ra câu nói về cái thuyền sắt ở thế kỷ thứ 8 và 9, khi người Trung Hoa chưa bao giờ mơ rằng có tàu bằng sắt, như chúng ta có hôm nay. Tuy ông tăng Quang học thiền sớm Huyền Sa, học hỏi và giữ giới luật chặt chẽ nhiều năm, nhưng sự giác ngộ vẫn còn xa vời. Nhiều năm sau, khi Huyền Sa đã thành thiền sư và ông tăng trở thành thị giả của mình., ông hỏi về cái thuyền sắt không phải là để châm biếm

hay trả thù Quang. Đó là câu nói hiền từ nhất mà ông dành cho Quang để đánh thức ông dậy. Ngộ không thể đạt được bằng thời gian thực hành và giữ giới, cũng không bằng sự thu lượm kiến thức.

138- Gia phong của Vân Môn.

Một ông tăng hỏi Vân Môn :

- Gia phong của thầy là gì ?
- Như đồ đệ đến học đã đứng ngoài cửa.

Vân Môn là pháp tử của Tuyết Phong và là người sáng lập nên dòng thiền Vân Môn. Ông dạy nhiều trò và dòng thiền của ông có nhiều đặc tính. Nhưng ở đây ông tăng không hỏi về phương pháp, nhưng hỏi về đời sống thiền hàng ngày của Vân Môn. Câu trả lời của Vân Môn không trả lời về Phật giáo hay thiền. Và nếu ông tăng tiếp tục hỏi về các đồ đệ đứng ngoài cửa thì ông càng đi xa đích. Những đồ đệ đứng ngoài cửa, họ đã sẵn sàng, mỗi chúng ta có một ông tăng muốn học trong lòng. Vân Môn đứng ở cửa và chúng ta cùng đứng với ông.

159- Chỗ trú của Triệu Châu.

Triệu Châu đến thăm Vân Cư, Vân Cư hỏi :

- Lão đại hán, sao không tìm chỗ trú trì lúc tuổi già rồi ?
- Có thể ở đâu được ?
- Trên núi có một chùa cổ.
- To61`t nhất là ông tự mình ở.

Vân Cư không trả lời. Sau đó Triệu Châu lại đến thăm Ngạc Châu. Ngạc Châu cũng hỏi :

- Lão đại hán sao không tìm chỗ trú trì ?
- Có thể ở đâu được ?
- Lão đại hán, ngay chỗ trú trì cũng không biết sao ?
- Tôi từng cưới ngựa 30 năm, nay bị ngã từ lưng trời.

Triệu Châu bắt đầu đi tham học vào tuổi 61 (sau khi Nam Tuyên mất). Đến năm 80 tuổi ông trú trì ở Quan Âm viện, Triệu Châu. Ông thọ 120 tuổi và nổi tiếng trong các cuộc tranh luận với các thiền sư, khi thăm viếng các thiền viện. Ông để lại công án nhiều hơn bất cứ vị thiền sư

nào. Khi Vân Cư đề nghị ông ngưng thăm viếng và trụ trì ở một chỗ nhất định, ông biết chỗ ở của mình và không lúc nào rời nó. Vì vậy câu trả lời :

-Có thể ở đâu được ?

Là một câu nói móc. Còn như Vân Cư đề nghị Triệu Châu ở một ngôi chùa cổ, Triệu Châu bảo ông tự ở vì đối với Triệu Châu thiền không có nghỉ hưu. Thiền sư tự do làm gì mình muốn làm. Khi Triệu Châu viếng Ngạc Châu cũng bị hỏi cùng câu hỏi và cũng đưa ra cùng câu trả lời. Nhưng Ngạc Châu lại coi câu trả lời ở bề mặt nên nói :

-Thật xấu hổ cho ông ! Ở tuổi ông, ông phải biết chỗ trụ trì của mình ngay dưới chân chứ.

Để trả lời, Triệu Châu nói ông thường quen đối phó với ngựa chứ không với lừa. Lâm tế nổi tiếng với tiếng hét, Đức Sơn với cây gậy và Triệu Châu với câu nói đúng lúc.

140- Quả linh.

Vân Môn có lần trú ở Linh Thục viện. Một sáng kia có một viên quan đến thăm và hỏi :

-Quả linh của thầy bây giờ đã chín chưa ?

-Chúng chưa hề xanh bao giờ.

Ý của ông quan là thiền pháp của vân Môn đã chín mùi chưa ? Vân Môn đơn giản đáp :

-Quả pháp luôn luôn chín mùi và không hề xanh bao giờ.

Quả pháp linh là tự tánh, là cốt tuỷ của thực tại, là cái vượt lên thời gian và không gian. Nó đã chín từ vô thủy. Kích thước của nó làm còi vủ trụ. Nó cứng như cục sắt và không có hàm răng người nào có thể cắn. Chỉ có hàm răng pháp mới có thể cắn và có thể ném vị ngọt của quả pháp này.

141- Lòng mày của Thuý Nham.

Hạ an cư kết thúc rồi, Thuý Nham bảo đại chúng :

Từ đầu Hạ đến nay vì huynh đệ nói pháp, lòng mày Thuý Nham còn không ?

Bảo Phúc đáp :

-Làm cướp lòng rộng (một tên cướp biết trong lòng mình là một tên cướp)

Trường Khánh nói :

-Sinh vậy (thay vì rụng lại mọc dài ra).

Vân Môn bảo :

-Quan.

Cốt tuỷ của thiên không thể giảng bằng lời. Ta phải kinh nghiệm nó. Nóng lạnh học được bằng cách sờ, ngọt và chua bằng cách nếm. Sự giải thích chỉ làm mất thì giờ. Thuý Nham thấy lòng từ của mình chỉ là thừa. Ông tăng I đồng ý, ông tăng II cũng vậy, nhưng với sự mỉa mai. Rồi Vân Môn cảnh cáo :

-Các ông không thể qua chỉ bằng nói suông, niết bàn là phải thực hiện.

142- Một đường Niết bàn.

Một ông tăng hỏi Càn Phong :

-Thập phương bà già phạm chỉ cần một đường Niết bàn, không biết đường bắt đầu ở đâu ?

Phong giơ gậy lên vạch một vạch :

-Ở đây.

Sau có ông tăng đem hỏi Vân Môn. Vân Môn giơ quạt lên :

-Cây quạt này vọt lên tầng trời 33 chạm vào mũi Đế Thích lại đánh vào con cá chép ở biển Đông, trời mưa như trút nước.

Câu đáp của Càn Phong và Vân Môn cho công án này không thoả mãn.

Câu hỏi của ông tăng là :

-Đường giác ngộ dẫn tới mọi nơi, nhưng nó bắt đầu ở đâu ?

Càn Phong trả lời bằng cách vẽ một vạch trong không và Vân Môn thì kể chuyện về cái quạt. Sao họ không nói đường ở khắp nơi. Ở đây, ông đang đứng ngay chỗ bắt đầu đường dẫn tới Niết bàn. Hãy là chính ông, mặc kệ kẻ khác. Con đường không ở đâu, ngay dưới chân ông. Nó chính là ông.

143- Giọt nước Tào Khê.

Một ông tăng hỏi Pháp Nhãn :

-Thế nào là một giọt nước Tào Khê ?

-Là giọt nước Tào Khê.

Thiền bắt đầu ở Trung Hoa với Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ đến nước Tàu khoảng năm 520, và trưởng thành với Lục tổ Huệ Năng. Tuy vậy, câu hỏi có ý :

-Cốt lõi của thiền là gì ?

Ông tăng đã mong chờ một giáo lý sâu xa từ thầy, nhưng Pháp Nhãn chỉ lặp lại câu hỏi. Thường thường câu trả lời nằm trong câu hỏi. Nước là nước dù bất cứ ở đâu, hoặc bất cứ ai nhìn nó. Thiền ở khắp mọi nơi, mọi thứ đều là thiền. Ngay cả chữ thiền cũng phải bỏ đi. Chân thiền ở đây không có dân nhân Thích ca, Đạt Ma, Huệ Năng và cả chúng ta.

144- Từ Minh tóm tắt.

Thuý Nham nghĩ mình đã đạt được một cái gì đó về Thiền, rời bỏ thiền viện Từ Minh lúc trẻ, để đi tham khắp nước. Về sau khi ông trở lại thăm thiền viện cũ. Vị thầy già bảo :

-Ông hãy tóm tắt Phật giáo tôi xem.

-Đỉnh núi không mây vờn

Lòng sóng bóng trăng rơi.

-Đầu bạc trắng, răng rụng cũng nhiều rồi mà còn kiến giải như vậy. Ông làm sao mà phá vòng sinh tử ?

Thuý Nham kinh sợ, khẩn khoản cầu Từ Minh chỉ bảo.

-Ông hỏi lại đi.

-Thế nào là đại ý của Phật pháp ?

-Đỉnh núi không mây vờn

Lòng sóng bóng trăng rơi.

Trước khi ông thầy dứt lời, Thuý Nham đại ngộ.

Câu đáp của Thuý Nham rất đẹp và khéo nói. Nhưng Từ Minh hiểu rằng đó chỉ là nói thôi : Một khái niệm triết lý và trí tuệ. Sự giận dữ của thầy khiến Thuý Nham đối diện với chân lý. Phật giáo của ông đặt trên ý tưởng chứ không trên kinh nghiệm. Rất khiêm tốn ông hỏi Từ Minh đại ý của Phật pháp là gì ? Từ Minh cho cùng câu trả lời. Chữ táo không phải là táo thật. Thuý Nham cuối cùng đã thương thức trái táo.

145- Tâm bình thường là Đạo.

Một hôm Triệu Châu thỉnh giáo Nam Tuyền :

-Thế nào là Đạo ?

-Tâm bình thường là Đạo.

-Có phương pháp nào để cầu được ?

-Khi ông có niệm đầu cầu được là đã sai rồi.

Triệu Châu lại hỏi :

-Nếu phong kín tất cả tâm niệm, làm sao đệ tử thấy Đạo ?

-Đạo không ở biết hay không biết. Biết là vọng giác, không biết là thằng ngốc. Nếu như ông chứng được đại Đạo thì giống như Thái Không làm sao thọ những quan niệm ngoại tại, thị phi bó buộc ? Triệu Châu nghe lời này lãnh ngộ được giáo lý “Phi ytri phi bất tri., hoát nhiên quán thông, chứng nhập Thái hư chân cảnh.

Đây không thật sự là một công án. Nó giải thích một ý niệm cơ bản trong triết Đông, đặc biệt là trong thiền Phật giáo. Thiền là đi tìm đường Đạo. Cái khó là phải tìm đường, nhưng đường tìm không phải là đường thật. Con đường, Nam Tuyền giải thích không thuộc về những học giả biết nó, cũng không thuộc về kẻ vô tri sống nó nhưng không biết nó. Nó không thể đạt được bằng cách tìm nó một cách tương đối. Con đường là tuyệt đối và vượt lên tương đối, so sánh, giải thích. Đó là cuộc đời. Con đường Đạo là phổ quát khi ta sống nó và là độc nhất.

146- Mắt nào là mắt chánh.

Ma Cốc hỏi Lâm Tế :

-Quán Thế Âm có ngàn tay, ngàn mắt, mắt nào là chánh ?

-Quán Thế Âm có ngàn tay, ngàn mắt, mắt nào là chánh, nói mau!

Ma Cốc kéo Lâm Tế ra khỏi chỗ ngồi của ông và chiếm lấy chỗ. Lâm Tế đứng dậy hỏi :

-Tại sao ?

Và kéo Ma Cốc lên, chiếm lại chỗ cũ. Ma Cốc ra khỏi phòng.

Bồ tát Quán Thế Âm tượng trưng cho từ bi, có ngàn mắt để nhìn những người cần giúp và ngàn tay để giơ ra giúp. Một vài tượng có 11 mắt nhìn khắp hướng. Lâm Tế dùng lại câu hỏi của Ma Cốc và thêm nói

mau. Lâm Tế lấy câu hỏi của Ma Cốc, do đó Ma Cốc lấy chỗ của Lâm Tế. Lâm Tế đứng dậy và hỏi Tại sao ? Cái tại sao này là công án. Không phải tại sao này của Lâm Tế mà là của Ma Cốc nữa. Nó là cái tại sao tuyệt đối. Ngàn mắt của Quan Thế Âm đều là thật. Chúng ta có hai mắt đều là mắt thật, không ai hỏi mắt nào là thật, một câu hỏi như thế là vô nghĩa.

147- Cái rìu của Nham Đầu.

Một hôm Đức Sơn bảo Nham Đầu :

-Tôi có hai thiền sinh ở đây đã lâu, ông hãy đi xem họ thế nào ?

Nham Đầu vác rìu đến lều của hai ông tăng đang ngồi thiền. Nham Đầu giờ rìu lên nói :

-Nếu các ông nói một lời, tôi sẽ chặt đầu, nếu các ông không nói tôi cũng sẽ chặt đầu.

Hai ông tăng vẫn tiếp tục ngồi thiền như không có chuyện gì xảy ra.

Nham Đầu vác rìu xuống đất và nói :

-Các ông thật là những thiền sinh chân chánh.

Ông quay lại Đức Sơn và thuật lại câu chuyện. Đức Sơn bảo :

-Tôi biết ý ông, nhưng ý họ thì sao ?

-Động Sơn có thể chấp nhận họ, nhưng Đức Sơn thì không.

Nham Đầu là một đệ tử của Đức Sơn, và chuyện Nham Đầu khám phá hai ông tăng là một thử nghiệm cho chính ông. Khi Đức Sơn hỏi, câu trả lời của Nham Đầu có vẻ châm biếm. Động Sơn (một thiền sư hiền từ, hoà nhã) có thể chấp nhận nhưng Đức Sơn (nổi tiếng là thô bạo vì dùng gậy đánh) sẽ không chịu. Nếu đánh mà có thể giác ngộ thì những con ngựa kéo xe đều thành Phật cả. Nham Đầu thử thách lại sư phụ. Ông chủ có khi bị chó cắn lại. Rõ ràng là có hai trường phái sai biệt trong thiền học.

148- Ba giới.

Một ông tăng hỏi Nham Đầu :

-Khi bị ba giới đe dọa, con phải làm gì ?

-Ngồi xuống.

-Con không hiểu.

-Hãy nhắc quả núi tới đây tôi sẽ bảo cho ông.

Ba giới là dục giới, sắc giới vô sắc giới. Ba giới không tốt xấu, đúng sai. Chúng không đe dọa cũng không tư vị. Ba giới hiện diện, sự vật tới, đi ngoài vòng kiểm soát của chúng ta. Mưa gió, nóng lạnh, gập gờ chia lìa, lớn lên già chết. Đây là những thực tại của đời sống mà chúng ta phải đối diện dù muốn hay không. Hãy để ba giới đến và đi. Hãy chấp nhận cái không thể như nhắc một ngọn núi lên và hãy là chính mình.

149- Giáo lý tối thượng.

Tuyết Phong hỏi Đức Sơn :

-Con có thể chia sẻ giáo lý tối thượng mà chư tổ đã đạt được không ?

Đức Sơn đánh ông bằng cây gậy và bảo :

-Ông nói gì đó ?

Tuyết Phong không hiểu do đó ngày hôm sau ông nhắc lại. Do đó Đức Sơn giảng :

-Thiền không lời nói, cũng không có gì để cho.

Nham Đầu nghe được chuyện này góp ý :

-Đức Sơn có xương sống bằng sắt, nhưng ông làm hỏng thiền với những lời mềm dẻo.

Tuyết Phong là pháp tử của Đức Sơn. Đối thoại này là khi Tuyết Phong còn là một thiền sinh trẻ. Như các người khác ông nghĩ rằng Niết bàn và giáo lý tối thượng là một cái gì đó. Không có một vật nào là tối thượng cả. Do đó Đức Sơn đánh ông. Nhưng Tuyết Phong vẫn không hiểu . Ông hỏi lại ngày hôm sau. Đức Sơn nói :

-Thiền không lời, Đạt Ma nói : Tôi không biết, Nhị tổ Huệ Khả : con tìm không thấy.

Thiền là sống, nếu ta khái niệm hoá, nó chết. Cái tối thượng là sự liên tục. Khi Nham Đầu, một đệ tử khác, nghe được chuyện này bảo Đức Sơn đã làm hỏng thiền với những lời cắt nghĩa. Sự thực thì lời phê bình này làm hỏng thiền vì lảm lời. Thiền phải tìm kiếm và thực hiện với năng lực cá nhân. Công án này có dễ hiểu không ? Nếu có chỉ là tri thức thôi.

150- Điềm sâu xa nhất.

Đạo Ngộ đang ngồi thiền trên thiền sàng, một ông tăng đến hỏi :

-Điều sâu xa nhất của giáo pháp là gì ?

Đạo ngộ bước xuống thiền sàng nói với ông :

-Ông từ nơi xa đến đây, nhưng rất tiếc tôi không có gì cho ông cả.

Câu hỏi của ông tăng hãy còn chấp vào nông sâu. Pháp giới không thể đo bằng nông sâu. Nó vượt lên nông sâu, đúng sai, tốt xấu.

151- Ngưỡng Sơn ngồi thiền.

Một hôm Ngưỡng Sơn đang ngồi thiền, một ông tăng đến đứng bên ông. Ngưỡng Sơn nhận biết ông tăng ấy và vẽ một vòng tròn trên đất, phí dưới viết chữ thủy và nhìn ông tăng dò hỏi. Ông tăng không trả lời được.

Kỷ luật của Thiền đôi khi giống như trong một võ đường. Thầy trò tập luyện lẫn nhau. Ông tăng đến đứng bên cạnh Ngưỡng Sơn với ý định thử thách thầy. Nhưng Ngưỡng Sơn biết cái bẫy đó. Ông lập tức vẽ vòng tròn đề chữ thủy ở dưới và nhìn ông tăng dò hỏi :

Ông hiểu không ?

Ông tăng đáng thương. Đó có phải là mang nước tới không ? nếu ông có giải vòng tròn và chữ thủy, ông sẽ không bao giờ hiểu được tâm Ngưỡng Sơn. Dĩ nhiên ông không thốt ra lời. Ông đến để thử thách Ngưỡng Sơn, nhưng kết quả ngược lại. Ngưỡng Sơn viết chữ thủy bên dưới, nhưng dù bao chữ thủy cũng không làm khỏi khát. Ngưỡng Sơn vẽ vòng tròn là để chỉ thực tại tuyệt đối, cả vũ trụ. Nhưng đối với ông tăng đó chỉ là một miếng bánh nó không nhét đầy bụng. Chân lý đời sống không thể hiểu được dù giải thích khéo léo thế nào, trừ phi người đó đã sẵn sàng tiếp nhận. Đối với ông tăng này có lẽ cho một tát tai hay một tiếng hét thì tốt hơn cho một công án biểu tượng.

152- Vân Môn trong miếu .

Một hôm, trong khi giảng cho đại chúng, Vân Môn nói :

-Các ông có muốn gặp chư tổ không ?

Trước khi mọi người đáp, ông chỉ đầu gậy, trên đầu họ :

-Họ ở trên đầu các ông.

Rồi ông lại hỏi :

-Các ông có muốn gặp họ tận mặt không ?

Ông chỉ dưới đất và nói :

-Họ ở dưới chân các ông.

Sau một lúc ông nói, như là nói với mình :

-Tôi có cúng một bữa cỗ trong miếu, nhưng lũ quỷ đói chẳng thoả mãn bao giờ.

Ở nước tàu, miếu là nơi đốt hương và đồ cúng cho người đã chết. Vân Môn là một vị thiền sư lớn, là người sáng lập ra dòng thiền Vân Môn, dạy hơn 90 thiền sư. Ông được biết là người có trí huệ và biện tài. Ở đây, ông dạy nếu muốn biết cốt tuỷ của thiền đừng tìm ở Ấn Độ, hay ở thuở xưa. Hãy nhìn đây ; ngay ở trên đầu các ông. Giác ngộ, Niết bàn ngay ở dưới chân. Vân Môn dạy nhiều đến làm cỗ nhưng lũ quỷ đói chẳng bao giờ thoả mãn. Vì họ không ăn được đồ cúng ấy. Chúng ta là lũ quỷ đói đang tìm kiết niết bàn, không biết rằng ta đang ở trong đó.

153- Tam Tạng của Động Sơn.

Động Sơn nói :

-Tam tạng giáo điều có thể diễn tả bằng một chữ !

Một vị thiền sư khác diễn ý của Động sơn bằng một bài kệ:

*Mỗi nét đều rõ ràng dù khó đọc
Thầy Cồ Đàm đã thử viết nhiều lần
Sao chẳng giao cho Vương lão
Biết đâu, lão ta làm được chăng ?*

Tam Tạng là Kinh, Luật, Luận. Động sơn nói tất cả giáo lý có thể diễn tả trong một chữ. Nhưng chân lý đơn giản và cụ thể luôn thay đổi theo điều kiện và thời gian đặc biệt. Cái không thay đổi là khái niệm tĩnh và không có sức sống. Do đó, chữ viết dù nghệ thuật đến đâu, ngay cả do một nghệ nhân tài giỏi như Vương lão, chân lý cũng không thể viết, đọc hay nói, chỉ có thể hiểu bằng cách sống.

154- Trình độ của Bách Linh.

Một hôm, Bách Linh gặp Bàng cư sĩ ở thiền viện bèn hỏi :

-Câu đặc lực của Nam Nhạc có chỉ cho ai không ?

-Có.

-Ai được ?

Bàng cư sĩ chỉ vào mình :

-Bàng công.

-Thực là diệu đức không sanh, khen ngợi chẳng kịp.

-Câu đặc lực của Nam Nhạc ai biết được ?

Bách Linh không trả lời, đội nón lên đầu đi thẳng.

-Hãy bước cẩn thận.

Bàng cư sĩ gọi với theo, nhưng Bách Linh vẫn tiếp tục đi không ngoảnh cổ lại.

Bách Linh và Bàng Uẩn luôn thử thách nhau về Thiền. Trong công án này họ luận về sự hiểu biết tánh không của Nam Nhạc. Câu đặc lực của Nam Nhạc chỉ mọi sự việc luôn thay đổi, không có gì là vĩnh viễn. Khi ta xác nhận một sự việc gì thì trong thực tại nó đã thay đổi rồi không còn là như vậy nữa. Chân lý ngày hôm qua không phải là chân lý bây giờ. Trong đối thoại Bách Linh hỏi Bàng Uẩn có ai thực chứng những gì Nam Nhạc nói không ? Bàng Uẩn nói có, chính ông đã thực chứng. Rồi Bách Linh chọc quê Bàng Uẩn bằng cách khen ngợi. Cuối cùng Bàng Uẩn hỏi sự hiểu biết của Bách Linh. Bách Linh bày tỏ bằng cách bước đi không nói lời gì. Nhưng thực ra hai người trên ai thực sự hiểu thiền ?

155- Bốn không của Tào Sơn.

Tào Sơn nói :

-Không theo đường chim bay của tâm bạn

Không mặc quần áo trước khi sanh

Không nói bây giờ là vĩnh cửu

Không bày tỏ trước khi sanh.

Tất cả giáo lý của Phật đều nhằm mục đích cắt bỏ những góc rẽ của ảo tưởng và vượt thoát những rắc rối của con người. Tuy nhiên khi ta học một cái gì thì ta lại có khuynh hướng chấp vào nó. Vì lẽ này Tào Sơn viết đơn thuốc có bốn vị chống độc. Thứ nhất là không theo đường chim bay của tâm. Chim bay tự do trên trời không theo một đường nào. Ngay

cả sự vô ngã cũng có thể bị chấp trước. Thứ hai là đừng mặc quần áo trước khi sanh ra. Đừng chấp vào vô chấp. Đừng nói bây giờ là vĩnh cửu, vì mọi vật luôn thay đổi, luôn luôn trở thành. Mỗi giây phút là thật, nhưng nó đang qua, và ta không nắm được nó. Đừng nói nó là vĩnh cửu. Và sau hết chân lý vượt thời gian và không gian. Và thời gian trước khi sanh là trong thời gian một khi ta khái niệm nó. Bất cứ cái gì khái niệm hoá đều mất đi sự sống. Cũng như cá sống trong nước, nếu ta bắt nó ra nó sẽ chết. Một con cá bị bắt là một con cá chết. Vì vậy Tào Sơn cảnh cáo : bất cứ thứ gì dù tốt, đẹp, thật, đừng cố bắt nó hay chiếm hữu nó.

156- Cây gậy cau của Liên Hoa Phong.

Trú ở Thiên Đài Sơn, Liên Hoa Phong Thiệu quốc sư thường giơ gậy hỏi ông tăng mới đến tham học :

-Cổ nhân đến đây vì sao không chịu ở ?

Không ai trả lời được, về sau quốc sư đề thị câu trả lời cho đệ tử :

-Vì đường xá không đặc lực.

Sau đó lại hỏi :

-Là ý gì ?

Và sư đáp :

-Gậy cau lật ngang, chẳng đoái hoài người, đi thẳng vào ngàn vạn núi.

Một du tăng thường mang theo một cây gậy : ở Ấn Độ, cây gậy dùng để dò mực nước nông, sâu khi qua suối; che trở ông tăng khỏi rắn rết hay thú dữ. Nhưng khi đến trung Hoa, gậy đã có một ý nghĩa khác. Cây gậy có thể nuốt cả vũ trụ, có thể giết, có thể cứu. Cây gậy trở thành biểu tượng của sự giác ngộ. Thiệu quốc sư sống một đời đơn giản ở Liên Hoa Phong. Ông giơ gậy lên 20 năm mà chẳng có ai trả lời. Liên Hoa Phong là núi giác, đỉnh là sự trong sáng, đẹp đẽ, tự do, vui vẻ, vinh dự, trung thủy, thoả thích và nhiều cái khác nữa. Ông muốn chỉ nhiều đỉnh đẹp cho mọi người, nhưng mọi người không hiểu.

157- Tôi không biết gã tổng đốc này.

Khê Xung là một vị đại sư đời Minh Trị, trụ trì ở Đông Phúc tự nhiều năm. Một hôm đại tướng quân Bắc Viên là Tổng đốc kinh đô đến thăm

viếng. Thị giả đưa danh thiếp có hàng chữ Tổng đốc kinh đô Bắc Viên trình lên.

Thiền sư nói :

-Ta chẳng có quan hệ gì với gã Tổng đốc này, bảo gã hãy đi đi.

Thị giả đưa trả danh thiếp. Bắc Viên ngỏ lời xin lỗi :

-Đó là lỗi của tôi.

Bèn lấy bút xoá bốn chữ Tổng đốc kinh đô và đưa cho thị giả :

-Phiền thầy trao lại.

Thiền sư đọc danh thiếp :

-A! thì ra là Bắc Viên, tôi tiếp ông này.

Trong thế giới của pháp không có địa vị, phái tính, màu da, một vị thiền sư không thích thú khi đó là một vị vua, nông dân, hay hành khất. Ông chỉ thích thú với những người tìm chân lý.

158- Thoát luân hồi.

Càn Phong hỏi đại chúng :

-Phải có mắt nào để thoát khỏi lục đạo ?

Thường được bảo rằng những kẻ không giác ngộ bị luân chuyển trong sáu đường. Địa ngục (chịu khổ), ngã quỷ (chịu đói), súc sanh (chịu si), người (chịu sướng, khổ), trời (chỉ sướng), a Tu La (chém giết). Thế giới thứ 7 là Phật giới. Khi đạt tới Phật giới thì ta không khổ nữa. Càn Phong hỏi chư tăng có mắt nào mà cứ mãi luân hồi ? Trước hết những người sống trong lục đạo không có mắt nhìn. Cái si mù làm cho họ tham lam và khổ sở. Thiền dạy thực tại vượt lên thực tại và lý luận. Sự vật đơn giản là nó không xấu, tốt. Mỗi thế giới có có một con mắt riêng. A Tu La có con mắt hiếu chiến, súc sanh có con mắt ngu đần. Nông phu có con mắt trông trọt, thương gia có con mắt mua bán. Những con mắt gây trở ngại phải được lãng quên. Yêu thật quên ý nghĩ yêu. : ừa thì nóng, đá thì lạnh. Ta bà là Niết bàn. (Không có ngộ ngoài đời sống) Con mắt thiền là nhìn vật như chúng là : không yêu, ghét, bạn, thù.

159- Diệu Phong Đỉnh.

Bảo Phúc và Trường Khánh đi tản bộ trong núi, bỗng giờ ta chỉ mặt đất bảo :

-Nơi đây chính là Diệu Phong đỉnh.

Trường Khánh nói :

-Phải thì phải, nhưng thật đáng tiếc.

Sau đó ông tặng trẻ thuật cho Cảnh Thanh nghe, Cảnh Thanh nói :

-Nếu chẳng phải là Trường Khánh, liền thấy đầu lâu đây đất.

Tuyệt Đâu phê bình :

-Hôm nay lên đồi với những gã này, họ đã hiểu gì chứ ? Một trăm năm sau, tôi không nói là chẳng có ai hiểu, nhưng số người hiểu không nhiều.

Bảo Phúc, Trường Khánh, Cảnh Thanh đều là đệ tử của Tuyệt Phong. Trong công án này Bảo Phúc trẻ nhất, Trường Khánh lớn hơn vài tuổi. Cảnh Thanh già nhất và có nhiều kiến thức về thiền. Diệu Phong Đỉnh biểu tượng cho sự tuyệt đối xuất hiện trong kinh Hoa Nghiêm. Ông tặng trẻ muốn tỏ ra mình đã ngộ trước mặt sư huynh. Trường Khánh đã để ông vào chỗ cũ. Sau đó Bảo Phúc cầu cứu Cảnh Thanh, hy vọng một lời khuyến khích. Nhưng Cảnh Thanh chỉ nói : Rất may là có một sư huynh như Trường Khánh chỉ nói sự thực. Mặc dầu Diệu Phong Đỉnh là biểu tượng cho sự giác ngộ, nhưng Bảo Phúc phải học kỹ kinh Hoa Nghiêm, bởi vì ông hiểu sai. Khi đi dạo với Trường Khánh, ông kêu lên đây là Diệu Phong Đỉnh giống như một người sau một ngày làm việc mệt mỏi sau khi được tắm nước nóng.Ồ ! Đây là thiên đàng. Chỉ hiểu thiền và ngộ trên bề mặt thì thật đáng thương.

160- Lão Tẩu ngư.

Ni cô Thiết Ma ở gần am Quy Sơn, một hôm đến thăm. Quy Sơn thấy ni cô đến nói rằng :

-Mẹ trâu đã đến !

Ni cô nói :

-Ngày mai, Ngũ Đài Sơn có cung ứng trai phạn, lão sư có đi không ?

Quy Sơn nghe rồi nằm xuống ngủ. Ni cô không nói một lời , bỏ đi.

Thiết Ma là một ni cô. Cô rất thông minh và sắc bén. Cô có biệt danh đó là do những sự tranh luận. Thiết Ma có nghĩa là cối sắt nghiền nát tất

cả. Quy Sơn lại gọi cô là mẹ trâu. Đây là một tên biểu thị tình bằng hữu không phải là mĩa mai. Vào thời đó, trâu là một vật quý hiếm, cho sức lao động, sữa, phân bón khi sống, và khi chết cho da. Quy Sơn thường nói khi chết ông sẽ làm trâu. Công án này biểu thị sự tự do, tức khắc của người giác ngộ. Thiết Ma và Quy Sơn hiểu biết thành thật và tâm phúc. Không có hình thức. Quy Sơn không ngần ngại bày tỏ thái độ với bữa trai phạn. Tình bạn của họ không giả đờ máy móc. Thế giới giác ngộ tự do và tự nhiên không có cảm giác phải hay nên. Mọi việc nói và làm ngay tức khắc, nhưng những người nghĩ rằng mình giác ngộ và còn cảm thấy mình giác ngộ thì không giác ngộ. Chân thiện không có mùi thiện.

161- Đo nước.

Một hôm, Triệu Châu đến thăm giảng đường Thù Du. Ông cầm gậy thượng đường, nhìn từ đông sang Tây, rồi từ Tây sang Đông. Thù Du hỏi :

-Ông làm gì vậy ?

-Tôi đang đo nước.

-Ngay đến một giọt nước còn không có thì đo cái gì ?

Triệu Châu dựng gậy vào tường và bỏ đi.

Triệu Châu đến thăm Thù Du để thử sự hiểu biết của ông này. Ông dòm bề sâu của tâm Thù Du. Lời trách cứ của Thù Du hay, nhưng ông tỏ ra hãy còn vương ở trong không và có. Triệu Châu ra đi tự do như khi ông tới.

162- Nở đúng lúc.

Có một ông tăng trẻ hỏi Cảnh Thanh :

-Học nhân kêu, thỉnh thầy mở.

-Còn sống chăng ?

-Nếu chẳng sống sẽ bị người chê cười.

-Cũng chỉ là một gã trong cỏ.

Công án này vừa hay , vừa quan trọng. Mỗi vị thiền sư có một lối dạy riêng. Thầy phải biết trình độ của trò tới đâu và điểm quan hệ. Một vị thầy có thể nghiền nát trò nếu dùng sai phương pháp hay không đúng

lúc, và người học trò đó không bao giờ đứng dậy nói. Tuy nhiên phải giết đi cái ngã để có thể có một đời sống mới với thực tại. Vì lẽ này, người ta nói rằng thiền sư có kiếm hai lưỡi : một để giết, một để cứu. Nhất kiếm này phải dùng rất chính xác. Ông tăng trong công án này nghĩ rằng ông sẵn sàng giác ngộ và yêu cầu thầy cho mình một cái đây cuối. Nhưng Cảnh thanh biết ông đứng ở đâu. Sự kiện tự mình là một dấu hiệu của sự chưa sẵn sàng. Ngay cả nếu ông tăng này giác ngộ, ông ta sẽ chấp vào sự giác ngộ, và sẽ không được tự do. Ông có thể hướng dẫn sai lầm kẻ khác. Cảnh thanh biết khi nào gõ vào vỏ.

163- Tháp vô phùng.

Đường triều, Túc Tông hoàng đế hỏi quốc sư Huệ Trung :

-Quốc sư trăm năm rồi có cần gì không ?

-Xây cho lão tăng một tháp vô phùng.

Hoàng đế nói :

-Xin thầy cho kiểu tháp.

Quốc sư im lặng một lát rồi bảo :

-Bệ hạ hiểu không ?

-Trẫm không hiểu.

-Lão tăng có đệ tử là Đam Nguyên hiểu chuyện này, xin mời đến hỏi.

Không lâu quốc sư viên tịch. Túc Tông vời Đam nguyên đến hỏi ý của quốc sư là sao ?

Đam nguyên đáp :

-Phương Nam sông Tương, phương Bắc hồ, ở trong có vàng đầy cả nước, thuyền đậu dưới cây không bóng, trên điện lưu ly không trí thức.

Quốc sư Huệ Trung trước khi Túc Tông hoàng đế vời ông về kinh và phong làm quốc sư, ông ở thiền viện 40 năm trên núi, không bước ra khỏi cửa. Sau khi ông mất, vua có gọi Đam Nguyên tới để giảng ý của ông. Đam Nguyên diễn tả bằng một bài thơ mà chỉ những người có trí huệ mới hiểu. Nó vượt lên lời nói. Đó là tuyệt đối, là không hình dạng vài người thấy, nhiều người không. Trong tiếng tàu Vô phùng nghĩa là không khô. Một cái áo không khô : cái áo không có đường khô : vô lý. Tháp : chỉ dinh thự, ở khắp nơi. Ở phương Nam sông Tương ở phía Bắc hồ có đầy vàng, ai cũng đến đó được vì có thuyền công cộng chở.

Chân lý của cuộc đời ở khắp nơi, mọi người có thể nhìn thấy nó, có thể với tới nó mặc dù nó quý như vàng. Đó là lời giảng thật của quốc sư.

164- Phương trượng.

Quy Sơn có làm một bài kệ gián lên tường :

Mười thước vuông vắn

Quá dốc trèo vào

Ai mà qua được

Thì trở thành vua.

Vân Cư nhắc đến bài kệ này bảo :

-Quy Sơn là một thiền sư bẩm sinh.

Một ông tăng hỏi :

-Còn thầy viết kệ gì trên vách ?

-*Phương trượng của Thuý Nham đó*

Có cửa không bao giờ cài

Bất cứ ông tăng nào vào phòng ấy

Sẽ thấy Thuý Nham hình hài.

Ông tăng vái Vân Cư. Vân Cư hỏi :

-Ông có thấy Thuý Nham không ?

Ông tăng do dự, Vân Cư bèn đánh.

Phòng của thiền sư ở được gọi là phòng phương trượng (thường là 10 thước vuông). Trong công án này phòng phương trượng của Quy Sơn rất khó vào. Người vào được coi như là vua, vì biết hết. Thuý Nham thì ngược lại, không có cửa, dễ vào. Vào phòng phương trượng không giống như vào phòng chủ nhà. Phòng pháp, thực tại khó vào như ông tăng thấy.

165- Cây cỏ giác ngộ.

Một hôm, một thiền sinh 50 tuổi hỏi Chân Quán :

-Thiền Thai tông dạy rằng ngay cả cây cỏ cũng sẽ giác ngộ. Sao có thể thế được ?

-Bàn luận về cây cỏ có thể giác ngộ có ích gì chứ ? Vấn đề là làm sao ông có thể giác ngộ ?

-Con chưa bao giờ nghĩ thế.

Chân Quán sống dưới thời Liêm Thương ở Nhật Bản. Ông theo học Thiên Thai tông trong 6 năm, sau đó học thiền 10 năm. Ông sang trung Hoa và học thiền thêm 13 năm nữa. Khi trở về nước, nhiều người đến tham học với ông. Nhưng ông ít tiếp khách và ít khi trả lời những câu hỏi của họ. người hỏi trong công án này đã phô bày cái sai lầm lớn của trí thức học và biện luận những gì không liên quan đến mình. Thiền luôn luôn chỉ vào trong. Thật thích thú khi một người giác ngộ . cây cỏ cũng giác ngộ nữa. Sự giác ngộ của cây, cỏ thực ra là sự giác ngộ của chính chúng ta về cây cỏ.

166- Chánh đạo.

Trước khi Quyền Xuyên mất, Nhất Hưu đến thăm ông.

-Có muốn tôi chỉ đường không ?

-Tôi đến đây một mình và sẽ ra đi một mình, ông có thể giúp gì cho tôi ?

-Nếu ông nhận rằng có đến, có đi thì đó là vọng tưởng, để tôi chỉ cho ông con đường không có đến, đi.

Với sự chỉ đạo rõ ràng của Nhất Hưu, Quyền Xuyên mỉm cười mà mất.

Nhất Hưu là một thiền sư nổi tiếng Nhật Bản. Ông là con vua và mẹ ông cũng là một thiền sinh. Trong công án này ông chỉ cho chúng ta cuộc sống vĩnh hằng của thiền không có đầu và cuối. Vì là vĩnh hằng nên không có đến ,đi. Sống, chết chỉ là biểu hiện của đời sống vĩnh hằng. Đời sống không bao giờ chết. Chúng ta nói rằng chúng ta tới từ vĩnh hằng và trở về vĩnh hằng. Vĩnh hằng có nghĩa là ở đây và bây giờ. Vô thủy, vô chung đều ở đây. Mỗi giây phút đều biểu hiện vĩnh hằng. Có nhiều người lo lắng về cái chết ! Sao vậy ? Chết cũng tự nhiên như sanh.

167- ngồi một mình trên núi Đại Hùng.

Có ông tăng hỏi Bách Trượng :

-Thế nào là sự kỳ đặc ?

-Bách trượng ngồi một mình trên đỉnh núi Đại Hùng.

Ông tăng bèn lay tạ, Bách Trượng đánh ông.

Bách Trượng là học trò của Mã Tổ, mộ thiền sư xuất sắc. Sau này vua gọi ông là Đại sĩ, nghĩa là trí huệ lớn. Câu hỏi của ông tăng có nghĩa như đại ý của Phật giáo là gì ? Bách Trượng đáp là :

-Bách Trượng ngồi một mình trên đỉnh núi Đại Hùng.

Một mình không có ý là lánh xa mọi người khác. Một mình này có nghĩa là không động bởi những biến động của đời. Nếu một người đạt được cốt tuỷ của thiền thì dù đang ở một bàn giấy bận rộn thì vẫn có cảm giác như của Bách Trượng trên núi Đại Hùng. Khi ông tăng lay, Bách Trượng lay ông , như là nói :

-Sao ông lại lay tôi. Hãy bận rộn đi chứ, hãy tỉnh thức. ông cũng thế, phải ngồi trên đỉnh núi Đại Hùng.

168- Một nụ cười trong đời.

Mặc Nguyên không bao giờ mỉm cười cho đến chót đời. Khi sắp mất ông triệu tập đồ đệ lại và bảo :

-Các ông đã học với tôi trên 10 năm. Hãy cho tôi biết các ông đã hiểu thiền như thế nào ? Ai diễn tả rõ ràng sẽ được truyền y bát.

Mọi người nhìn bộ mặt khó đăm đăm của Mặc Nguyên, nhưng chẳng ai trả lời. Diên Trường một đệ tử lâu năm bước đến gần và đẩy bát thuốc trên bàn cạnh giường về phía trước vài phân. Mặc Nguyên nghiêm mặt hỏi :

-Đó là tất cả sự hiểu biết của ông sao ?

Diên Trường lại đẩy bát thuốc về chỗ cũ. Mặc nguyên mỉm cười rạng rỡ :

-Tên vô lại, ông đã học với tôi trên 10 năm mà chưa thực biết tôi, hãy nhận lấy y bát.

Diên Trường đẩy bát thuốc về phía thầy là biểu thị trong giây phút cuối của thầy, ông không thể bàn về thiền, ông chỉ muốn thầy sống. Khi nghe thầy hỏi, ông dới bát thuốc về chỗ cũ, có ý nói :

-Nếu thầy có nài, con sẽ lấy lại thuốc. Dù thầy có mất, xin đừng lo, con sẽ trông nom thiền viện.

Mặc Nguyên mỉm cười vì đã an tâm về người kế vị.

169- Vạn Tùng không dạy.

Một ông tăng hỏi Vạn Tùng Hạnh Tú :

-Nếu một người không lìa sanh tử, cũng không đạt Niết bàn, thầy có dạy hẳn không ?

-Tôi không dạy.

-Tại sao ?

-Lão nạp biết phân phải quấy.

Câu chuyện này được lan truyền đến các thiền viện khác và một hôm Thiên Đồng hỏi :

-Vạn Tùng có thể phân phải trái, nhưng không thể lấy bò của nông phu, hay lấy đồ ăn của người đói. Nếu ông tăng ấy hỏi tôi, thì trước khi dứt lời, tôi đã đánh ông ta rồi. Vì sao ? Vì ngay từ đầu, tôi đã không kể phải, quấy.

Công án này chỉ cho chúng ta biết các phương pháp giảng dạy thiền khác nhau. Ông tăng hỏi một câu khó trả lời. Làm thế nào có một người vừa không bị mê hoặc, vừa không giác ngộ ? Vạn Tùng dùng phương pháp nhẹ nhàng và từ tốn để ý thời gian và hoàn cảnh. Ông giống như một thầy thuốc định bệnh và cho đơn thuốc trị đúng bệnh. Còn phương thức của Thiên Đồng thì mạnh bạo như trị kích ngứa. Ông lấy bò của người cày, lấy đồ ăn của người đói. Ông không kể đến gia trị tương đối phải quấy, đúng sai, nhưng tấn công từ quan điểm tuyệt đối. Phương cách của ông rõ ràng và bi tráng, và mọi người coi như anh dũng. Phương pháp của Vạn Tùng không nóng bỏng như vậy nhưng là một phương pháp giảng dạy chắc chắn. Cả hai phương pháp đều cần có độ độ khá và sự cao thượng và khôn ngoan của thiền sư.

170- Không sợ chết.

Một bác sĩ trẻ tên là Nam Điền, nghe nói nếu học thiền sẽ không sợ chết. Một hôm ông giấu một dao găm trong áo và đến thăm Nam Ân muốn thử xem ông có sợ chết hay không ?

Khi thấy Nam Điền, ông hỏi :

-A ! Chào ông, lâu lắm không gặp, ông khoẻ không ?

Nam Điền ngạc nhiên :

-Chúng ta chưa hề gặp nhau mà !

-Đúng rồi ! Tôi làm ông với một y sĩ khác.

Với sự khởi đầu như thế, Nam Điền đã mất cơ hội khảo nghiệm thiền sư. Do đó ông miễn cưỡng xin chỉ dạy về thiền. Nam Ân bảo :

-Ông là bác sĩ, hãy trị bệnh tốt cho bệnh nhân. Đó là thiền.

Bốn lần hỏi Đạo, Nam Ân đều cho ông cùng một bài giảng. Nam Điền phàn nàn rằng ông không tới nữa nếu cứ được giảng dạy như vậy. Vì thế Nam Ân nói :

-Tôi sẽ cho ông một công án.

Và thiền sư cho ông công án chữ Vô của Triệu Châu. Nam Điền tham công án này trong 2 năm nhưng Nam Ân nói vẫn chưa được. Một năm rưỡi nữa trôi qua, tâm Nam Điền trở nên sáng suốt và chữ Vô đã trở thành chân lý.

Nam Điền tiêu biểu cho người trẻ bây giờ : tò mò, hoài nghi, thực tế. Ông đến để thử xem thiền sư có sợ chết hay không. Và kết quả là chính mình lại theo học thiền nhiều năm. Chỉ khi tâm Nam Điền đã trở nên sáng suốt và hiểu là Vô, ông không còn bận tâm đến sống chết nữa.

171- Ngồi lâu sanh mệt.

Có ông tăng hỏi Hương Nghiêm :

-Ý tổ sư từ Tây sang là gì ?

-Ngồi lâu sanh mệt.

Có 130 công án về ý tổ sư. Vấn đề này được bàn cãi không ngừng; nhiều đến nỗi nó có một ý nghĩa đặc biệt. Đó là lý do tại sao Hương Nghiêm trả lời như vậy. Đạt Ma tới vì ông muốn tới. Ông quay mặt vào vách thiền 9 năm. Ông sống thành thật như nắng trời. Thiền không có gì là bất thường, nó chân thật với thực tại. Nếu một người muốn đạt một cái gì trong đời thì người ấy phải có nhiều năng lực và cố gắng. Sao lại bàn cãi về việc Đạt Ma tới Trung Hoa làm gì ? Tốt hơn hết là ngồi xuống và thiền như Đạt Ma đã làm.

172- Bài kệ cuối cùng của Pháp Tiến.

Một hôm, Pháp Tiến tiên đoán mình sẽ mất sau 7 ngày. Đến ngày thứ bảy ông triệu tập môn đồ lại và nói :

-Theo tục lệ, tôi phải viết một bài kệ từ già, nhưng tôi không phải là một thi sĩ, cũng không phải là một nhà thơ, một trong các ông viết hộ tôi. Nói rồi ông liền đọc :

*-Tôi từ nơi sáng
Và trở lại nơi sáng
Thế là gì ?*

Ông tăng đang chép thừa :

-Còn thiếu một câu nữa !

Pháp Tiến bèn hét lên một tiếng và mất.

Pháp Tiến học thiền ở Trung Hoa nhiều năm. Sau khi trở về Nhật, ông giảng dạy ở Đông-Bắc. Trước sự kiện xảy ra trong công án này, ông thường kể câu chuyện ông nghe được ở nước tàu cho đệ tử nghe. Một năm, vào ngày 25 tháng chạp, một vị thiền sư già nói với đệ tử :

-Năm tới tôi không cùng ở với các ông nữa. Vậy các ông hãy cư xử tốt với tôi trong năm nay.

Đồ chúng cho là lời nói đùa, nhưng họ vẫn đối đãi ân cần với thầy. Vào chiều ngày đầu năm mới, thiền sư bảo đệ tử :

-Tôi sẽ ra đi vào ngày mai khi trời tạnh tuyết.

Đồ chúng cười, và nghĩ rằng thầy mình đã lẩn. Nhưng vào nửa đêm khi thì trời bắt đầu đổ tuyết, và sáng hôm sau thì họ không thấy thiền sư đâu. Sau cùng tìm thấy thiền sư ở thiền đường và đã qua đời. Pháp Tiến kể lại chuyện này và bàn rằng các thiền sư có thể (mặc dầu không cần thiết) tiên đoán được cái chết của mình, như ông đã làm trong công án này. Lời nói cuối cùng của Pháp Tiến diễn tả khái niệm về tương lai của nhà Phật. Ông từ nơi sáng tới và trở lại nơi sáng. Đời sống là vĩnh cửu. Chúng ta đang sống đời sống vĩnh cửu nhưng vì vô minh nên chúng ta không biết.

173- Lục bát thân.

Một ông tăng hỏi Vân Môn :

-Pháp thân là gì ?

-Lục bát thân.

Công án này là tiêu biểu của Vân Môn. Ngắn, giản dị và khó hiểu. Pháp thân là sự tuyệt đối vượt qua thời gian, không gian và hình dạng. Lục là sáu cửa của con người tiếp xúc với bên ngoài, gồm 5 thức đầu và ý thức. Nhưng Vân Môn nói Pháp thân không thể nắm bắt bằng 6 thức này. Nó có ở mọi vật, nhưng không thể nói ra.

Quyển VI

Không bắt chước.

Đời sống thiền không có bắt chước. Tuy nhỏ, không quan trọng hay thấp kém nhưng đời bạn là của bạn. đời sống thì sáng tạo nếu sống hoàn toàn. Mỗi người là, phải là một nghệ sĩ trong đời. Tuy đáng yêu với mọi người khác nhưng chỉ thành công khi trung thực với chính mình; và sự tự mãn sẽ không bao giờ được kinh nghiệm. Hãy tìm cái ngã và là chính bạn. Đó là khẩu hiệu của Thiền và là cốt tuỷ của Phật giáo. Bạn là gì ? Hãy nhìn vào trong.

174- Một ngón tay thiền của Câu Chi.

Thiền sư Câu Chi giơ ngón tay trở lên khi được hỏi về Thiền. Một chú tiểu bắt chước ông theo cách đó. Khi Câu Chi được kể về chuyện bắt chước này, gọi chú tiểu đó lại hỏi chú chuyện đó có thật không, chú công nhận. Câu Chi hỏi chú có hiểu không. Để trả lời, chú tiểu giơ ngón trở lên. Câu Chi liền chặt đứt ngón tay đó. Chú tiểu chạy khỏi phòng kêu lên đau đớn, khi chú chạy tới ngưỡng cửa, Câu Chi gọi :

-Này ! Phật là gì ?

Chú ngoảnh đầu lại. Câu Chi giơ ngón trở lên. Ngay lập tức, chú tiểu liền giác ngộ.

Tuy bắt chước tốt vẫn chỉ là bắt chước, chứ không phải là một việc thần thánh. Giơ một ngón tay lên không phải là thiền. Ngón tay ấy biểu trưng cho cái gì mới quan trọng. Cũng như chú tiểu, chúng ta chỉ nhìn bề ngoài và thất bại khi nhìn sự thực. Chú tiểu dựa vào ngón tay nhưng khi ngón tay bị chặt đi, chú không còn gì để chỉ thiền. Khi một người còn dựa vào một cái gì thì ông ta không được tự do và độc lập. Giác ngộ là sự lầy đi những sự ỷ lại và chấp trước. Và đạt được một chiều mới, một cuộc đời mới.

175- Lệnh đường.

Một ông tăng nói với Vân Môn :

-Hào quang của Phật soi rọi cả vũ trụ. . . .

Trước khi ông dứt câu, Vân Môn hỏi :

-Ông đọc thơ của ai đó phải không ?

-Phải.

-Ông đã đi lệch đường rồi. !

Về sau, một vị thiền sư khác hỏi đệ tử :

-Ông tăng đó đã đi lệch ở chỗ nào ?

Khi một người nói thực và thành thực, người ấy chịu trách nhiệm về lời nói của mình. Nhiều người thường nói : họ nói hay người ta nói thay vì tôi nói. Thiền giống như đời sống, luôn luôn tức khắc và trực tiếp. Thiền gạt bỏ vòng vo vì cuộc đời không có thặng dư, không thể phí phạm.

176- Đen và trắng của Bạch Vân.

Bạch Vân, một thiền sư thi sĩ đời Tống làm một bài thơ :

*-Nơi người khác ở
Tôi không ở
Chỗ người khác đi
Tôi không đóng
Cửa người
Nhưng đen và trắng
Phải rọ mười mười.*

Bạch Vân phải là người độc nhất, sáng tạo, nghệ sĩ. Ông muốn chỉ là mình thôi. Phật Thích Ca có nói :

-Trên trời, dưới trời chỉ có ta là hơn cả !

Do đó, mỗi người chúng ta đều cao quý trong vũ trụ. Chúng ta là một, bình đẳng, tự do và độc lập. Đó là cách của Bạch Vân. Đen là đen, trắng là trắng, chúng không thể so sánh. Mỗi người là tuyệt đối.

177- Tên đầu rồng.

Có lần Mục Châu hỏi một ông tăng mới đến :

-Ông vừa từ đâu lại ?

Ông tăng hét lên.

-Lão tăng bị ông hét một lần.

Ông tăng lại hét.

-Ba hét, bốn hét rồi sao ?

Ông tăng không lời đáp lại. Mục Châu bèn giơ thiền trượng cầm trong tay và mắng :

-Tên cướp đầu rồng này !

Trong đối thoại thiền có hai thứ được dùng tự do là : gậy và hét để thức tỉnh ông tăng. Tiếng hét vừa sâu xa vừa bí mật. Ở đây ông tăng hét là để thử thách thiền của Mục Châu. Mục Châu muốn biết sau 3, 4 lần hét rồi thì sao ? Thương thay ông tăng bắt đầu như sư tử, nhưng kết thúc như một con chuột. Ông đã dùng kỹ thuật của Lâm tế, nhưng đó không là tiếng hét của ông. Sau tiếng hét thứ 2, ông tăng nhận thua. Ông không giả vờ, ông có thể là một thiền sinh tốt.

178- Lễ Thanh Lương.

Triệu Châu định đi hành hương chùa Thanh Lương. Một ông tăng nghe chuyện bèn viết một bài kệ trao ông :

Chỗ nào núi xanh chẳng Đạo trường

Việc gì chống gậy lễ Thanh Lương

Trong mây dù có kim mao hiện

Chánh nhãn nhìn xem chẳng cát tường.

Triệu Châu hỏi :

-Thế nào là pháp nhãn?

Ông tăng không trả lời được.

Cả ông tăng và Triệu châu đều đưa ra những nhận xét hay. Triệu Châu định đi hành hương chùa Thanh Lương đạo tràng của Văn Thù tượng trưng cho trí huệ, thường cưỡi trên lưng sư tử. Bài kệ của ông tăng là một thách đố thiền : chỗ nào thiền mà chẳng tốt, ngay chỗ của ông là một chỗ vàng, sao phải đi Thanh Lương ? Ông có nghĩ Văn Thù sẽ ở đó ? Văn Thù ở mọi nơi. Và ngay cả ông thấy điềm nào trên mây trời, thì người có chánh nhãn cũng không thấy. Triệu châu phản công :

-Cái gì, chánh nhãn là sao ?

Có lẽ ông tăng chỉ có trí huệ tốt về thiền mà thôi.

179- Huệ Trung đuổi trò.

Đơn Hà đến thăm Huệ Trung, gặp lúc Huệ Trung đang ngủ trưa.

Đơn Hà hỏi thị giả :

-Thầy ông có nhà không ?

-Có nhà nhưng không tiếp khách.

-Sâu xa vậy !

-Dù Phật đến cũng không tiếp.

-Ông là đồ đệ giỏi, thầy ông phải hãnh diện về ông.

Đơn Hà bỏ đi. Khi Huệ Trung thức giấc, thị giả thuật lại. Huệ Trung đánh thị giả và đuổi ra.

Huệ Trung là quốc sư (thầy của vua) và rất nổi tiếng. Đơn Hà cũng là một đại thiền sư. Thị giả đón tiếp Đơn Hà với cung cách thiền mới đạt được. Đơn Hà nhận ra ngay sự bắt chước nhưng ông dùng lời khen như quạt than trên lò cho nóng. Khi thị giả kể lại chuyện này cho thầy nghe, Huệ Trung dập tắt ngọn lửa này cho ông và đuổi ra. Về sau Đơn Hà nghe được chuyện này khen rằng Huệ Trung xứng đáng được gọi là quốc sư. Huệ Trung và Đơn Hà rất hiểu nhau.

180- Khảy ngón tay.

Thiền Nguyệt, một thiền sư thi sĩ viết một bài thơ có các câu :

Hai ngón tay khảy

Tạo ra tiếng vang

Nhưng trong thùng rỗng

Tiếng vọng lại vang.

Đại Từ nghe được bài thơ này và khi gặp Thiền Nguyệt hỏi :

-Thế là nghĩa gì ?

Thiền nguyệt không thể trả lời.

Thiền Nguyệt là một thiền sư thi sĩ, và công án này liên quan đến những câu thơ của ông. Khảy ngón tay là một phong tục của thời đó. Nó có 3 ý nghĩa :

1- một lời cảnh cáo (cho sự thức tỉnh)

2- sự ngạc nhiên (cho sự giác ngộ)

3-sự xoá bỏ (những rắc rối của đời).

Các ông tăng cần biết ý nghĩa thực của việc khảy ngón tay, nhưng thi sĩ phê bình là ít người hiểu. Con người có khuynh hướng là xem người khác. Khi Đại từ gặp Thiên Nguyệt ông hỏi ý nghĩa và Thiên Nguyệt không thể trả lời. Ông chỉ viết ra những lời thơ đẹp. Nhiều tu sĩ và học giả có thể cho những bài giảng tuyệt vời, nhưng có bao người có thể sống như vậy.

181- Lâm Tế trồng tùng.

Lâm Tế đang trồng một cây tùng non, khi thầy ông là Hoàng Bá đi ngang hỏi :

-Thiền viện đã có cây đẹp rồi, ông còn trồng làm gì ?

-Vì 2 lẽ, thứ nhất là để làm đẹp thiền viện, thứ hai là để tạo dấu cho đời sau.

Nói rồi Lâm Tế dậm chân 3 lần để nén cây.

-Tôi không thích lời xác nhận của ông.

Lâm Tế không để ý đến lời nhận xét đó, lại nén cây 3 lần nữa và lẩm bẩm :

-Làm xong !

-Ông sẽ truyền giáo lý của tôi cho đời.

Bất cứ cái gì ta làm, ta phải làm với sự tự tín. Ông thầy Hoàng Bá biết Lâm Tế đạt cốt tuỷ của thiền và đang trồng cây Lâm Tế thiền độc nhất ở thiền viện, nhưng ông cũng muốn thử thách nữa. Dù Hoàng Bá chỉ trích, nhưng Lâm Tế vẫn không động. Sau cùng, Hoàng Bá biểu lộ sự vui mừng. Khi một người đạt giác ngộ. Sự biểu lộ có thể khác nhau nhưng cốt lõi thì cùng giống nhau.

Quyển VII

Vượt lên suy luận

Chân lý luôn luôn vượt trên suy luận, cũng như cuộc đời thì luôn ngoài suy luận. Thiên, sự thật của đời, Niết bàn, giác ngộ đều ở ngoài tầm tay của trí. Giác ngộ không thể đạt được bằng cái trí. Chân lý chỉ có thể hiểu qua sự thực nghiệm trực tiếp. Cũng như ta cảm nhận nóng lạnh trực tiếp. Chim hót, nước chảy, mưa rơi, tình yêu, không có lý do gì cả. Họ chỉ làm như thế. Thiên là ngoài suy luận vì nó dính lứu tới đời.

182- Phật mặt trời, Phật mặt trăng.

Mã Tổ một vị thiền sư lớn bị bệnh, một đệ tử tới thăm và hỏi :

-Mấy hôm rày thầy khỏe không ?

-Phật mặt trời, Phật mặt trăng.

Theo kinh điển của Phật giáo: Phật mặt trời có đời sống là 1.800 năm, Phật mặt trăng có đời sống một ngày một đêm. Câu đáp của Mã Tổ có nghĩa rằng :

-Tôi có thể sống như Phật mặt trời hay như Phật mặt trăng, hai cách sống này tôi đều không quan tâm. Tôi ở đây và tôi đang sống. Thiên chú trọng sống bây giờ, không phải quá khứ hay tương lai. Mã Tổ không nói về đời sống, ông sống nó.

183- Tiếng vỗ của một bàn tay.

Mặc Lôi nói với chú tiểu Đông Dương :

-Chú có thể nghe tiếng vỗ của 2 bàn tay. Bây giờ hãy chỉ cho tôi tiếng vỗ của một bàn tay.

Mặc Lôi là vị trụ trì ở Kiến Nhân Tự. Đông Dương là một chú tiểu mới 12 tuổi. Chú hãy còn quá nhỏ để học tập công án như các thiền sinh lớn tuổi hơn. Nhưng chú vẫn kiên trì nài nỉ và cuối cùng Mặc Lâm cho chú công án này.

-Thế nào là tiếng vỗ của một bàn tay?

Đông Dương suy nghĩ miên man và chú trình cho thầy đủ mọi loại tiếng : tiếng nước rơi róc rách, tiếng đàn của kỹ nữ, tiếng gió rì rào, tiếng chim hót, tiếng dế, tiếng cào cào bà còn nhiều nữa. Chú tiếp tục trong nhiều tháng cho tới cạn hết mọi loại tiếng, không thể nghĩ ra được tiếng nào nữa, chú tiểu Đông Dương tiến vào thiền định thực sự và vượt lên mọi tiếng. Chú nói :

-Tôi không thể gọi ra một tiếng nào nữa. Do đó tôi đạt được tiếng không tiếng. Tiếng vỗ của một bàn tay to hơn tiếng vỗ của 2 bàn tay, nó rung chuyển khắp thế giới.

184- Niêm hoa vi tiếu.

Khi Phật ở núi Linh Thứu, Ngài xoay cành hoa trong tay và giơ lên trước đại chúng. Tất cả đều im lặng, chỉ có Ca Diếp là mỉm cười. Phật nói :

-Tôi có chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn diệu tâm, thực chứng vô tướng, ngoài giáo truyền riêng, nay giao cho Ca Diếp.

Khi Phật xoay cành hoa và giơ lên trước đại chúng, chỉ có Ca Diếp là mỉm cười. Ông hiểu Tâm Phật. Hoa là hoa không là gì khác. Nó không giả vờ, không kiêu ngạo, không mắc cỡ. Cốt lõi của mọi vật là không lời, không dạng. Chân lý không phải là lời nói. Lời nói và giáo lý chỉ là bảng chỉ đường. Thiền truyền không lời bằng cách ấn tâm, từ tâm tới tâm.

185- Thời gian của Quy Sơn.

Quy Sơn nói với đồ đệ :

-Mỗi năm, mùa Đông lập lại những ngày lạnh, năm ngoái cũng lạnh như năm nay và sang năm cũng sẽ lạnh như thế này. Các ông hãy cho tôi biết những ngày nào của năm được lập lại ?

Ngưỡng Sơn bước ra rồi đứng im. Quy Sơn nói :

-Tôi biết ông không trả lời được câu hỏi của tôi.

Và quay lại hỏi Hương Nghiêm :

Còn ông thì sao ?

-Con có thể trả lời được câu hỏi của thầy.

Nhưng trước khi ông nói thêm thì Quy Sơn đã cắt ngang :

-Tôi rất mừng là nguỡng Sơn đã không trả lời được câu hỏi của tôi.

Thời gian trôi qua như nước chảy trong sông. Mùa Đông, mùa hạ, đến rồi đi, năm này qua năm khác không cần giải thích. Chúng ở trên quyền hạn của con người. Nguỡng Sơn, Hương Nghiêm đều không trả lời được. Nhưng Hương Nghiêm nói rằng mình trả lời được. Quy Sơn cắt ngang không cho ông nói vì không trả lời hay hơn là một câu trả lời khái niệm. Chân lý vượt lên trên khái niệm và giải thích.

186- Không phải là tâm, Phật, vật.

Một ông tăng hỏi Nam Tuyên :

-Còn pháp nào thầy chưa nói không ?

-Có.

-Là gì vậy ?

-Không phải là tâm, không là Phật, không là vật.

Đây là một công án rất khó. Câu hỏi thật ra là :

-Chân pháp có thể giảng ra được không ?

Khi Nam Tuyên được hỏi :

-Còn có pháp nào ngoài lời không ?

Ông trả lời có, và phải mô tả nói :

-Không phải là tâm, không là Phật, không là vật.

Chân pháp là vượt trên lời nói. Giây phút nói ra, giảng giải hay thuyết giảng nó tự giới hạn và không phải là thực tại. Mọi vật luôn luôn thay đổi. Một việc không thay đổi thì không phải là thực tại. Đó là một khái niệm.

187- Tâm này không phải là Phật.

Một ông tăng hỏi Mã Tổ :

-Thế nào là Phật ?

-Tâm này không phải là Phật.

Mã Tổ luôn nói :Tức tâm, tức Phật. Nhưng đối với ông tăng này có thể chấp vào câu nói đó. Mã Tổ phá chấp cái khái niệm về Phật này. Giáo lý được giảng dạy theo nhu cầu và khả năng của thiên sinh. Một giáo lý không đáp ứng cho tất cả. Sự thật là động, thay đổi theo người, nơi chốn, và thời gian. Nhưng sự thật thì luôn luôn cụ thể và riêng biệt, Bất cứ cái gì khái niệm hoá thì không đúng. Chấp vào bất cứ cái gì là chết.

188- Hạt kê.

Tuyết Phong nói :

-Cả quả đất nắm lại lớn bằng hạt kê, ném đến trước mặt không hiểu thùng sơn, đánh trống gọi mọi người tới.

Nói và nghĩ gì về thế giới ? Đó chỉ là một khái niệm. Cái mà chúng ta sống là cuộc đời. Đó là tức khắc và trực tiếp. Cái đời của tôi thì lớn hơn và quan trọng hơn cả thế giới. Tôi bị đứt tay thì đau hơn là một cuộc chiến tranh. Tôi lớn hơn trời. Ngón chân tôi đau khi bị dẫm lên, lớn hơn cả thế giới. Thế giới nhỏ như một hạt kê, và khó nhìn như một thùng sơn đen trong đêm tối. Nó không có một ý nghĩa vì không có gì liên quan đến cuộc đời ở đây và bây giờ. Tuyết Phong muốn chúng ta sống cuộc đời của ta.

189- Tụng kinh.

Một ông tăng phái Thiên Thai được mời tụng kinh siêu độ cho vợ một người nông phu mới chết. Nông phu hỏi :

-Thầy có nghĩ rằng vợ con được ích lợi gì trong pháp sự này ?

Không những bà nhà mà tất cả chúng sanh đều được ích lợi.

Nông phu phản đối :

-Thầy nói tất cả chúng sanh, nhưng vợ con vốn yếu đuối làm sao tranh được với các người khác ? Xin thầy làm ơn chỉ tụng riêng cho nàng thôi.

Ông tăng giải thích rằng Phật tử phải coi chúng sanh bình đẳng và do đó họ phải được hưởng pháp ích như nhau.

-Giáo lý đó rất hay, nhưng con có một người hàng xóm đối với con rất thô lỗ và khắc bạc. Thầy có thể loại hẳn ra khỏi chúng sanh được không ?

Chúng ta đều cười bác nông phu, nhưng chúng ta có khác gì bác ta đâu ? Con người là loại chúng sanh ích kỷ nhất khi hã còn chấp ngã.

190- Sư tử con.

Một hôm, Đức Sơn đang làm vườn, thấy một ông tăng đi đến bèn đóng cửa lại. Ông tăng gõ cửa. Đức Sơn hỏi :

-Ai đó ?

-Sư tử con.

Đức Sơn mở cửa, ông tăng khom lưng lễ. Đức Sơn bèn cười lên lưng ông và nói :

-Súc sanh ! Từ đâu tới vậy ?

Tài giỏi của một ông thầy là có khả năng lượng định sức học của một thiền sinh. Mỗi thiền sinh đều có một trình độ khác nhau, nên sự giáo huấn cũng phải tùy theo trường hợp. Đức Sơn nổi tiếng là một vị thầy bạo ton. Ông tăng trong chuyện này biết thế và đến thử thách ông. Câu trả lời của ông tăng là một lời thách thức. Cho một con sư tử con vào nhà là một việc làm nguy hiểm; nhưng Đức Sơn vẫn mở cửa. Ông tăng khom lưng lễ, Đức Sơn bèn cười ngay lên lưng ông. Sự dạy dỗ luôn thay đổi tùy theo trường hợp, thời gian, địa điểm và con người.

191- Sự thật ngoài lời nói.

Một ông tăng hỏi Phong Huyệt :

-Không nói, không im làm sao diễn tả chân lý ?

-Tôi nhớ vào mùa Xuân ở Tàu, chim hót trong muôn hoa.

Khi được hỏi Phong Huyệt diễn tả chân lý theo cách của ông. Chân lý vượt lên suy luận, lời nói hay im lặng. Người ta phải biết nó bằng kinh nghiệm như Phong Huyệt biết nó. Nước không làm hết khát dù ta nhìn bao lâu đi nữa hoặc ta giải thích về tính giải khát của nó, nếu ta không uống thì cái khát vẫn còn.

192- Trạng thái tối cao .

Một ông tăng hỏi Long Nha :

- Những vị thiên sư tu đến tột cùng họ ở trạng thái nào ?
- Như kẻ trộm vào nhà trống.

Ông tăng này cũng giống những người thực tiễn ngày nay, chỉ tìm kết quả. Do đó ông hỏi thiên sư sự giác ngộ là gì ? Nếu tôi gia nhập hội tôi sẽ được gì ? Khi chết tôi sẽ đi đâu ? Thiên sư sẽ cho một cảnh tương tự : Trộm vào nhà trống hoàn toàn mở, không có gì để lấy, không ai nhìn. Thế giới là niết bàn ngay từ đầu.

193- Trần Châu sản xuất củ cải to.

Một ông tăng hỏi Triệu Châu :

- Con nghe nói thầy gần gũi với Nam Tuyền có phải không ?
- Trần Châu sản xuất củ cải to.

Củ cải là loại rau củ rất phổ thông trong bữa ăn hàng ngày. Và Trần Châu nổi tiếng về trồng nó. Triệu Châu là đệ tử của Nam Tuyền, và 2 người rất gần gũi, mọi người đều biết chuyện đó. Ở đây ông tăng hỏi một câu như thề để làm kinh ngạc hay làm bối rối Triệu Châu. Trần Châu sản xuất củ cải to là một sự kiện thông thường và hiển nhiên của cuộc sống, quá hiển nhiên đến không ai trả lời được. Cũng như nói qua thì đen. Đời sống thiên thực đơn giản, trực tiếp, thật.

194- Bữa cơm chiều của Đăng Sử.

Một gia đình Phật tử mời Đăng sử đến dự bữa cơm chiều. Ông chủ nhà bung ra một khay cỏ để trước mặt thiên sư. Đăng Sử để nắm đấm trên trán và giơ ngón tay cái lên như sừng bò. Ông chủ nhà bèn bung khay cơm thường ra. Về sau có đạo hữu bảo Đăng Sử giải thích lý do hành động lạ lùng ấy. Đăng Sử trả lời :

- Bồ tát Quán Thế Âm.

Ngày xưa sự thử thách giữa các thiên sinh rất là thường. Ông chủ nhà có lẽ muốn thử thách Đăng Sử nên mang ra một khay cỏ thay vì một khay cơm. Đăng Sử không tức giận, không hỏi han, không giảng giải chỉ bắt chước một con bò. Ông chủ nhà còn làm gì được nữa, ngoài bung khay cơm ra ? Đăng Sử bị thử thách và ông đã thắng dễ dàng. Về sau

một đạo hữu hỏi ý nghĩa đích thực của chuyện này. Đấng Sư vẫn không giải thích chỉ trả lời đơn giản : Bồ tát Quán thế Âm (tượng trưng cho lòng từ bi). Câu trả lời này không liên quan gì đến câu hỏi, giống như là kêu lên : Hôm nay trời đẹp quá. Thực tạ ơn trời !

195- Định thượng toạ đứng yên.

Định thượng toạ đến tham Lâm Tế, hỏi :

-Thế nào là đại ý của Phật pháp ?

Lâm Tế bước xuống thiền sàng, túm lấy ông, tát cho một cái rồi buông ra. Định thượng toạ sững sốt đứng yên. Ông tăng đứng bên bên nhắc :

-Định thượng toạ, sao không lay ?

Định thượng toạ bèn lay, hoát nhiên đại ngộ.

Định thượng toạ có lẽ là một thiền sinh già, có kiến thức. Ông đến tham Lâm Tế để thử thách. Lâm Tế biết ông không thành thực và khiêm tốn. Nhưng Định thượng toạ trở nên khiêm tốn và vái lạy. Ông nhận ra rằng cái trí không phải là Thiền.

196- Tuyết đầy chén bạc.

Một ông tăng hỏi Ba Lăng :

-Đề Bà tông là thế nào ?

-Tuyết đầy chén bạc.

Đề Bà tông là giáo lý của Kanadeva, tổ thứ 15 nhấn mạnh Tâm Phật là không theo giáo lý này thì thực tại là : thế, tướng, dụng. Câu hỏi của ông tăng trong công án này có nghĩa là :

-Thiền là gì ?

-Tuyết đầy chén bạc.

Dưới ánh trăng tuyết và chén bạc trông giống nhau, khó phân biệt, nhưng chúng khác nhau. Chúng có đời sống riêng. Thiền có thể mô tả bằng thế, tướng, dụng. Nhưng nếu ta chỉ nhìn qua một phương diện thì ta không thấy Thiền. Phổ quát là riêng biệt, riêng biệt là phổ quát. Vĩnh hằng là giây phút này, giây phút này là vĩnh hằng. Tình yêu là phổ quát, nhưng bày tỏ bằng những hành động cụ thể. Thiền là cả đời sống, nhưng mỗi hành vi là tuyết đối của đời.

197- Ba câu của Tùng Nguyên.

Tùng Nguyên hỏi :

-Tại sao người giác ngộ không tự giải thích, lời nói chẳng cần từ lưỡi và cắt đứt những ràng buộc bó chân.

Tại sao người giác ngộ không giải thích Thiên? Sự thật của vũ trụ, sự thật của cuộc đời không thể giải thích được dù đó là một người giác ngộ. Nếu ta muốn một cái gì ta phải tự mình thực hiện nó. Tại sao lời nói không cần từ lưỡi ? Khẩu tài không cần kỹ thuật, âm lượng, hay cái đẹp của lời. Nó có thể là tiếng hét của đời. Tại sao người giác ngộ không thể bước tự do ? Nếu ông ta còn chấp cho dù là chấp vào sự giác ngộ đi nữa ông ta chỉ nhảy cóc.

198- Sau bức màn giấy.

Thiền sư Tiệm Nguyên ngồi đằng sau một bức màn giấy. Một ông tăng vào đọc tham phải nhắc màn lên để chào thầy. Ông nhận xét :

-Lạ thật !

Thiền sư nhìn ông im lặng, sau đó hỏi :

-Ông hiểu không ?

-Con không hiểu.

-Trước khi chư Phật xuất hiện, thế giới cũng như lúc này sao ông không hiểu ?

Về sau, ông tăng đem chuyện này đi hỏi Thạch Sương. Thạch Sương khen ngợi Tiệm Nguyên :

-Tiệm Nguyên giống như một ông thầy dạy bắn cung. Ông không bao giờ buông tên mà không trúng đích.

Phương pháp giảng dạy của Thiền là trực giác và không lời. Tiệm Nguyên im lặng và sau đó hỏi ông tăng có hiểu không. Ông tăng này phải là một ông tăng mới vì ông không hiểu câu hỏi. Tiệm Nguyên có giải thích cho ông ngay từ ban sơ vạn vật đã tự như. Khi Thạch Sương nghe được câu chuyện này ông nhận xét rằng Tiệm Nguyên đã chỉ pháp một cách trực tiếp, nhưng ông tăng không hiểu. Đáng thương cho ông

tăng, ông không thể thấy sự việc ở ngay trước mắt mặc dầu đã được thiên sư chỉ điểm.

199- Áo bông.

Một ông tăng hỏi Triệu Châu :

-Mọi vật trở về một, một trở về đâu ?

-Tôi ở Thanh Châu may một cái áo bông nặng 7 cân.

Công án này rất nổi tiếng. Mọi vật trở về một là bước đầu tiên để hiểu Phật giáo. Không khó để nắm bắt. Nhưng câu hỏi là về cái một này. Như thế nào cái tuyệt đối này nổi lên ? Theo tương đối thì mỗi cá nhân là cái một. Nhưng thích thú là mỗi cá nhân là cái một, tuyệt đối tự nó. Tiểu chu thiên và đại chu thiên là một. Đông và Tây khác nhau, nhưng nếu một người đi Tây thì đi mãi sẽ gặp Đông và trở lại khởi điểm. Thực ra không có Đông, Tây. Đông, Tây chỉ có trong thế giới tương đối của chúng ta. Ông tăng đặt câu hỏi cho Triệu Châu có lẽ muốn làm bối rối ông thầy già. Nhưng Triệu Châu trả lời từ một thế giới khác. Nếu ta chấp vào lời, một cái áo bông, nặng 7 cân thì ta sẽ chẳng bao giờ hiểu. Thực tại không suy luận, Triệu Châu trả lời hiện thực cụ thể vượt lên lý luận. Chân lý luôn cụ thể.

200- Đi, về.

Một ông tăng hỏi sư phụ :

-Thầy nghĩ sao về một ông tăng rời thiền viện và không bao giờ trở lại ?

-Là một tên vô ơn.

-Còn ông tăng rời thiền viện và trở lại ?

-Là một người biết ơn.

Thiền viện là căn nhà tinh thần để tu đạo. Khi một ông tăng vào thiền viện là vì ông thầy nơi đó chứ không phải vì thiền viện. Pháp không sắc màu, vậy làm sao thấy và hiểu được ? Đó là nhờ cá tánh của thầy gọi là thiện tri thức. Khi một ông tăng ngộ nhờ gặp được thiện tri thức. Ông và thầy là một trong pháp. Do đó không có đi về. Thiền không có tốt nghiệp.

201- Con trâu qua cửa.

Pháp Diễn nói :

-Con trâu qua cửa, đầu sừng và 4 chân đều qua, tại sao cái đuôi lại không qua ?

Chúng ta biết con trâu là gì nhưng chúng ta phải hiểu con trâu biểu tượng cho cái gì. Và tại sao cái đuôi lại không qua được cửa trong khi thân trâu lại dễ qua ? Con trâu là một chúng sinh cảm xúc. Đầu, sừng và 4 chân đều qua cửa là hành động của chúng ta. Lờn và ý cũng qua theo 5 giác quan. Lúc đó, con người đứng trên bờ vực thẳm, đe dọa bởi hàng ngàn kích xúc tự nhiên của thân xác kế thừa. Nhưng cái đuôi – cái ngã chân thật hay Phật tánh không đi qua vì không thích ứng với ảo tưởng. Nó không bao giờ giảm sút hay bị đe dọa.

202- Mang thiên trượng quanh thiên toạ.

Ma Cốc tay cầm tích trượng đến bái phỏng hoà thượng Chương Kính. Gặp lúc Chương Kính đang ngồi thiền. Ma Cốc đi vòng quanh thiền sàng 3 vòng, động tích trượng xuống, đứng trước mặt Chương Kính. Chương Kính nói :

-Phải ! Phải !

Sau đó Ma Cốc lại đến Nam Tuyên, đi quanh thiền sàng 3 vòng, động tích trượng đứng trước mặt Nam Tuyên. Nam Tuyên nói :

-Không phải ! Không phải !

-Chương Kính nói phải, sao hoà thượng nói không phải ?

-Chương Kính phải, còn ông không phải. Đây là bị sức gió chuyền, về sau bại hoại.

Ma Cốc mang tích trượng đi quanh thiên toạ của đạo hữu đồng môn làm trở ngại thiền định của họ. Và biểu lộ sự giác ngộ. Chương Kính nói : Phải ! Phải ! Còn nói gì được với một gã như thế ? Nhưng Nam Tuyên ngưng hành động điên rồ này trước khi nó làm hại Ma Cốc. Những gì ông làm chỉ là đối chiều gió. Cũng vậy trong đời dù ông mạnh khoẻ, giàu có, thành công, có địa vị, cũng chỉ là theo chiều gió. Đều tận cùng bởi già, chết.

203- Giếng khô.

Một ông tăng hỏi Tuyết Phong :

-Khi giếng thiên cũ, không còn một giọt nước, con thấy gì ?

-Có nước ở không đáy mà ông không thấy.

-Làm sao con uống được nước này ?

-Không dùng mồm.

Về sau ông tăng này tới Triệu Châu và kể lại câu chuyện này, Triệu Châu bình luận :

-Không dùng mồm thì dùng mũi chửi ?

-Khi giếng cổ, khô không còn một giọt nước, con thấy gì ?

-Nước đắng ngòm.

-Người uống thì sao ?

-Mất mạng.

Khi Tuyết Phong nghe chuyện này tán thán :

-Thật là Triệu Châu cổ Phật.

Và từ đó ông gửi các ông tăng mới đến Triệu Châu.

Nước ở giếng thiên không đáy không bao giờ cạn. Nhưng nó hình như cạn với vài thiên sinh : họ đã tới đường cùng. Dù họ kỹ luật cách nào, vật chất và tinh thần đường cùng vẫn ở lại. Nếu sự thực này tiếp diễn họ sẽ chết khắc khổ vì lạm dụng. Một mặt khác ta phải chết để tái sinh một đời sống mới. Cái ngã phải chết để cái vô ngã lộ ra. Nơi nào có ngã thì không có Niết bàn. Niết bàn không có ngã.

204- Lời giảng của Vân Cư.

Thiền sư Vân Cư có nhiều đồ đệ. Một đồ đệ đến từ Đại Hàn (Tân La) thưa :

-Con có đạt được một cái gì đó, nhưng không thể nào diễn tả ra được, tại sao vậy ?

-Đâu có gì khó.

-Xin thầy chỉ cho con.

-Tân La ! Tân La !

Và kết thúc cuộc đối thoại. về sau có một vị thiền sư khác phê bình :

-Vân Cư không hiểu ông tăng một chút nào cả. Dầu họ cùng sống trong một thiền viện, nhưng cách nhau cả một đại dương.

Vân Cư là một vị thiền sư lớn, người sáng lập ra dòng thiền Tào Động có hơn 1500 thiền sinh. Ông tăng trong đời thoại này muốn mình diễn ra bằng lời cũng giống như một thanh niên đang yêu nói với người yêu rằng :

-Anh yêu em, anh có cảm giác kỳ diệu nhưng không sao diễn tả ra được.

-tại sao không, có gì khó đâu anh.

Thế thì em diễn tả giùm anh đi.

Thiếu nữ kêu lên :

-Ồ cực cực !

Và vòng tay ôm lấy chàng vào lòng.

Giác ngộ và tình yêu chỉ có thể biết do kinh nghiệm. Lời phê bình của vị thiền sư kia là không đúng.

205- Một loại đại tử.

Triệu Châu hỏi Đầu Tử :

-Nếu một người chết từ mờ trời dậy thì sao ?

-Không bàn cãi ban đêm, hiện ra ban ngày thì dễ quan sát hơn.

Triệu Châu chúng ta đã biết, hỏi Đầu Tử giống như một người đã chết về sự thật của cuộc đời bỗng nhiên giác ngộ. Đầu Tử trả lời sự thực không có nửa sống, nửa chết. Phải trái, trắng đen phải rõ ràng. Ma là biểu tượng của thân trung âm. Nó xuất hiện vào buổi chiều hay tối. Nó không có chân và di chuyển lung tung. Nó không tâm và chỉ than khóc. Nó không có đời sống và làm người khác sợ. Giác ngộ là chấm dứt trạng thái một nửa này. Sự giác ngộ này được gọi là đại tử. Vì thế giới thực tại, thế giới niết bàn chỉ mở sau khi ta đã chết với thế giới đời. Nhưng con người thì sợ hãi và chấp trước chỉ khi tới đường cùng thì đời sống thực mới bắt đầu.

206- Sự thật không diễn tả.

Nam Tuyền đến tham Bách Trượng, Bách Trượng hỏi :

-Từ trước chư thánh còn pháp nào chưa nói không ?

-Chẳng phải tâm, Phật, vật.

-Đã nói rồi mà.

-Tôi chỉ biết vậy, còn ông thì sao ?

-Tôi chẳng phải thiện tri thức đâu biết đã nói, chưa nói.

-Tôi không hiểu.

-Tôi đã vì ông nói rồi !

Không phải tâm, không phải Phật, không phải vật là cốt tuỷ của công án này. Mọi vật luôn thay đổi là lời Nam Tuyền không diễn tả được, nhưng người nói biết không thực sự biết, người nói không biết mới thực sự biết.

207- Trời, đất cùng một thể.

Lục Hoàn nói với Nam Tuyền :

-Triệu pháp sư nói : Trời đất đồng văn. Tôi và vạn vật đồng thể. Thật là kỳ quái.

Nam Tuyền dẫn ông ra vườn và bảo :

-Người nay thấy đoá hoa này như trong mộng.

Lục Hoàn là đại phu và bạn thân của Nam Tuyền. Câu nói ông nêu lên là một câu ông quý trọng. Nhưng Nam Tuyền lưu ý ông đến một bông hoa nói rằng nhiều người nhìn hoa này như trong mộng. Hoa có một đời ngắn ngủi trước khi tàn. Chỉ là một hoá hiện trong giây phút. Do đó con người nhìn đời, mọi vật đều tạm bợ, chuyển tiếp. Nhưng đó không phải là cách hiểu của Thiên. Bông hoa không phải chỉ là sự hoá hiện trong mộng. Cuộc đời không phải là mộng. Thế giới của Lục Hoàn và của Nam Tuyền khác nhau. Thế giới của Nam Tuyền thì động, xác định, chủ động. Thế giới của Lục Hoàn tĩnh, phủ định và khách quan. Cuộc đời, ngay cả một bông hoa là một cái gì ta không có thể giải thích được, muốn hiểu ta phải sống.

Quyển VIII

Sống và Chết

Trong thế giới của sự thật có và không rõ ràng. Và sự thật của đời là sự sống và chết. Nơi có cuộc đời thì không có sự chết. Nơi không có sự chết thì đó là cuộc đời. Hai cái này không thể đi cùng. Chúng không thể cùng hiện hữu. Bình thường, chúng ta coi đó là tự nhiên và không nghiêm túc. Nhưng khi cuộc đời tự nó có chuyện thì có cách giải quyết và sự giác ngộ. Sự thật không bao giờ âm cúng. Trong khi ta sống, ta đối diện với cái chết từng giây phút. Một khi chúng ta nhận ra rằng sự kiện này, chúng ta sẽ trở nên thành thật, quan tâm và trung thực với chính trong ta. Hiện thực của đời ta là sự kiện sống chết. Thiền sư dạy rằng đời là quý báu vì chúng ta sống trong giây phút này. Chỉ khi sống đầy đủ chúng ta có thể chết bình an, không hối tiếc.

208- Nam Tuyền chém mèo.

Nam Tuyền thấy các ông tăng ở Đông Đường và Tây Đường tranh chấp một con mèo. Ông bắt con mèo và bảo chư tăng :

-Các ông hãy nói một lời, bằng không tôi sẽ chém nó.

Không ai trả lời, do đó Nam Tuyền chém con mèo thành hai. Chiều đó, Triệu Châu trở về và Nam Tuyền kể lại câu chuyện Triệu Châu cởi dép ra, đội lên đầu, đi ra. Nam Tuyền nói :

-Nếu ông ở đó, ông đã cứu được con mèo rồi.

Công án này khó mà chấp nhận. Quý trọng đời sống, giới sát là cấm giới đầu tiên của Phật. Đi xa hơn, một truyền thống dài nói rằng trong một thiền viện không ai bị giết ngay cả một con chuột. Nếu kẻ thù hay một tội nhân trốn trong tu viện hẳn sẽ được che chở. Nhưng Nam Tuyền lại giết một con mèo. Trong thiền học, sự giác ngộ là quan trọng nhất. Ngay cả phải trả cả mạng sống, người đi tìm sự thật vẫn tìm. Đường thiền là sự sống chết. Nếu một người tìm thấy đường và chết ngay chiều đó thì cuộc đời ông cũng đầy đủ. Nếu một ông tăng đã nói một lời giác

ngộ hay làm một hành động giác ngộ thì cuộc đời của con mèo đã được cứu. Không ai nói gì và Nam Tuyên không tha hiệp. Khi Triệu Châu nghe chuyện này ông cười dè dặt ra, đội lên đầu. Thật trái ngược ! Nếu Triệu Châu có mặt lúc đó, ông có thể lấy dao của Nam Tuyên và lấy mạng thầy. Chém mèo ! Hành động này không thể chấp nhận. Đối diện với sự thực của cuộc đời : không bàn cãi, không lý lẽ chỉ hành động. Những kẻ thực tế ngày nay và những triết gia thực nghiệm không hiểu được thiên. Tại sao chim hót, tại sao hoa nở ? Tự chúng là cuộc đời. Trừ phi hiểu cuộc đời, còn không thì không thể hiểu công án này.

209- Làm gì trên đầu gậy trăm thước.

Thạch Sưong hỏi :

-Trên đầu gậy trăm thước làm sao bước nữa ?

Một vị thiền sư khác nói :

-Người ngồi trên đầu gậy 100 thước đã vào đường Đạo nhưng chưa phải là thật. Ông ta phải bước nữa để lộ chân thân cho 10 phương thế giới.

Bất cứ người nào nếu cố gắng cũng có thể leo lên chót đỉnh của gậy cao trăm thước. Nhưng leo xa hơn thì theo lý không thể được. Làm sao thiền sinh có thể làm được ? Ông ta có thể hiểu ngộ (Niết bàn, giác ngộ), nhưng biết ngộ là gì thì không phải là thiên. Thiên là đời sống, và đời sống vượt lên trên lý luận. Trừ phi thiên sinh để đời vào đó không thì ông chẳng bao giờ đạt được. Nếu một người muốn thử vàng thì ông ta phải nấu chảy nó trong lò. Nếu muốn sư tử con thì phải vào lòng sư tử. Đối với phê bình của vị thiền sư thứ nhì thì chỉ giác ngộ không, không đủ (ngồi trên đỉnh gậy) Ta phải đi xa hơn trong 10 phương. Chúng ta phải sống ngộ. Ta bà là Niết bàn. Niết bàn là Ta bà.

210- Vân Môn bị què.

Vân Môn đến Mục Châu Trần Tôn Túc để hỏi thiên. Lần thứ nhất ông không được vào. Lần thứ hai cũng vậy. Lần thứ ba ông tới, cửa mở hé. Vân Môn lách chân vào để ngăn đóng cửa. Mục Châu đẩy ông ra và đóng cửa nhanh đến nỗi chân Vân Môn bị kẹt và gãy.

Ngày xưa gãy xương chân thường là bị què suốt đời. Nhưng Vân Môn tìm chân lý là sự kiện sống chết. Trong thế giới của sự thật thì sự tìm kiếm chân lý quan trọng hơn là đời sống vật lý.

211- Bồ Đề Đạt Ma an tâm.

Bồ Đề Đạt Ma bích quán, người kẻ pháp tương lai đứng trong tuyết và dang tay chặt lên thừa :

- Tâm con không an, thỉnh thầy an cho.
- Đưa tâm ông ra đây, tôi an cho.
- Con tìm đã lâu mà không thấy.
- Vậy, tôi đã an tâm cho ông rồi đó.

Bồ Đề Đạt Ma một người Ấn Độ, tổ 18 kể từ Đức Phật Thích Ca đến Trung Hoa vào năm 520, và thành vị tổ thứ nhất ở Trung thổ. Ông bích quán 9 năm không nói một lời. Người kế vị ông là Huệ Khả, vị tổ thứ 2, tới hỏi ông cốt tuỷ của Thiên hay con đường Đạo. Huệ Khả là một nhà học giả lớn. Trẻ trung nhưng tâm không được an. Ông biết nhiều về thế giới, nhưng không biết gì về mình. Bồ Đề Đạt Ma không chú ý gì đến Huệ Khả dù ông đứng cả ngày đêm trong tuyết. Ông không nhìn đến Huệ Khả. Tuyết vọng, Huệ Khả chặt tay dang ông. Thấy Huệ Khả thành thực, Bồ Đề Đạt Ma cuối cùng ngó ông. Khi Huệ Khả xin an tâm, ông bằng lòng nếu Huệ Khả đưa được tâm ra. Nhưng Huệ Khả tìm không được vì không có tâm như thế. Phần lớn những rắc rối là do tâm chúng ta tự tạo. Nhìn vào trong, rọi sang nó. Không thật có rắc rối. Tâm bạn đã được an rồi !

212- Người trên cây.

Hương Nghiêm nói :

- Như người trên cây, mồm cắn vào cành cây, tay không vin vào cành, chân không đạp vào cây. Dưới cây có người hỏi ý tổ sư từ Tây sang. Không đáp thì phụ người hỏi, nếu đáp thì chôn thân mất mạng. Chính lúc đó phải làm sao ?

Giác ngộ là sự kiện sống chết. Cần phải cố gắng không chỉ hiểu bằng trí tuệ. Vài thiên sinh cố hiểu công án bằng cái trí và khi họ thấy nội dung

trí thức họ tưởng rằng mình đã hiểu. Sự hiểu biết này chẳng liên quan gì đến cuộc đời. Thiền là cả cuộc đời.